



# TẬP SAN NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN & THỰC TIỄN PHỤC VỤ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

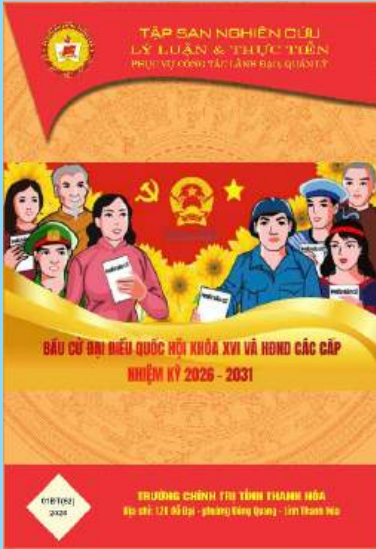


**BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ HĐND CÁC CẤP  
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

01ĐT(62)  
2026

**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA**  
Địa chỉ: 120 Đỗ Đại - phường Đông Quang - tỉnh Thanh Hóa

## MỤC LỤC



TẬP SAN NGHIÊN CỨU  
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
PHỤC VỤ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

### *Chịu trách nhiệm xuất bản*

TS. NGUYỄN THÀNH LƯƠNG  
Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng  
*Ban Biên soạn*  
*Trưởng Ban*

TS. NGUYỄN THÀNH LƯƠNG  
TS. THỊNH VĂN KHOA  
ThS. TRẦN THỊ NGỌC DIỆP

### *Các ủy viên*

TS. LÊ VĂN PHONG  
ThS. DƯƠNG THỊ BẢO ANH  
ThS. KHƯƠNG PHÚ TÙNG  
TS. PHẠM THỊ HOÀI THU  
TS. ĐỖ PHƯƠNG ANH  
ThS. LÊ THỊ HƯƠNG  
Thư ký ThS. NGUYỄN THỊ HOA

### *Trình bày*

ThS. NGUYỄN THỊ HOA  
*Sửa bản in*  
BAN BIÊN SOẠN



Đoàn kết - kỷ cương - trách nhiệm - sáng tạo - phát triển, phấn đấu đưa Thanh Hóa trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc	<b>Đồng chí Nguyễn Doãn Anh</b>	1
Năng lực tư duy và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp xã hiện nay	<b>TS. Nguyễn Thành Lương</b>	6
Sự phát triển tư duy đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam qua các kỳ đại hội Đảng	<b>TS. Thịnh Văn Khoa</b>	13
Tổng bí thư Lê Khả Phiêu - Người con ưu tú của quê hương Thanh Hóa	<b>TS. Lê Văn Phong</b>	18
Hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp qua thực tiễn triển khai ở xã Định Hoà	<b>ThS. Dương Thị Bảo Anh</b>	24
Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của cấp ủy cấp xã theo tinh thần nghị quyết đại hội XIV của Đảng	<b>ThS. Nguyễn Ngọc Thắng</b>	28
Nâng cao hiệu quả phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã ở địa bàn miền núi, biên giới - từ thực tiễn xã Pù Nhi, tỉnh Thanh Hóa	<b>PGS.TS. Đoàn Văn Trường</b>	33
Phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ giảng viên trong việc thực hiện 6 giá trị chuẩn mực đạo đức “kiên định, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo” ở trường chính trị tỉnh thanh hoá góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	<b>TS. Dương Thị Hằng</b>	39
Một số giải pháp phát triển kinh tế số tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Thanh Hóa	<b>ThS. Nguyễn Thị Lan Hương</b>	45
Những yêu cầu về phẩm chất, giá trị của người lãnh đạo, quản lý - yếu tố nền tảng hình thành văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp xã hiện nay	<b>ThS. Lê Ái Bình và ThS. Lê Hải Yến</b>	50
Trao đổi một số nội dung góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	<b>ThS. Lê Thị Hương</b>	56
Nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở - yêu cầu tất yếu trong nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng	<b>ThS. Nguyễn Thị Yến</b>	61
Giải pháp phát huy trách nhiệm nêu gương của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa trong tham gia cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	<b>ThS. Phạm Bá Thịnh</b>	67



Một số kinh nghiệm trong phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay	<b>ThS. Trịnh Thị Phượng</b>	72
Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tại các tổ dân phố và doanh nghiệp, công ty trên địa bàn Phường Hạc Thành	<b>Đồng chí Nguyễn Anh Tuấn</b>	77
Nghiên cứu, vận dụng Kết luận số 226-KL/TW về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong việc xây dựng lề lối làm việc của cán bộ, viên chức Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá	<b>ThS. Nguyễn Thị Kiều Trang</b>	82
Năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề trong tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị hiện	<b>Đồng chí Lê Xuân Hạnh</b>	87
Triển khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2026 - giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	<b>ThS. Nguyễn Trần Bách Diệp</b>	89
Tạo đột phá xây dựng xã Xuân Tín phát triển nhanh và bền vững	<b>Đồng chí Nguyễn Xuân Hải</b>	95
Xây dựng Đảng theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh - từ lý luận đến thực tiễn tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	<b>ThS. Đinh Thị Bình</b>	98
Phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã - thực tiễn và kinh nghiệm ở xã Trung Thành, tỉnh Thanh Hóa	<b>Đồng chí Bùi Công Anh</b>	107
Khoa Xây dựng Đảng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy- khâu đột phá thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030	<b>ThS. Nguyễn Thị Loan</b>	112
Giải pháp phát triển kinh tế biển xã hoằng tiến trở thành động lực tăng trưởng bền vững	<b>ThS. Vương Mạnh Toàn &amp; ThS. Lê Thị Nga</b>	117
Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương hai cấp từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa	<b>TS. Nguyễn Như Sơn</b>	122
Giải pháp nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân	<b>Đồng chí Hà Thị Ngọc</b>	131
Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở phường Hạc Thành	<b>Đồng chí Trần Huyền Trang</b>	138

**ĐOÀN KẾT - KỶ CƯƠNG - TRÁCH NHIỆM - SÁNG TẠO - PHÁT TRIỂN, PHÂN ĐÁU ĐUA THANH HÓA TRỞ THÀNH TỈNH GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HẠNH PHÚC**

**Đồng chí Nguyễn Doãn Anh**  
Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

*Mục tiêu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc đặt ra tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX là tầm nhìn, khát vọng vươn lên và quyết tâm hành động của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.*

**T**hành tựu năm 2025 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 tạo tiền đề phát triển trong giai đoạn mới

Khép lại năm 2025 - một năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với cả nước nói chung, tỉnh Thanh Hóa nói riêng; được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đã phát huy tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những kết quả tích cực, góp phần vào thành tựu chung của cả nhiệm kỳ 2020 - 2025, nổi bật là:

(i) Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2025 ước đạt 8,27%, xếp thứ 15 cả nước; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 9,05%, đứng thứ 4 cả nước; quy mô GRDP ước đạt 334 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 11 cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, chất lượng tăng trưởng được nâng lên; thu ngân sách

nhà nước năm 2025 đạt trên 57 nghìn tỷ đồng, vượt 25,7% dự toán và đứng thứ 11 cả nước.

(ii) Thực hiện quyết liệt các nghị quyết trụ cột, chiến lược của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành thông suốt chính quyền địa phương 2 cấp theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

(iii) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc; các công trình, dự án trọng điểm được quyết liệt triển khai, hoàn thành đạt và vượt tiến độ gắn với bảo đảm yêu cầu chất lượng, kỹ, mỹ thuật; tỉ lệ giải ngân vốn đầu công năm 2025 đạt 111,5% kế hoạch Trung ương giao, xếp thứ 3 cả nước.

(iv) Văn hóa, xã hội tiếp tục chuyển biến tiên bộ, đời sống nhân dân không

ngừng được nâng lên; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 3.505 USD, gấp 1,6 lần năm 2020; hoàn thành đúng thời gian Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát với 14.780 hộ gia đình được hỗ trợ; bên cạnh đó, đã kịp thời hỗ trợ cho 2.463 hộ gia đình khắc phục thiệt hại về nhà ở do các cơn bão số 5, số 10, số 11 và mưa lũ sau bão gây ra.

(v) Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng; đã tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; thực hiện điều động, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và bố trí cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã yên tâm công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chính quyền địa phương 2 cấp; nhiều khó khăn, vướng mắc được tập trung chỉ đạo giải quyết, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn những khó khăn, vướng mắc, đó là: (i) Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh có mặt còn hạn chế; một số “điểm nghẽn” đã được phát hiện (như: khan hiếm vật liệu xây dựng và giá vật liệu tăng cao; số lượng dự án tồn đọng kéo dài rất lớn...), song kết quả giải quyết đến nay chưa đạt như kỳ vọng; (ii) Hoạt động sản

xuất, kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn; (iii) Kết cấu hạ tầng, nhất là ở khu vực miền núi còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; (iv) Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; (v) Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là trong các lĩnh vực: địa chính, xây dựng, giao thông, tài chính, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục...; trụ sở, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ làm việc cho cấp xã còn nhiều khó khăn.

### **Quyết tâm hành động, tạo đột phá trong giai đoạn mới**

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa quán triệt và thực hiện nghiêm, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, trọng tâm là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết trụ cột, chiến lược của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn mới...; phát huy tối đa

tiềm năng, lợi thế, vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, trong đó tập trung:

*Một là, tập trung thực hiện 8 nhóm nhiệm vụ trọng tâm:*

(1) Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao chất lượng, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp lại và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới tư duy, phương thức quản lý, điều hành của các cấp chính quyền theo hướng kiến tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tạo chuyển biến rõ nét về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hiệu quả, khắc phục tình trạng hành chính hóa. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

(2) Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các nghị quyết, kết luận của Trung ương mới ban hành, đặc biệt là những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện, bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Đảng sớm đi vào cuộc sống, đạt được mục tiêu đề ra.

(3) Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng, nhất là các động lực tăng trưởng mới. Tiếp tục triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả các giải pháp nâng cao tốc độ tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; tập trung xây dựng, phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực theo Quy hoạch tỉnh, 3 trụ cột phát triển (công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; du lịch), tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực, các vùng, khu vực và cả tỉnh.

(4) Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là phát triển

kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung Bộ và Nam đồng bằng Bắc Bộ.

(5) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, trọng tâm là hạ tầng các khu công nghiệp, hoàn chỉnh hệ thống cảng biển Nghi Sơn; nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê; triển khai thực hiện các dự án điện khí (LNG); xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn; tạo thuận lợi, ưu tiên thu hút các dự án hóa dầu, tổng kho xăng dầu, các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp mới nổi, dịch vụ logistics, đưa Thanh Hóa thành trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics.

(6) Lồng ghép, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả 5 chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Chương trình phát triển văn hóa; Chương trình phòng, chống ma túy) nhằm phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế với văn hóa, nâng cao đời

sống vật chất, tinh thần của nhân dân, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

(7) Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, nhân dân quan tâm (thừa, thiếu giáo viên; nghiện hút ma túy; khám, chữa bệnh; ô nhiễm môi trường; nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; nhà ở cho công nhân, người nghèo...); thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu.

(8) Củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang, dự bị động viên, dân quân tự vệ bảo đảm về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ, việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

*Hai là, tập trung thực hiện 3 khâu đột phá.*

(1) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ

tầng khu vực miền núi; hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng du lịch.

(2) Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: cơ chế, chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...); xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

(3) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, tuân thủ pháp luật, có khát vọng làm giàu chính đáng, có trách nhiệm với xã hội; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu

ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

Những thành tựu đạt được năm 2025 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tạo ra thế và lực mới để Thanh Hóa tiếp tục tăng tốc, bứt phá trong giai đoạn mới. Với phương châm “Đoàn kết - kỷ cương - trách nhiệm - sáng tạo - phát triển”, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đưa Thanh Hóa đến năm 2030 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc và có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

## NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ TÂM NHÌN LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ CẤP XÃ HIỆN NAY

**TS. Nguyễn Thành Lương**

*Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,*

*Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa*

*Trong bối cảnh thế giới biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước ở các cấp. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, quản lý, đặc biệt là ở cấp cơ sở phải không ngừng nâng cao tư duy phát triển và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý. Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định trực tiếp đến sự phát triển bền vững của địa phương và củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, vào chế độ.*

### **1. Nhận thức chung về tư duy và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý**

#### **1.1. Quan niệm về tư duy và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý**

Theo các nhà khoa học, *tư duy lãnh đạo* được hiểu là quá trình hoạt động trí tuệ của chủ thể lãnh đạo nhằm nhận thức sâu sắc bản chất, quy luật vận động của tổ chức, địa phương trong mối tương quan với bối cảnh bên trong và bên ngoài, từ đó định hướng cho hành động lãnh đạo một cách khoa học và hiệu quả. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, từ lãnh đạo không chỉ dừng lại ở việc nhận diện thực tại mà còn phải chủ động tìm kiếm con đường đi tới tương lai, làm nền tảng cho việc hình thành chính sách và hoàn thiện pháp luật. Thực tiễn đã chứng minh rằng, tư duy mới tạo ra chính sách mới, chính sách mới dẫn tới hành động mới và kết quả mới. Điều này có nghĩa, tư duy lãnh đạo cần được tiếp cận dưới góc độ *tư duy phát triển*.

Nếu tư duy là quá trình thì tầm nhìn là sản phẩm kết tinh của quá trình đó. Nói đến tầm nhìn là nói đến “sự hình dung về tương lai (thường là tương lai tốt đẹp) của các sự kiện, tiến trình hoặc tổ chức hay cả quốc gia”<sup>2</sup>. Theo đó, “tầm nhìn lãnh đạo là một hình dung về một tình trạng tốt đẹp của tổ chức, cộng đồng, xã hội trong tương lai có được thông qua quá trình lãnh đạo”<sup>3</sup>. Các nhà khoa học cũng chỉ ra rằng, tầm nhìn lãnh đạo, quản lý thể hiện khả năng dự báo dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về các quy luật phát triển và thực tiễn. Tầm nhìn lãnh đạo được cụ thể hoá thành tầm nhìn chiến lược, dài

<sup>2</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình cao cấp lý luận chính trị: Khoa học Lãnh đạo, Nxb, Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.24

<sup>3</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình cao cấp lý luận chính trị: Khoa học Lãnh đạo, Nxb, Lý luận chính trị, Hà Nội.

xác định trạng thái mong muốn của tổ chức, địa phương trong một khoảng thời gian hạn (10 năm, 20 năm hoặc dài hơn), là kim chỉ nam cho việc hoạch định và triển khai chính sách. Tại Thanh Hoá, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã xác định một tầm nhìn chiến lược thể hiện khát vọng của Nhân dân trong tỉnh đó là: “... *Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hoá trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc*”. Đây là chỉ dẫn để các ban, sở, ngành, đặc biệt là cấp cơ sở cụ thể hoá thành tầm nhìn và hành động của riêng mình.

### **1.2. Vai trò của tư duy và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý**

Thực tiễn cho thấy, tư duy phát triển và tầm nhìn lãnh đạo, quản lý có vai trò rất quan trọng, quyết định sự thành bại của tổ chức. Trước hết, tư duy và tầm nhìn là nền tảng của việc hoạch định và triển khai chính sách. Tư duy phát triển giúp người lãnh đạo nhận diện đúng đắn thực trạng, nắm bắt xu hướng và xác định chính sách phù hợp. Cùng với đó, tầm nhìn bao quát, rõ ràng, dựa trên tư duy phát triển sẽ giúp người lãnh đạo xác định chính xác các vấn đề ưu tiên, mục tiêu trọng tâm và các giải pháp đột phá; đồng thời truyền cảm hứng, huy động và thống nhất ý chí, hành động của tập thể, của Nhân dân để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, kiên trì theo đuổi mục tiêu đã định. Ngược lại, nếu thiếu tầm nhìn, việc hoạch định chính sách dễ rơi vào tình trạng bị động, chấp vá, chỉ giải quyết những vấn đề ngắn hạn, bỏ lỡ lợi ích dài hạn.

Tư duy, tầm nhìn cũng góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân. Bởi lẽ, người lãnh đạo có tư duy phát triển và tầm nhìn chiến lược sẽ luôn đặt lợi ích của tập thể, của Nhân dân và đất nước lên trên hết; đồng thời, vượt qua những cám dỗ của lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, từ đó quyết liệt hơn trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Người cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín chính là nhân tố quyết định sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và hệ thống chính trị. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước được xây dựng, củng cố từ chính những kết quả phát triển của địa phương, đơn vị, từ sự liêm chính và tinh thần phụng sự của người cán bộ lãnh đạo, quản lý.

## **2. Bối cảnh và yêu cầu mới về tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã hiện nay**

### **2.1. Bối cảnh mới**

Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, tạo ra nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức lớn đan xen; trong nước đang triển khai ngừng quyết sách chiến lược mang tính cách mạng. Đặc biệt là, từ ngày 1/7/2025, mô hình chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, tạo ra một bối cảnh hoàn toàn mới cho cấp xã. Đó là, sự thay đổi sâu sắc về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và yêu cầu về năng lực cán bộ.

*Thứ nhất*, về chức năng, nhiệm vụ, cấp xã trở thành một cấp hành chính trực tiếp thuộc cấp tỉnh, gánh vác một khối lượng công việc không lồ và phức tạp với 1.065 nhiệm vụ, thẩm quyền của cấp huyện được chuyển giao cho, cùng với các nhiệm vụ mới theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi). Từ đó, làm cho cấp xã từ một đơn vị chủ yếu thực thi các nhiệm vụ mang tính cụ thể thành một cấp quản trị địa phương toàn diện, phải giải quyết nhiều vấn đề khác nhau. Khối lượng công việc, phạm vi quản lý và tính chất phức tạp của nhiệm vụ đều tăng lên đột biến, đòi hỏi một sự chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy “*quản lý*” sang tư duy “*quản trị và kiến tạo phát triển*”.

*Thứ hai*, công cuộc tái cấu trúc, xây dựng tổ chức bộ máy “*tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn, sắp xếp lại các thôn, tổ dân phố và kiện toàn bộ máy bên trong đòi hỏi cấp ủy phải có năng lực lãnh đạo sự thay đổi, giải quyết hài hòa các mối quan hệ, ổn định tư tưởng cho cán bộ và Nhân dân; đồng thời nhanh chóng đưa bộ máy mới vào vận hành thông suốt. Quá trình này là một cuộc cách mạng trong phương thức hoạt động, đòi hỏi sự linh hoạt, khoa học và quyết tâm chính trị cao.

*Thứ ba*, trong kỷ nguyên số, việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số là yêu cầu bắt buộc. Cán bộ cấp xã, nhất là người đứng đầu, phải có năng lực lãnh đạo chuyển đổi số, sử dụng khoa học công nghệ để nâng cao

hiệu quả quản lý, ra quyết định dựa trên dữ liệu và tăng cường tương tác với người dân qua các nền tảng số. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, trình độ công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế, nhất là các cán bộ lớn tuổi, giàu kinh nghiệm thực tiễn nhưng lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ mới. Điều này đòi hỏi, vừa phải nâng cao năng lực số cho đội ngũ hiện có, vừa phải có cơ chế thu hút, đào tạo lực lượng cán bộ trẻ, am hiểu công nghệ về làm việc tại cơ sở.

*Thứ tư*, điều kiện làm việc và đời sống của cán bộ, công chức cấp xã còn nhiều khó khăn. Chế độ, chính sách đãi ngộ, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất ở nhiều nơi thay đổi không đáng kể, trong khi khối lượng công việc và áp lực trách nhiệm tăng lên gấp bội, gây ra ảnh hưởng đến động lực cống hiến của đội ngũ cán bộ cấp xã. Việc giải quyết hài hòa giữa yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao và điều kiện đảm bảo tương xứng là một thách thức lớn đối với công tác cán bộ trong bối cảnh mới.

## **2.2. Yêu cầu mới về tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã hiện nay**

Bối cảnh mới nêu trên, đang đặt ra những yêu cầu mới đối với tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã. Trong kỷ nguyên mới, họ không thể lãnh đạo, quản lý bằng tư duy và phương pháp xưa cũ, mà đòi hỏi phải có sự thay đổi căn bản về chất trong phẩm chất và năng lực.

*Một là*, người lãnh đạo cấp xã phải tiên phong về lý luận, năng lực dự báo và tư duy vượt trước. Họ không còn có thể trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo chi tiết, cụ thể của cấp trên, mà phải là những người có khả năng tự nghiên cứu, nắm vững đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tỉnh, từ đó vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đặc biệt, đội ngũ này phải có năng lực dự báo các xu hướng phát triển, nhận diện sớm các thời cơ, thách thức, rủi ro để chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó vì đây chính là tuyến đầu của sự phát triển và ổn định.

*Hai là*, người lãnh đạo cấp xã phải có năng lực đánh giá toàn diện, sâu sắc tiềm năng, lợi thế và những điểm nghẽn của địa phương. Am hiểu sâu sắc nhất về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của địa phương mình. Am hiểu sâu sắc về các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử, cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Trên cơ sở đó, hoạch định được chiến lược phát triển phù hợp, biến tiềm năng thành hiện thực, tháo gỡ những “điểm nghẽn” đang cản trở sự phát triển; đồng thời, đề xuất được những chủ trương, chính sách mang tính đột phá, khả thi trong phát triển địa phương.

*Ba là*, phải có năng lực dẫn dắt và tổ chức thực hiện hiệu quả. Tư duy và tầm nhìn sẽ không có giá trị nếu không

được chuyển hóa thành hành động và kết quả cụ thể. Vì vậy, người lãnh đạo cấp xã phải có năng lực tổ chức, điều hành đảm bảo “đúng vai, thuộc bài” và phân công “đúng người, đúng việc” để bộ máy mới hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cùng với đó, phải có khả năng đánh giá phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ trong mối quan hệ với vị trí việc làm mới, để từ đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp lại cho phù hợp. Người lãnh đạo cấp xã còn phải là hạt nhân quy tụ, đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

## **2. Con đường hình thành và giải pháp nâng cao năng lực tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã**

### **2.1. Con đường hình thành năng lực tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã**

Tư duy và tầm nhìn chiến lược của người lãnh đạo cấp xã là kết quả của một quá trình phấn đấu, rèn luyện kiên trì và khoa học. Để hình thành và nâng cao năng lực tư duy, tầm nhìn, trước hết, bắt đầu từ ý chí, khát vọng cống hiến và tinh thần phụng sự Nhân dân của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã. Người lãnh đạo không có khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, không có một tình yêu thương và tinh thần trách nhiệm sâu sắc với Nhân dân, thì khó có thể có được năng lực tư duy

đủ sâu và tầm nhìn đủ lớn.

Tư duy, tầm nhìn chiến lược của người cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã còn được bồi đắp bằng sự cần cù, chịu khó học tập, không ngừng tích lũy kinh nghiệm và tổng kết thực tiễn. Vì vậy, việc học tập lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới về quản lý nhà nước, kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ là yêu cầu bắt buộc. Đồng thời, phải coi trọng việc tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại để làm giàu thêm vốn tri thức và năng lực lãnh đạo của mình.

Để hình thành năng lực tư duy, tầm nhìn, đòi hỏi người lãnh đạo cấp xã phải năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đây là phẩm chất quan trọng nhất của người lãnh đạo trong bối cảnh mới vì thực tiễn luôn vận động và nảy sinh những vấn đề chưa có tiền lệ.

Ngoài ra, người lãnh đạo cấp xã phải thường xuyên đi cơ sở, đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” phải trở thành phương thức lãnh đạo, làm việc hằng ngày. Chỉ khi thấu hiểu thực tiễn, người lãnh đạo mới có khả năng phản biện chính sách từ cấp trên, phát hiện những bất cập, điểm nghẽn và chủ động đề xuất những giải pháp phù hợp, hiệu quả.

## 2.2 . Giải pháp nâng cao năng lực tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo, quản lý cấp xã

Để xây dựng đội ngũ cán bộ cấp ủy cấp xã có đủ tư duy và tầm nhìn, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, cần triển khai đồng bộ một hệ thống các giải pháp chủ yếu sau đây:

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, làm chuyển biến sâu sắc nhận thức của cả hệ thống chính trị và bản thân mỗi cán bộ về vai trò, yêu cầu mới đối với cấp xã.

*Hai là*, đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải đổi mới theo hướng tiếp cận năng lực, bám sát khung tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu của vị trí việc làm của cán bộ cấp xã trong mô hình chính quyền hai cấp; tập trung vào các kỹ năng cốt lõi như tư duy chiến lược, hoạch định chính sách, quản trị công, lãnh đạo sự thay đổi và đặc biệt là năng lực chuyển đổi số. Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phải chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức một chiều sang phương pháp tích cực, lấy người học làm trung tâm, tăng cường thảo luận tình huống, xử lý các vấn đề thực tiễn của địa phương.

*Ba là*, tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức đảng, hệ thống chính trị cấp xã trong sạch, vững mạnh toàn diện, đoàn kết, thống nhất. Đây là những môi trường quyết định sự hình thành và phát

triển năng lực của cán bộ. Cần tiếp tục phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng đi đôi với siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư duy cục bộ, bè phái, tâm lý sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh, những biểu hiện làm suy yếu năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng.

*Bốn là*, làm tốt công tác dân vận, tạo cơ chế để Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và giám sát cán bộ một cách thực chất. Người lãnh đạo có tư duy và tầm nhìn phải biết dựa vào dân, lắng nghe dân và huy động được sức mạnh của dân. Vì sức mạnh và trí tuệ của Nhân dân là nguồn lực dồi dào, là tài sản vô giá của đất nước. Phải công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia góp ý, phản biện và giám sát quá trình thực hiện. Qua đó, giúp các quyết sách đi vào cuộc sống và rèn luyện, sàng lọc, đánh giá cán bộ.

*Năm là*, tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Qua đó, góp phần làm trong sạch môi trường công tác, tạo niềm tin cho những cán bộ tốt, dám nghĩ, dám làm, đồng thời loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi bộ máy.

*Sáu là*, thực hiện tốt chính sách cán bộ, tạo động lực vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ cấp xã. Cần có

chế độ đãi ngộ tương xứng với vị trí, vai trò, trách nhiệm và khối lượng công việc của cán bộ cấp xã. Đồng thời, phải có cơ chế đánh giá, khen thưởng, đề bạt công bằng, khách quan, tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực, tâm huyết được phát triển. Phải thực hiện hiệu quả chủ trương bảo vệ những cán bộ dám đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung, tạo cho họ một “tấm khiên” vững chắc để yên tâm công hiến.

*Bảy là*, mỗi cán bộ lãnh đạo cấp xã phải không ngừng tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện, “tự soi, tự sửa” hằng ngày để vượt qua chính những giới hạn về tư duy, kiến thức và cả những thói quen, nếp nghĩ cũ của chính bản thân mình. Đảm bảo xứng đáng với vai trò người lãnh đạo của Nhân dân trong kỷ nguyên mới.

*Tóm lại*, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập ngày càng sâu rộng như hiện nay, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ cấp xã không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành nhiệm vụ hành chính mà còn đòi hỏi năng lực tư duy nhạy bén, tầm nhìn chiến lược và khả năng lãnh đạo, quản lý hiệu quả. Việc nâng cao năng lực tư duy và tầm nhìn của cán bộ cấp xã chính là yếu tố then chốt góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024 về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.*
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
3. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025 về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp*
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Khoa học Lãnh đạo*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
3. Tài liệu bồi dưỡng cấp xã trực tuyến <https://drive.google.com>.

## SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG

**TS. Thịnh Văn Khoa**

*Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa*

**T**rong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia, mô hình tăng trưởng kinh tế giữ vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định phương thức huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

Đối với Việt Nam, một quốc gia đi lên từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, việc lựa chọn và từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế luôn gắn chặt với sự vận động, phát triển tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua 40 năm thực hiện đường lối Đổi mới, tư duy của Đảng về mô hình tăng trưởng kinh tế đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Từ chỗ tập trung giải phóng lực lượng sản xuất, thoát khỏi cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, đến việc xác lập mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, mỗi kỳ Đại hội Đảng đều đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn. Nghiên cứu sự phát triển tư duy đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế qua các kỳ Đại hội Đảng không chỉ có ý nghĩa lý

luận sâu sắc mà còn mang giá trị thực tiễn to lớn, góp phần làm rõ con đường phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những thách thức mới của thời đại.

Mô hình tăng trưởng kinh tế là cách thức một nền kinh tế tổ chức huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực như vốn, lao động, tài nguyên, khoa học - công nghệ nhằm tạo ra tăng trưởng GDP trong một giai đoạn nhất định. Xét về bản chất, mô hình tăng trưởng phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và năng lực quản trị của Nhà nước. Thông thường, có thể phân biệt hai mô hình tăng trưởng chủ yếu: mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, dựa nhiều vào mở rộng quy mô các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, tài nguyên; mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa chủ yếu vào nâng cao năng suất, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là dấu mốc lịch sử mở ra công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước. Trong lĩnh vực kinh tế, Đại hội đã dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật,

chỉ rõ những sai lầm của cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài nhiều năm. Mặc dù chưa sử dụng khái niệm “mô hình tăng trưởng”, nhưng tư duy đổi mới của Đại hội VI thể hiện rõ ở việc: Thừa nhận sự tồn tại khách quan của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu. Những quyết sách này đã tạo tiền đề quan trọng cho sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khơi thông các nguồn lực trong xã hội.

Trong các kỳ Đại hội VII, VIII, IX và X, tư duy phát triển kinh tế của Đảng tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đây là con đường tất yếu để đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Đáng chú ý, bên cạnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Đảng ngày càng chú trọng hơn đến yêu cầu gắn tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, mô hình tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên

và lao động giá rẻ, tức là vẫn thiên về chiều rộng. Sự hạn chế này trở nên rõ nét hơn khi Việt Nam hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, đòi hỏi phải nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng.

Đại hội XI đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng khi lần đầu tiên chính thức nêu nhiệm vụ đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế. “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”<sup>1</sup>. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 xác định rõ yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, “coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức”<sup>2</sup>. Tư duy này thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng, phản ánh quá trình tổng kết thực tiễn phát triển đất nước và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế. Đổi mới mô hình tăng trưởng không còn là vấn đề kỹ thuật kinh tế thuần túy, mà trở thành nhiệm vụ chiến lược, gắn liền với đổi

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, trang 191

<sup>2</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, trang 98

mới thể chế và nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Đại hội XII tiếp tục phát triển tư duy đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng cụ thể và thực chất hơn: “Đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết hợp phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh”<sup>3</sup>. Như vậy, Đảng nhấn mạnh yêu cầu chú trọng phát triển theo chiều sâu, lấy nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế làm trọng tâm. Đổi mới mô hình tăng trưởng được gắn chặt với nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực then chốt như đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tài chính - ngân hàng và nông nghiệp. Đồng

thời, Đảng nhấn mạnh vai trò của khoa học - công nghệ như những động lực quan trọng của tăng trưởng.

Đại hội XIII đánh dấu bước phát triển mới về chất trong tư duy của Đảng về mô hình tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở đánh giá “Kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều mặt vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và thiếu tính bền vững”<sup>4</sup>, Đảng xác định rõ yêu cầu chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao: “Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số”<sup>5</sup>. Như vậy, lần đầu tiên, các khái niệm như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được đặt ở vị trí trung tâm của mô hình tăng trưởng mới. Đảng cũng nhấn mạnh yêu cầu phát triển nhanh nhưng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đại hội XIV của Đảng được đánh giá là dấu mốc quan trọng trong việc xác lập mô hình tăng trưởng mới cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tư duy đổi mới được nâng lên tầm cao mới khi Đảng khẳng định khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển

<sup>3</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, trang 280-281

<sup>4</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trang 85

<sup>5</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trang 104

đổi số và tăng trưởng xanh là các động lực chủ yếu. Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 nêu rõ: “Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực. Xác định các động lực tăng trưởng mới và lấy khoa học, công nghệ là trọng tâm để thúc đẩy, làm mới các động lực truyền thống. Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu”<sup>6</sup>. Tư duy này cho thấy, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhiều vấn đề cần tập trung giải quyết trong điều kiện sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay; chú trọng đến chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng. Đặc biệt, Đại hội XIV tiếp tục thể hiện rõ bước đột phá trong nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân, coi

đây là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Điều này thể hiện sự vận dụng sáng tạo lý luận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới hiện nay.

Nhìn một cách tổng thể, tư duy của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế đã phát triển theo một quá trình liên tục, có kế thừa và đổi mới sáng tạo. Từ giải phóng lực lượng sản xuất đến nâng cao chất lượng tăng trưởng; từ tăng trưởng dựa vào nguồn lực truyền thống sang tăng trưởng dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ mục tiêu tăng trưởng đơn thuần sang phát triển nhanh, bền vững và bao trùm. Sự phát triển tư duy này phản ánh bản lĩnh chính trị, trí tuệ và khả năng tự đổi mới của Đảng trước những biến động to lớn của tình hình trong nước và thế giới.

*Tóm lại*, qua các kỳ Đại hội XI, XII, XIII và XIV, chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của Đảng thể hiện sự phát triển liên tục và ngày càng hoàn thiện về tư duy: từ chỗ đặt vấn đề chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm khắc phục tăng trưởng theo chiều rộng, hiệu quả thấp (Đại hội XI), đến cụ thể hóa bằng tái cơ cấu nền kinh tế và nâng cao hiệu quả, năng suất (Đại hội XII), rồi nâng tầm chiến lược với trọng tâm dựa vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số và

<sup>6</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, trang 90-91

phát triển bền vững (Đại hội XIII). Trên cơ sở đó, tinh thần Đại hội XIV tiếp tục kế thừa và phát triển, hướng tới xây dựng mô hình phát triển hiện đại, tự chủ, bền vững, lấy con người làm trung tâm, đổi mới sáng tạo làm động lực và chất lượng tăng trưởng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Sự phát triển tư duy đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế qua các Đại hội Đảng là một minh chứng sinh động cho quá trình vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào

thực tiễn Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, việc tiếp tục quán triệt và triển khai hiệu quả mô hình tăng trưởng mới theo tinh thần Đại hội XIV có ý nghĩa quyết định. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội, nhằm biến tư duy đổi mới của Đảng thành sức mạnh vật chất to lớn trong thực tiễn phát triển đất nước.

## TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU - NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG THANH HÓA

**TS. Lê Văn Phong**

*Trưởng phòng, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng  
và nghiên cứu khoa học*

**T**hanh Hóa vùng đất “địa linh nhân kiệt”, có bề dày truyền thống lịch sử và cách mạng; nơi phát tích của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam, sinh ra và nuôi dưỡng nhiều anh hùng dân tộc, nhân tài kiệt xuất cho quê hương, cho đất nước. Từ khi cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng bào các dân tộc tỉnh Thanh Hóa nguyện một lòng đi theo Đảng, dũng cảm, hy sinh, kiên cường, bất khuất vùng lên dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng cùng với nhân dân cả nước thực hiện thành công công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm, lấy lại đất nước đã mất, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Trong công cuộc xây dựng và phát triển quê hương, đất nước, người Thanh Hóa luôn cần mẫn, hăng say, sáng tạo trong lao động, sản xuất. Nhiều người con ưu tú của quê hương Thanh Hóa đã trở thành những chiến sĩ cộng sản trung kiên, bất khuất; những cán bộ lãnh đạo trung kiên, mẫu mực của Đảng và Nhà nước.

Trong đó, Thượng tướng Lê Khả Phiêu - nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nổi lên như một biểu tượng của tinh thần cách mạng kiên trung, kiên định, không lùi bước trước mọi gian khó; một trí tuệ sắc sảo, một tâm hồn luôn hướng về nguồn cội. Đồng chí Lê Khả Phiêu với 89 năm cuộc đời và hơn 70 năm tuổi Đảng, dù ở bất cứ cương vị nào, từ người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu trên chiến trường gian khổ, khốc liệt đến người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, vẫn luôn giữ nguyên bản sắc của một người con xứ Thanh bộc trực, quyết liệt nhưng vô cùng ấm áp, nghĩa tình.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu sinh ra tại xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa), cái nôi của nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ, có bề dày truyền thống cách mạng đã hun đúc nên ý chí cách mạng của đồng chí ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Từ thời niên thiếu, đồng chí

đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Năm 1949, đồng chí được kết nạp Đảng. Năm 1950, nhập ngũ và trực tiếp tham gia chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Từ đây, đồng chí được rèn luyện, trưởng thành trong môi trường quân đội và tham gia trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chống thực dân, đế quốc xâm lược trên các chiến trường Bắc, Trung, Nam; tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia. Với gần 50 năm thực hiện nhiệm vụ trong quân đội, được Đảng, Nhà nước giao phó nhiều vị trí quan trọng. Từ người lính trực tiếp chiến đấu đến chỉ huy trên các chiến trường khốc liệt, giữ nhiều vị trí trong quân đội, như: Phó chủ nhiệm chính trị Quân khu Trị Thiên; Chủ nhiệm chính trị Quân đoàn 2; Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia; Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị rồi Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1992, đồng chí được thăng quân hàm Thượng tướng. Với phẩm chất, bản lĩnh chính trị kiên định và trung kiên, đồng chí cũng luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, giữ vững khí tiết, phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản trung kiên; giữ vững bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ;

không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Đồng chí luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trong quân đội: “Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng tổ chức đảng cũng như Đảng bộ Quân đội ngang tầm với nhiệm vụ trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trước hết, phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công phụ trách, bảo đảm bất cứ ở đâu, lúc nào, tổ chức đảng cũng là hạt nhân lãnh đạo chính trị, đảng viên tổ chức hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ đem hết nhiệt tình, trách nhiệm, kiến thức, năng lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình”.(1)

Trong công tác, đồng chí là người tiêu biểu cho đổi mới, sáng tạo, có tác phong làm việc quyết liệt và tinh thần tự phê bình cao; nhanh nhạy, bám sát thực tiễn, gần dân, trọng dân, chăm lo đời sống cho nhân dân; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; giản dị, sâu sắc, nhân văn trong cuộc sống, được đồng chí, đồng đội và nhân dân yêu mến, bạn bè quốc tế đánh giá cao. “Đồng chí luôn kiên

định lập trường cách mạng, sống giản dị gần gũi, lắng nghe ý kiến nhân dân”(2).

Trong những năm giữ cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1997 đến tháng 4/2001), đồng chí Lê Khả Phiêu đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nổi bật là Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 khóa VIII. Đây là Nghị quyết lịch sử về "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết này tập trung vào việc chống suy thoái tư tưởng, đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, nhằm làm trong sạch bộ máy.

Trong những năm cuối đời, mặc dù tuổi cao, sức khỏe giảm sút, nhưng đồng chí vẫn dành hết trí tuệ và sức lực để tiếp tục nghiên cứu, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho Đảng, Nhà nước. Đồng chí từng nói: phải tiếp tục nghĩa vụ của người đảng viên, khi tim còn đập thì còn cống hiến. Với những đóng góp to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước, đồng chí Lê Khả Phiêu đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Huy hiệu 70 năm

tuổi Đảng và nhiều huân chương, huy chương cao quý.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, dù bận nhiều công việc của Đảng, Nhà nước, quân đội, Lê Khả Phiêu vẫn luôn gần gũi, chân tình, luôn dành tình cảm đặc biệt, sự quan tâm sâu sắc đối với quê hương Thanh Hóa, luôn dõi theo từng bước phát triển của quê hương. Mỗi lần về thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh, đồng chí luôn gợi mở và nhấn mạnh việc khai thác lợi thế về biển, rừng, đồng bằng theo hướng đồng bộ, thiết thực, hiệu quả. Phải quan tâm hơn nữa xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, phấn đấu mỗi bước tiến lên của văn minh vật chất phải đi cùng với phát triển văn minh tinh thần, làm tăng vẻ đẹp tâm hồn và xây dựng lối sống có văn hóa. Trong phát triển kinh tế, đồng chí luôn ủng hộ việc huy động các nguồn lực, mở rộng, nâng cấp hệ thống hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, các tuyến giao thông huyết mạch kết nối với Khu kinh tế Nghi Sơn, coi đó là động lực để đưa Thanh Hóa phát triển, trở thành cực tăng trưởng mới; quan tâm thúc đẩy các dự án trọng điểm giúp thay đổi diện mạo các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân, làm cho Thanh Hóa phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, trở thành và nhất định "phải trở thành tỉnh giàu đẹp - kiêu mẫu". Với tình cảm đặc biệt của người con xứ Thanh, đồng chí luôn mong muốn, Đảng bộ và nhân dân quê nhà phát huy truyền thống quê hương cách mạng, tăng cường đoàn kết, làm tốt công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giữ gìn sự trong sạch của bộ máy; thường xuyên nhắc nhở cán bộ Thanh Hóa phải nêu gương, phải xứng đáng với truyền thống của quê hương Bà Triệu; sức mạnh của Đảng không nằm ở lý thuyết suông mà nằm ở niềm tin của quần chúng nhân dân.

Với phong cách gần dân, sát với cơ sở, mỗi lần về thăm quê hương Thanh Hóa, đồng chí không chỉ làm việc tại hội trường mà còn xuống tận đồng ruộng, vào từng nhà dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, ven biển. Và căn dặn cán bộ địa phương: Dân có giàu thì Đảng mới mạnh, làm gì cũng phải lấy cái lợi của dân làm gốc. Đây chính là lời dạy cho mỗi cán bộ, đảng viên ở Thanh Hóa phải không ngừng tu dưỡng, rèn

luyện, xây dựng tác phong làm việc gần dân, sát dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và lời căn dặn của nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, trong những năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu, năng động và sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp, chia sẻ có hiệu quả của các địa phương trong cả nước, tỉnh Thanh Hóa đã nỗ lực, phấn đấu vươn lên trên mọi khó khăn, thách thức với quyết tâm cao, nỗ lực lớn đã giành được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021–2025 đạt 10,24%, đứng thứ 4 cả nước. Năm 2025, quy mô GRDP của tỉnh ước đạt 357.760 tỷ đồng, xếp thứ 8 toàn quốc. Thu nhập bình quân người năm 2025 ước đạt khoảng 3.750 USD, tăng 1,7 lần so với năm 2020. Thu ngân sách, năm 2025 ghi nhận con số kỷ lục với tổng thu ngân sách ước đạt 54.952 tỷ đồng, đạt 121% dự toán và dẫn đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ. Đây là năm thứ hai liên tiếp Thanh Hóa thu trên 50.000 tỷ

đồng. Toàn tỉnh thu hút được 124 dự án đầu tư trực tiếp, trong đó có 15 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 18.713 tỷ đồng và 482,5 triệu USD, tăng 30% (3) về vốn so với cùng kỳ. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông không ngừng được cải thiện, kết nối thuận lợi với các đô thị và các trung tâm kinh tế lớn của đất nước. Các hoạt động văn hóa-xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được chăm lo; các vấn đề bức xúc trong xã hội được quan tâm giải quyết; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo đúng chủ trương, yêu cầu của Trung ương, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ và phù hợp thực tiễn. Công tác bố trí, sắp xếp cán bộ được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định, gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả thực thi công vụ. Tỉnh cũng hoàn thành sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện và chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 1/7/2025. Sau sắp xếp, Thanh Hóa còn 166 đơn vị hành chính cấp

xã, giảm 381 đơn vị, đạt tỷ lệ 69,65%. Kết quả này góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Nhân dân Thanh Hóa mãi tự hào về người con ưu tú - Lê Khả Phiêu, là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, tình yêu quê hương, đất nước, suốt đời chiến đấu vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vì hạnh phúc của nhân dân. Những đóng góp của đồng chí cho Đảng, cho đất nước, cho quê hương Thanh Hóa vẫn sẽ mãi là tài sản quý báu đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời mới. Noi gương đồng chí, tỉnh Thanh Hóa nguyện phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương, đất nước, đoàn kết một lòng, ra sức thi đua, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, chăm lo xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; quyết tâm phấn đấu đến năm 2030 trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc(4).

**Chú thích:**

(1). Lê Khả Phiêu, Tuyển tập, Tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.75.

(2) Trích diễn văn bế mạc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần IX Đảng Cộng sản Việt Nam (22-4-2001).

(3). Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 02/02/1999 Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) BCHTW Đảng (khoá VIII) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

(4) Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (2026). Nxb Thanh Hóa.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP QUA THỰC TIỄN Ở XÃ ĐỊNH HOÀ

**ThS. Dương Thị Bảo Anh**

*Trưởng khoa, Khoa Xây dựng Đảng*

**C**hủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp là bước đi quan trọng nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân. Trong bối cảnh đó, xã Định Hoà được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã Định Hoà, Định Bình, Định Thành, Định Công (huyện Yên Định cũ) cùng thôn Tiên Nông của xã Thiệu Long (huyện Thiệu Hoá cũ).

Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 37,71 km<sup>2</sup>, dân số 28.413 người (100% dân tộc Kinh) với 22 thôn, địa bàn rộng và dân cư phân bố tương đối đồng đều. Điều này đặt ra yêu cầu vừa nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, vừa đảm bảo quản lý hiệu quả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Ngay sau khi thành lập, cấp uỷ xã đã tập trung ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng thời chỉ đạo xây dựng quy chế hoạt động của HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Quan tâm chỉ đạo

thực hiện xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ 2025-2030 và các quy định khác, tạo cơ sở thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Song song đó, công tác tổ chức bộ máy và cán bộ được triển khai bài bản. Hội nghị công bố các quyết định về tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ được thực hiện kịp thời, góp phần ổn định tâm lý đội ngũ cán bộ, công chức sau sáp nhập. Việc phân công nhiệm vụ theo tinh thần “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền) của Thủ tướng Chính phủ giúp nâng cao trách nhiệm cá nhân, hạn chế chồng chéo trong thực thi công vụ.

Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân được chú trọng, góp phần tạo đồng thuận xã hội. Các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động chào mừng Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I nhiệm kỳ 2025–2030 đã củng cố niềm tin của Nhân dân vào mô hình chính quyền mới.



Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 01-NQ/ĐH của Đại hội và vận hành hiệu quả chính quyền địa phương theo mô hình mới, Đảng ủy xã đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo<sup>1</sup>.

Công tác kiện toàn bộ máy và cải cách hành chính đạt nhiều kết quả quan trọng. Sau sáp nhập, HĐND xã tổ chức kỳ họp đầu tiên để công bố các nghị quyết chỉ định chức danh chủ chốt, đồng thời thành lập 02 ban của HĐND và các phòng chuyên môn thuộc UBND xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. UBND xã đã thành lập 03 phòng chuyên môn và 02 trung tâm, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý, tiếp nhận và phân công công chức, viên chức đảm bảo hoạt động thông suốt. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được chú trọng, đặc biệt là việc xác định công nợ phải thu, phải trả, góp phần quản lý tốt ngân sách địa phương. Các chế độ, chính sách cho cán bộ nghỉ việc do sắp xếp theo Nghị định 178/2024/NĐ - CP và Nghị định 154/2025/NĐ - CP được thực hiện đầy

đủ, đúng đối tượng. Nổi bật là, sau 6 tháng hoạt động (kể từ ngày 1/7/2025), Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đã tiếp nhận và xử lý 4.620 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến (đạt 100%), trong đó, có 4.403 hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, thể hiện rõ bước tiến trong xây dựng chính quyền điện tử ở cơ sở. Điều này góp phần giảm thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý và kiến tạo không gian phát triển mới, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư.

Đạt được những kết quả này là do công tác lãnh đạo, điều hành, phát huy vai trò trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền hai cấp. Năm 2025, địa phương giữ vững ổn định chính trị - xã hội và đạt nhiều kết quả tích cực. Cụ thể, 23/25 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch, trong đó 12 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu cơ bản được giữ vững. Thu nhập bình quân đầu người tăng 5,8% so với cùng kỳ; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời; cuộc vận động xoá nhà tạm, nhà dột nát hoàn thành sớm hơn kế hoạch. Lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Đặc

<sup>1</sup> Chương trình hành động số 03-CTr/ĐU ngày 21/8/2025 cùng với 75 quyết định, 17 thông báo, 89 công văn, 17 tờ trình,

16 kế hoạch, 05 chương trình, 51 báo cáo, 32 kết luận, 03 đề án về công tác tổ chức bộ máy

biệt, nhận thức về đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức có chuyển biến tích cực. Tinh thần “hết việc chứ không hết giờ” dần thay thế lối làm việc hình thức “sáng cấp ô đi, tối cấp ô về”, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp ở Xã Định Hoà vẫn còn một số hạn chế. Công tác phối hợp giữa các ban, phòng và đơn vị đôi lúc chưa kịp thời, hiệu quả; việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nhân dân còn chậm. Tình trạng xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp chưa được giải quyết triệt để. Cơ sở vật chất phục vụ cán bộ, công chức còn thiếu; nhiều thiết bị làm việc đã cũ, chưa được nâng cấp phù hợp với yêu cầu, khối lượng công việc và tác nghiệp trên môi trường số. Trung tâm Phục vụ hành chính công còn hạn chế về diện tích, thiếu thiết bị như máy tra cứu thủ tục, hệ thống lấy số tự động và màn hình hiển thị. Ngoài ra, một bộ phận công chức cấp xã còn hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin; một bộ phận người dân chưa quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Những yếu tố này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả

quản trị địa phương và vẫn còn 02 chỉ tiêu phát triển chưa đạt kế hoạch.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, hoàn thành mục tiêu “trở thành xã phát triển nhanh, bền vững và từng bước hiện đại” vào năm 2030, trong thời gian tới, Định Hoà xác định phải tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. *Trước hết* là tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, bảo đảm sự thống nhất giữa lãnh đạo của Đảng với quản lý của chính quyền. *Thứ hai*, đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số theo các chủ trương quốc gia; hoàn thiện hạ tầng số, tích hợp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và người dân nhằm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số ở cơ sở. *Thứ ba*, tiếp tục kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là năng lực quản trị địa phương. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc, trên tinh thần phục vụ tốt nhu cầu của tổ chức, công dân theo quy định của pháp luật... triển khai thực hiện có hiệu quả mô

hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ”... Những giải pháp này không chỉ giúp hoàn thiện mô hình chính quyền hai cấp mà còn góp phần nâng cao hiệu lực quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh đó, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh cần có cơ chế tăng thêm thẩm quyền quyết định trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, xây dựng nông thôn mới, an sinh xã hội,..., giúp xã nâng cao tính chủ động, kịp thời trong xử lý công việc. Đồng thời tăng cường đầu tư hạ tầng số, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho cấp xã, đảm bảo các điều kiện để xã sớm xây dựng mô hình “xã thông minh”. Đẩy mạnh tích hợp, đơn giản hóa dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng, đi đôi với quan tâm tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Có thể khẳng định rằng, thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại Định Hoà cho thấy chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và đổi mới tổ chức chính quyền cơ sở là đúng đắn, phù hợp yêu cầu phát triển hiện nay. Những kết quả bước đầu về ổn định tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội khẳng định hiệu quả của mô hình. Song, để mô hình này phát huy đầy đủ vai trò trong nâng cao hiệu lực quản trị địa phương, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng cán bộ, đầu tư hạ tầng số và tăng cường phân cấp quản lý. Đây là những yếu tố quyết định để chính quyền cơ sở thực sự trở thành cấp chính quyền gần dân, phục vụ Nhân dân hiệu quả, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

## TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA CẤP ỦY CẤP XÃ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

**ThS. Nguyễn Ngọc Thắng**

*Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đào tạo,  
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

**Đ**ại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là sự kiện trọng đại của đất nước, bước ngoặt mang tính lịch sử, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - là kỷ nguyên với khát vọng phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng không chỉ là đòi hỏi khách quan mà còn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt để nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất nhận thức và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng”*<sup>1</sup>. Theo đó, các cấp ủy,

tổ chức đảng nhất là cấp ủy cấp xã, nơi gần dân, sát dân nhất, có vai trò trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, chính là nơi phản chiếu rõ nhất hiệu quả của quá trình đổi mới này.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về các văn kiện trình Đại hội XIV đã chỉ ra khâu yếu trong tổ chức thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng: *“Điểm yếu lớn nhất của chúng ta là nhiều chủ trương đúng nhưng tổ chức thực hiện chưa đạt yêu cầu”*<sup>2</sup>. Theo đó, để khắc phục bằng được tình trạng *“tổ chức thực hiện là khâu yếu”*, Tổng bí thư Tô Lâm đã yêu cầu: *“Mỗi cấp ủy, mỗi tổ chức Đảng, mỗi đảng viên, mỗi cơ quan đơn vị, trước hết là người đứng đầu phải chủ động chuyển từ “nhận thức đúng” thành “tổ chức triển khai có hiệu quả”; từ “quyết tâm cao” thành “kết quả rõ”; kết hợp “chỉ đạo, điều hành” với “kiểm*

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 417.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 40.

tra, giám sát và chịu trách nhiệm”<sup>3</sup>. Bám sát yêu cầu này, cấp ủy cấp xã phải thực hiện ba bước chuyển mang tính đột phá, đó là:

*Thứ nhất*, chuyển từ “nhận thức đúng” thành “tổ chức triển khai có hiệu quả”. Hạn chế lớn nhất của cấp ủy cấp xã hiện nay là tình trạng “tổ chức thực hiện là khâu yếu”. Nhiều nơi vẫn lúng túng trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, dẫn đến hiệu quả triển khai nhiều hạn chế, chủ trương đúng nhưng tổ chức thực hiện chưa đạt yêu cầu. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng chỉ rõ: “Nhiều chủ trương, quyết sách đúng sẽ “nằm trên giấy”, nếu thực thi chậm, thực thi kém hiệu quả hoặc bị “lệch chuẩn” trong quá trình triển khai”<sup>4</sup>. Để hiện thực hóa bước chuyển từ “nhận thức đúng” thành “tổ chức triển khai có hiệu quả” đòi hỏi cấp ủy cấp xã không chỉ dừng lại ở việc học tập nghị quyết theo kiểu “ghi danh” mà phải chuyển trọng tâm sang cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương của Đảng thành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện sát thực tế. Cần phát huy dân chủ, tổ chức thảo luận, rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp...thống nhất ban hành chương hành động thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp của đảng bộ. Yêu cầu chung về chương trình hành động,

kế hoạch thực hiện phải đảm bảo: đúng định hướng nhưng phù hợp với thực tiễn; đảm bảo tính toàn diện song có phải có trọng tâm, trọng điểm; vừa tập trung giải quyết vấn đề trước mắt song phải chú trọng lợi ích, hiệu quả lâu dài. Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện có tính khả thi phải rõ: *Rõ về mục tiêu, chỉ tiêu; rõ về nội dung, cách thức; rõ về điều kiện, nguồn lực; rõ về trách nhiệm tổ chức thực hiện*. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, khơi dậy khát vọng và ý chí vươn lên của đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để toàn đảng bộ quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt thực hiện thắng lợi nghị quyết.

Đồng thời, cấp ủy lãnh đạo chính quyền khẩn trương, kịp thời cụ thể hóa chương trình hành động thành các cơ chế kích cầu, các quy chế, quy định, các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng các mô hình, điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội... vừa phát huy, đồng hành và chăm lo đến lợi ích của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong tổ chức thực hiện phải chuyển mạnh từ tư duy “quản lý hành chính” thụ động sang tư

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 400.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 24.

duy “*phục vụ và kiến tạo*” với tinh thần: “*Phải tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới mô hình tăng trưởng, đổi mới biện pháp tổ chức thực hiện, để đường lối đúng trở thành kết quả cụ thể trong cuộc sống*”<sup>5</sup>; Phải làm rõ được cơ chế phối hợp để phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền và làm chủ của Nhân dân; Thực hiện đồng bộ và gắn kết chặt chẽ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; Phải kiên trì, bền bỉ có bước đi và cách làm phù hợp để phát triển nhanh, bền vững không chỉ từ nay đến 2030 mà còn định hướng đến 2045.

*Thứ hai*, chuyển từ “*quyết tâm cao*” thành “*kết quả rõ*” - Lấy giá trị thực chất thay thế tư duy định tính, hình thức

Quyết tâm là thái độ chính trị, nhưng “*kết quả rõ*” mới là giá trị thực chất mà Nhân dân thụ hưởng. Nếu cấp xã chỉ “*quyết tâm*” trên nghị quyết mà không có sản phẩm cụ thể thì không thể giải quyết các thách thức dân sinh. Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác định rõ yêu

cầu hành động: “*Biến ý chí thành hành động, biến quyết sách thành kết quả cụ thể; nói là làm, làm ngay, làm đúng, làm quyết liệt, làm đến cùng và làm hiệu quả*”<sup>6</sup>. Đối với cấp xã, “*kết quả rõ*” phải được định lượng bằng các con số và sản phẩm hữu hình: tỷ lệ hộ nghèo giảm thực chất, kết cấu hạ tầng mới hiện đại, và đặc biệt là sự hài lòng của người dân... Bởi vậy, để “*kết quả rõ*” cấp ủy phải rõ về cơ chế phối hợp theo phương châm: *Rõ việc; rõ chủ thể (chủ trì, phối hợp); rõ về điều kiện, thời gian; rõ về phương pháp, cách thức, quy trình; rõ về mô hình, sản phẩm*. Đồng thời, phải xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả cho từng cán bộ, đảng viên, gắn việc đánh giá cán bộ với những kết quả cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn. Yêu cầu hành động đó là: “*đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ; kiên quyết khắc phục tình trạng “nói nhiều, làm ít”, “nói hay, làm dở”, thậm chí “nói không đi đôi với làm”; thiếu kiểm tra, giám sát, đề ra mục tiêu cao nhưng triển khai chậm, hiệu quả thấp*”<sup>7</sup>. Có thể khẳng định, sự chuyển biến từ “*lời nói*” sang “*sản phẩm*” chính là bằng chứng xác thực nhất cho năng lực lãnh đạo, cầm

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 399.

<sup>6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 397.

<sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 40.

quyền của cấp ủy cấp xã, là gốc rễ xây dựng niềm tin vững chắc của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

*Thứ ba, kết hợp “chỉ đạo, điều hành” với “kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm”.*

Chỉ đạo mà thiếu kiểm tra sẽ dẫn đến buông lỏng; điều hành mà thiếu trách nhiệm sẽ dẫn đến trì trệ. Quá trình chỉ đạo, điều hành đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức, nhiều nguồn lực, nhiều phương thức... Theo đó, cùng với sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của tập thể cấp ủy đòi hỏi phải phát huy được trách nhiệm, tố chất người đứng đầu, nắm vững nguyên tắc, quan điểm, kịp thời xử trí hài hòa các mối quan hệ tạo động lực phát triển vững mạnh và toàn diện địa phương. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng là quá trình lâu dài liên quan đến nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực, để thực hiện thành công đòi hỏi cấp ủy nhất là người đứng đầu phải thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát. Qua kiểm tra, giám sát để phát hiện những yếu tố không phù hợp, thậm chí là sai lệch, từ đó kịp thời điều chỉnh đúng định hướng, phù hợp thực tiễn, đem lại kết quả cao. Để làm tốt khâu này đòi hỏi cấp ủy phải có năng lực vừa bao quát mọi người, mọi việc vừa sâu sát, cụ thể đến từng người, từng việc với

phương châm: phải đến tận chỗ, rõ tận việc, thường xuyên kiểm tra, kịp thời điều chỉnh. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ XIII nhấn mạnh yêu cầu: *“Tăng cường kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả”*<sup>8</sup>. Tại cấp xã, giải pháp đột phá là thực hiện *“chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng”* để giám sát quyền lực công khai, thay vì quản lý theo lối mòn nghị quyết giấy, cấp ủy phải tiên phong ứng dụng số tay đảng viên điện tử để cụ thể hóa, cá thể hóa nhiệm vụ đến từng chi bộ, đảng viên. Mọi chỉ đạo từ Đảng ủy xã phải được cập nhật, theo dõi tiến độ thời gian thực, giúp loại bỏ tình trạng “ngâm” văn bản hay đùn đẩy trách nhiệm. Đồng thời, cấp ủy cần chủ động thiết lập các *kênh tương tác số trực tiếp* phát huy tối đa vai trò giám sát của Nhân dân theo phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”*. Sự kết hợp giữa kiểm tra Đảng và giám sát của Nhân dân sẽ tạo nên “chiếc lồng kỷ cương” vững chắc, tạo ra một cơ chế tự sàng lọc, loại bỏ cán bộ trì trệ, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo.

*Tóm lại, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cấp xã theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng không chỉ*

<sup>8</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tr. 388.

là yêu cầu cấp bách mà còn là bước đột phá về năng lực lãnh đạo và hiệu quả thực thi của Đảng ngay từ cơ sở. Trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, cấp ủy cấp xã chính là cầu nối trực tiếp đưa ý chí của Đảng hóa thân vào hành động của quần chúng, là nơi kiểm chứng sống động nhất tính đúng đắn và sức sống của Nghị quyết. Để hiện thực hóa những mục tiêu chiến lược này, vai trò của người đứng đầu cấp ủy có ý nghĩa quyết định. Mỗi bí thư cấp ủy, mỗi cán bộ chủ chốt tại địa phương phải thực sự là tấm gương sáng về bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng, tiêu biểu cho tinh thần: *“Dám nghĩ; dám*

*nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung”*. Sự nêu gương tự giác, gương mẫu chính là mệnh lệnh không lời để củng cố niềm tin vững chắc của Nhân dân. Khi ba bước chuyển nêu trên được thực hiện đồng bộ, cấp ủy cấp xã sẽ thực sự trở thành hạt nhân chính trị vững chắc. Đó chính là nền tảng cốt lõi để mỗi địa phương vươn lên mạnh mẽ, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân ta hiện thực hóa khát vọng xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc ./.

**CÔNG CHỨC CẤP XÃ Ở ĐỊA BÀN MIỀN NÚI, BIÊN GIỚI - TỪ THỰC TIỄN XÃ PÙ NHI, TỈNH THANH HÓA**

**PGS.TS. Đoàn Văn Trường**

*Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Pù Nhi*

***Tóm tắt:** Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực thực tiễn và tinh thần trách nhiệm cao<sup>1</sup>. Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn, bài viết làm rõ kết quả, hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại xã Pù Nhi - một xã miền núi, biên giới của tỉnh Thanh Hóa.*

***Từ khóa:** đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ cấp xã; miền núi, biên giới; phối hợp; xây dựng Đảng; Pù Nhi.*

**1. Cơ sở lý luận về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã**

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>2</sup>; “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>3</sup>. Quan điểm đó trở thành nền tảng lý luận xuyên suốt trong công tác cán bộ của Đảng ta. Nghị quyết số 26-NQ/TW (khóa XII) xác định mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ<sup>4</sup>. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, trong đó coi đào tạo, bồi dưỡng là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ<sup>1</sup>. Ở cấp xã - cấp chính

quyền gần dân nhất - cán bộ, công chức vừa là người tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vừa trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống Nhân dân.

**2. Yêu cầu đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng ở xã miền núi, biên giới**

Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền<sup>1</sup>. Đối với các xã biên giới như Pù Nhi (tỉnh Thanh Hóa), nhiệm vụ này gắn chặt với bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và xây dựng “thế trận

lòng dân”. Đội ngũ cán bộ cấp xã ở địa bàn miền núi, biên giới phải đáp ứng các yêu cầu: (i) Vững vàng về lý luận chính trị, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; (ii) Có năng lực quản lý nhà nước đa lĩnh vực trong điều kiện biên chế tinh gọn; (iii) Thành thạo kỹ năng dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (iv) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Do đó, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã cần hướng tới phát triển năng lực toàn diện, kết hợp hài hòa giữa “đức” và “tài”, giữa lý luận và thực tiễn<sup>2</sup>.

### **3. Thực tiễn phối hợp đào tạo, bồi dưỡng tại xã Pù Nhi**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

Thứ nhất, cơ chế phối hợp đào tạo giữa cấp xã với các cơ sở đào tạo từng bước được thể chế hóa và vận hành tương đối ổn định. Nếu trước đây công tác cử cán bộ đi học còn mang tính tình huống, đáp ứng yêu cầu trước mắt, thì những năm gần đây, xã Pù Nhi đã chủ động rà soát nhu cầu đào tạo theo vị trí việc làm, gắn với quy hoạch cán bộ và yêu cầu chuẩn hóa chức danh. Việc lập kế hoạch đào tạo không chỉ căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ từ cấp trên mà còn xuất phát từ đánh giá năng lực thực tế của từng cán bộ, công chức.

Điểm đáng chú ý là quá trình phối hợp đã dần chuyển từ “thụ động tiếp nhận” sang “chủ động đề xuất”. Chính quyền xã không chỉ cử cán bộ tham gia

các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch chung của huyện mà còn phản hồi về nội dung, phương pháp đào tạo để bảo đảm sát với đặc thù miền núi, biên giới.

Thứ hai, nội dung đào tạo từng bước được điều chỉnh theo hướng tăng cường tính thực tiễn và khả năng ứng dụng vào quản trị cơ sở. Bên cạnh các chuyên đề lý luận chính trị và quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch, chương trình bồi dưỡng đã chú trọng hơn đến kỹ năng tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tình huống phát sinh tại cơ sở; kỹ năng triển khai và giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kỹ năng dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đặc biệt, trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, và quản trị dữ liệu hành chính từng bước được đưa vào chương trình bồi dưỡng. Đây là yếu tố quan trọng góp phần hình thành năng lực thích ứng - đổi mới của cán bộ cấp xã, đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại.

Từ góc độ lý luận, sự chuyển dịch nội dung đào tạo theo hướng thực tiễn hóa phản ánh quá trình “tái cấu trúc năng lực công vụ”, chuyển từ đào tạo kiến thức sang phát triển năng lực thực thi.

Thứ ba, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về học tập suốt đời và tự bồi dưỡng từng bước được nâng cao. Nhiều cán bộ đã chủ động hơn trong học tập, nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn sau đào tạo, góp phần hình thành văn hóa học tập trong cơ quan hành chính cơ sở, phù hợp với định hướng xây dựng xã hội học tập và đổi mới quản trị quốc gia hiện đại được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII<sup>1</sup>.

Những kết quả đạt được cho thấy sự chuyển biến tích cực về chất trong tư duy và hành động của đội ngũ cán bộ cấp xã, tạo tiền đề cho đổi mới công tác đào tạo theo hướng phát triển năng lực toàn diện.

### 3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, hạn chế từ điều kiện không gian – hạ tầng phát triển. Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách địa lý xa trung tâm huyện và cơ sở đào tạo đã tác động trực tiếp đến khả năng tham gia đầy đủ, liên tục các lớp bồi dưỡng tập trung. Chi phí thời gian và điều kiện di chuyển không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập mà còn tạo áp lực đối với việc bảo đảm hoạt động thường xuyên của chính quyền cơ sở. Về bản chất, đây là rào cản mang tính cấu trúc phát triển vùng, không thể khắc phục chỉ bằng các giải pháp hành chính đơn lẻ.

Thứ hai, hạn chế về tính phân hóa và thực tiễn hóa của chương trình

đào tạo. Một số nội dung bồi dưỡng còn thiên về truyền đạt lý thuyết chung, chưa được thiết kế theo đặc thù quản trị vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong khi đó, yêu cầu thực tiễn ở Pù Nhi đặt ra nhiều tình huống quản lý phức tạp liên quan đến dân vận, giải quyết mâu thuẫn cộng đồng, triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự. Sự thiếu tương thích giữa nội dung đào tạo và bối cảnh thực thi dẫn đến khoảng cách giữa “kiến thức được học” và “năng lực được vận dụng”. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải chuyển từ mô hình đào tạo đồng loạt sang mô hình phân hóa theo vùng miền và theo nhóm năng lực.

Thứ ba, hạn chế từ đặc điểm tổ chức bộ máy và phân công công việc ở cấp xã. Trong điều kiện biên chế tinh gọn, nhiều cán bộ, công chức phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, từ quản lý hành chính đến công tác dân vận, từ triển khai chương trình mục tiêu quốc gia đến bảo đảm quốc phòng - an ninh. Áp lực công việc thường xuyên, yêu cầu xử lý tình huống phát sinh tại cơ sở khiến quỹ thời gian dành cho học tập bị thu hẹp. Về phương diện quản trị nguồn nhân lực công, đây là biểu hiện của sự mất cân đối giữa yêu cầu nhiệm vụ và năng lực tổ chức, đặt ra bài toán về tái cấu trúc phân công và cơ chế hỗ trợ đào tạo.

Thứ tư, hạn chế về hạ tầng và năng lực số. Mặc dù đào tạo trực tuyến được xem là giải pháp phù hợp trong điều kiện địa lý khó khăn, song hạ tầng công nghệ thông tin ở cơ sở chưa đồng bộ, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Điều này làm giảm hiệu quả đào tạo từ xa và cho thấy chuyên đổi số trong đào tạo cán bộ cấp xã cần được tiếp cận như một quá trình phát triển năng lực, không thuần túy kỹ thuật.

Các hạn chế nêu trên phản ánh mối quan hệ giữa điều kiện phát triển vùng, cấu trúc bộ máy cơ sở và cơ chế thiết kế chính sách đào tạo, đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức tổ chức theo hướng linh hoạt, phân hóa và gắn với nhu cầu thực tiễn.

#### **4. Giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp trong giai đoạn mới**

Từ những phân tích lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nâng cao hiệu quả phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã ở địa bàn miền núi, biên giới cần được đặt trong tổng thể đổi mới quản trị phát triển và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Trên cơ sở đó, có thể đề xuất một số định hướng giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức chính trị và thể chế hóa trách nhiệm đào tạo trong hệ thống chính trị cơ sở*

Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và

uy tín ngang tầm nhiệm vụ<sup>4</sup>, coi đào tạo, bồi dưỡng không phải là nhiệm vụ hỗ trợ mà là cấu phần chiến lược của công tác xây dựng Đảng và quản trị địa phương. Việc đào tạo phải được thể chế hóa thành trách nhiệm thường xuyên của cấp ủy, chính quyền, gắn với chương trình công tác hằng năm và chiến lược phát triển cán bộ trung hạn. Chỉ khi đào tạo được đặt đúng vị trí trong cấu trúc lãnh đạo và quản lý thì mới bảo đảm tính bền vững và hiệu quả lâu dài.

*Thứ hai, đổi mới căn bản nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng phát triển năng lực thực thi*

Chương trình bồi dưỡng cần chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức lý thuyết sang phát triển năng lực hành động, lấy thực tiễn cơ sở làm trung tâm. Điều này đòi hỏi tăng cường các chuyên đề xử lý tình huống, kỹ năng dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kỹ năng giải quyết xung đột xã hội, kỹ năng quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và năng lực số trong bối cảnh chuyên đổi số. Phương pháp đào tạo cần phát huy tính tương tác, thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, thay vì chỉ giảng dạy một chiều.

*Thứ ba, thiết lập cơ chế liên thông giữa đào tạo với đánh giá, quy hoạch và sử dụng cán bộ*

Hiệu quả đào tạo chỉ được bảo đảm khi kết quả học tập được tích hợp vào hệ thống đánh giá hiệu suất công vụ và quy

hoạch phát triển cán bộ. Cần coi kết quả đào tạo, bồi dưỡng là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trong xem xét bố trí, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ. Việc này không chỉ tạo động lực học tập, mà còn góp phần xây dựng cơ chế khuyến khích dựa trên năng lực. Từ góc độ quản trị nhân sự công, đây là bước chuyển từ đào tạo mang tính thủ tục sang đào tạo gắn với trách nhiệm và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

*Thứ tư, hoàn thiện cơ chế phối hợp hai chiều giữa cơ sở đào tạo và chính quyền địa phương*

Phối hợp đào tạo cần được tổ chức như một quá trình đồng kiến tạo năng lực, trong đó chính quyền cơ sở không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn tham gia phản hồi và đánh giá chương trình đào tạo. Ngược lại, chính quyền địa phương cần chủ động cung cấp thông tin, đánh giá hiệu quả áp dụng sau đào tạo. Cơ chế tương tác hai chiều này sẽ bảo đảm tính thích ứng và linh hoạt của chương trình bồi dưỡng trong điều kiện phát triển không đồng đều giữa các vùng.

*Thứ năm, thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo gắn với nâng cao năng lực số của cán bộ cơ sở*

Trong bối cảnh địa lý phức tạp và nguồn lực hạn chế, đào tạo trực tuyến và kết hợp là xu hướng tất yếu. Để phát huy hiệu quả, cần đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp xã và nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, coi chuyển

đổi số trong đào tạo là quá trình nâng cao năng lực thích ứng trước yêu cầu quản trị hiện đại.

## 5. Kết luận

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã không chỉ là một nội dung của quản lý nhân sự hành chính, mà là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong xây dựng Đảng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở cấp cơ sở. Trong cấu trúc hệ thống chính trị, cấp xã là “điểm chạm” trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã có tác động trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả quản trị và mức độ củng cố niềm tin xã hội.

Thực tiễn xã Pù Nhi cho thấy, khi công tác phối hợp đào tạo, bồi dưỡng được triển khai trên nền tảng quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, gắn với yêu cầu phát triển thực tiễn và vận hành trong cơ chế tương tác hai chiều giữa cơ sở đào tạo với chính quyền địa phương, năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở từng bước được nâng cao theo hướng toàn diện hơn - cả về bản lĩnh chính trị, năng lực quản trị và khả năng thích ứng. Kết quả đó góp phần nâng cao chất lượng thực thi chính sách, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng “thế trận lòng dân” ở địa bàn biên giới.

Trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đặt ra không dừng lại ở việc tăng cường số lượng lớp đào tạo hay chuẩn hóa bằng cấp, mà là tái cấu trúc mô hình đào tạo theo hướng phát triển năng lực công vụ gắn với quản trị phát triển bền vững. Đổi mới nội dung, phương thức và cơ chế phối hợp đào tạo theo hướng phân hóa vùng miền, tích hợp chuyển đổi số và gắn chặt với quy hoạch, sử dụng cán bộ sẽ là giải pháp căn cơ để xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở “vừa hồng, vừa chuyên”, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng miền núi, biên giới tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 187-188, 202-203.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t. 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 269.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t. 5, Sđd, tr. 280.

<sup>4</sup> Ban Chấp hành Trung ương (2018), Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

**PHÁT HUY VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN  
TRONG VIỆC THỰC HIỆN 6 GIÁ TRỊ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC “KIÊN  
ĐỊNH, KỶ CƯƠNG, DÂN CHỦ, ĐOÀN KẾT, NÊU GƯƠNG, SÁNG  
TẠO” Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HOÁ, GÓP PHẦN  
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**

**TS. Dương Thị Hằng**

*Phó Trưởng khoa, Khoa Lý luận cơ sở*

**N**ghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị khẳng định: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân”<sup>1</sup>. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; yêu cầu “*Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện*”<sup>2</sup>; nhấn mạnh việc “*Xây dựng tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Kiên quyết,*

*kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở gần dân, sát cơ sở, vì dân, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.*”<sup>3</sup>, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ lãnh đạo, giảng viên các trường chính trị phải phát huy mạnh mẽ vai trò nêu gương, góp phần củng cố trận địa tư tưởng của Đảng ngay từ cơ sở đào tạo.

Việc thực hiện 6 giá trị chuẩn mực “Kiên định, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây

<sup>1</sup> Bộ Chính trị (2018), Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tr. 237.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tr. 237.

không chỉ là chuẩn mực đạo đức - hành vi nghề nghiệp mà còn là nền tảng bảo đảm cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng.

*Một là, nêu gương trong kiên định lập trường tư tưởng và mục tiêu lý tưởng.*

Kiên định sẽ giúp giảng viên và học viên có lập trường tư tưởng vững vàng, không dao động trước các quan điểm sai trái, thù địch; tạo ra “lá chắn tư tưởng”, ngăn chặn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; là cơ sở để truyền bá đúng đắn, khoa học hệ tư tưởng của Đảng, góp phần củng cố niềm tin chính trị cho cán bộ, đảng viên. Do đó, kiên định chính là điều kiện tiên quyết để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngay từ môi trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ đó, kiên định là yêu cầu hàng đầu đối với người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị. Đó là sự vững vàng trong niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng. Trong mọi hoàn cảnh, người giảng viên phải giữ vững lập trường chính trị, không dao động trước những thông tin sai trái, xuyên tạc; kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Trong giảng dạy và nghiên cứu, phải giữ vững định hướng chính trị, không dao động trước những biến động

phức tạp của tình hình thế giới, phải là tấm gương về lòng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải là lực lượng tiên phong trong việc truyền bá, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

*Hai là, nêu gương trong giữ vững kỷ cương, trong quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.*

Kỷ cương giúp cán bộ, giảng viên Nhà trường tuân thủ nghiêm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế đào tạo, nghiên cứu khoa học và giảng dạy lý luận chính trị; giúp bảo đảm nội dung giảng dạy đúng định hướng chính trị, không sai lệch, không xuyên tạc; tạo môi trường học thuật nghiêm túc, chuẩn mực, góp phần giữ vững tính chính thống của lý luận chính trị; ngăn ngừa những biểu hiện tùy tiện, lệch chuẩn trong truyền đạt tri thức lý luận... Nhờ đó, kỷ cương góp phần bảo vệ sự chuẩn xác và tính định hướng của nền tảng tư tưởng của Đảng.

Do đó, giảng viên phải giữ vững kỷ luật đảng, kỷ cương hành chính và đạo đức nhà giáo; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng, quy chế làm việc, quy định của đơn vị; đồng thời xây dựng môi trường làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, công

khai, minh bạch. Điều này tạo ra môi trường sư phạm lành mạnh, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực từ gốc. Thực hiện nghiêm túc các quy chế của Nhà trường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, tạo môi trường làm việc khoa học, đúng giờ, có trách nhiệm, nghiêm túc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; giúp nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn, tạo sự ổn định về tư tưởng và tổ chức, góp phần củng cố sức mạnh tập thể.

*Ba là, nêu gương trong phát huy dân chủ.*

Thực hiện dân chủ sẽ phát huy trí tuệ tập thể, củng cố tính khoa học và sức thuyết phục của lý luận. Nó thể hiện ở việc tự do trao đổi học thuật trên cơ sở nguyên tắc của Đảng ở Trường Chính trị, từ đó, giúp giảng viên và học viên thảo luận, làm rõ bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tạo điều kiện để phản bác các quan điểm sai trái bằng lập luận khoa học, logic; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và khả năng đấu tranh tư tưởng của cán bộ.

Thực hiện tốt dân chủ giúp phát huy trí tuệ tập thể, tạo sự đồng thuận, tăng cường niềm tin và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với nhiệm vụ chung.

*Bốn là, nêu gương trong xây dựng tinh thần đoàn kết tập thể.*

Đoàn kết giúp tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động giữa lãnh đạo, giảng viên và học viên; tạo môi trường chính trị ổn định, lành mạnh, chống lại các biểu hiện chia rẽ, suy thoái tư tưởng; tăng cường sức mạnh tập thể trong đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng.

Đoàn kết là sức mạnh của tập thể, sức mạnh của sự thống nhất. Đoàn kết nội bộ là điều kiện tiên quyết để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Một tập thể đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Năm là, nêu gương trong đạo đức, lối sống và công tác.*

Giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn là tấm gương về bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng; việc nêu gương giúp học viên tin tưởng vào lý luận và đường lối của Đảng; tạo sự lan tỏa các giá trị chính trị tích cực; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng. Do đó, “Nêu gương” trường là phương thức giáo dục chính trị hiệu quả và thuyết phục nhất; là phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng hành động cụ thể và thuyết phục nhất. Theo đó, giảng viên phải đi đầu trong mọi hoạt động: từ nghiên cứu khoa học, viết bài báo chuyên sâu bảo vệ nền tảng tư tưởng đến việc giữ gìn lối sống giản dị,

trong sạch; phải gương mẫu trong công việc, trong đạo đức, lối sống, trong tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ.

Sự nêu gương của đội ngũ giảng viên có tác dụng giáo dục, định hướng và tạo động lực cho học viên noi theo; tạo hiệu ứng lan tỏa, hình thành phong trào “người tốt, việc tốt” trong toàn Trường. Đặc biệt, Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09-5-2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới đã xác định rõ yêu cầu cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với công việc, gương mẫu trong đạo đức, lối sống, nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để đội ngũ giảng viên tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò nêu gương, góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

*Sáu là, nêu gương trong phát huy tinh thần sáng tạo.*

Sáng tạo là yêu cầu khách quan trong giảng dạy và nghiên cứu lý luận chính trị trong bối cảnh mới; giúp vận dụng linh hoạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam; nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù

địch; làm cho lý luận chính trị trở nên sinh động, gần gũi và có sức thuyết phục. Do đó, Sáng tạo không làm thay đổi nền tảng tư tưởng của Đảng, mà làm cho nền tảng đó ngày càng được củng cố và phát triển, phù hợp với thực tiễn.

Sáng tạo giúp nâng cao sức thuyết phục và tính hấp dẫn của lý luận chính trị; đổi mới cũng là cách để bảo vệ hiệu quả hơn. Do đó, trong công tác giảng dạy lý luận giảng viên phải khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học. Từ đó, làm cho các môn lý luận trở nên hấp dẫn, dễ hiểu và gần gũi với người học.

Khi giảng viên thực hiện tốt 6 chuẩn mực “kiên định, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo” sẽ trở thành những “chiến sĩ” tiên phong trên mặt trận tư tưởng, trực tiếp củng cố niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng. Vì Kiên định + Kỷ cương sẽ tạo thành “lá chắn” bảo vệ hệ tư tưởng khỏi sự suy thoái, “tự diễn biến”; Dân chủ + Đoàn kết sẽ tạo nên “sức mạnh tổng hợp” để phản bác các quan điểm sai trái; Nêu gương + Sáng tạo sẽ tạo ra “sức hút” và sự thuyết phục của lý luận trong thực tiễn.

Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên,

trước yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng, việc phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ giảng viên cần tiếp tục được tăng cường. Đặc biệt, mỗi giảng viên cần tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn địa phương; đồng thời chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Để phát huy vai trò nêu gương, đội ngũ giảng viên cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, thường xuyên rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ lý luận và phẩm chất đạo đức; nâng cao trình độ lý luận và năng lực chuyên môn.

*Hai là*, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, giữ vững nguyên tắc tổ chức và kỷ luật; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương.

*Ba là*, phát huy dân chủ, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của tập thể; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, trách nhiệm.

*Bốn là*, xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, trách nhiệm, tích cực; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Năm là*, gương mẫu trong công việc và cuộc sống, tạo niềm tin cho tập thể.

*Sáu là*, đổi mới phương pháp lãnh đạo, nâng cao hiệu quả giảng dạy và nghiên cứu; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Bảy là*, cần quán triệt và thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức nêu gương. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức và năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Tóm lại*, việc phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ giảng viên trong thực hiện 6 giá trị chuẩn mực đạo đức “kiên định, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo” ở trường chính trị tỉnh Thanh Hoá có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất

lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ giảng viên vững mạnh, từ đó góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW và Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Bộ Chính trị (2018), Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

(3) Bộ Chính trị (2024), Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09-5-2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ TẠO ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

**ThS. Nguyễn Thị Lan Hương**

*Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đào tạo,  
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

**S**ự phát triển đột phá của lực lượng sản xuất dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đưa kinh tế số vươn lên trở thành một phương thức sản xuất then chốt, định hình lại không gian phát triển và năng lực cạnh tranh của mọi quốc gia, địa phương. Đối với Thanh Hóa, quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế đang đặt ra yêu cầu khách quan và cấp thiết về việc kiến tạo những động lực bứt phá mới. Nhận thức sâu sắc xu thế khách quan đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong tư duy lãnh đạo và định hướng phát triển của toàn tỉnh, với quyết tâm chính trị đó là: Phấn đấu đến năm 2030 đưa Thanh Hóa vào nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước. Để hiện thực hóa khát vọng này, Đại hội đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, xem đây là một trong những khâu đột phá chiến lược. Sự định hướng này cho thấy kinh tế số phát

triển kinh tế số được xác định là "chìa khóa" để đột phá, hiện thực hóa khát vọng thịnh vượng.

Phát triển kinh tế số tại Thanh Hóa là một chủ trương lớn, xuyên suốt và nhất quán của lãnh đạo tỉnh trong những năm qua. Thực tiễn cho thấy, giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành hàng loạt văn bản quan trọng nhằm phát triển kinh tế số, như: Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến 2030; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, cùng nhiều kế hoạch, quyết định triển khai các đề án về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, số hóa dữ liệu hành chính, phát triển thương mại điện tử. Các văn bản này đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ và thống nhất, bảo đảm cho phát triển kinh tế số của Tỉnh, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- *Về phát triển hạ tầng số:* Hạ tầng viễn thông, Internet được đầu tư mạnh mẽ, mở rộng đến vùng sâu, vùng xa. Toàn tỉnh hiện có 9.841 trạm phủ sóng thông tin di động đến 4.345/4.357 thôn, bản, bằng 99,7% số thôn, bản được cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng di động đến 99,7% số thôn, bản được cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng di động. Hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước được duy trì ổn định, 100% đơn vị cấp tỉnh có mạng LAN, kết nối Internet an toàn. Cấp xã có gần 300 điểm cầu họp trực tuyến, đảm bảo kết nối thông suốt với trung tâm tỉnh. Tỉnh đã triển khai đồng bộ năm nền tảng dùng chung, xây dựng 60 cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung và 26 dịch vụ chia sẻ dữ liệu, đồng thời đưa vào hoạt động Cổng dữ liệu mở với 158 bộ dữ liệu thuộc 16 lĩnh vực<sup>1</sup>. Việc số hóa dữ liệu được triển khai đến từng xã, từng lĩnh vực, tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành chính quyền số và kinh tế số.

- *Về ứng dụng kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực:*

Trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đã triển khai hỗ trợ người sản xuất tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo về môi trường, quy hoạch, công nghệ,

đất đai, cây trồng, vật nuôi, thị trường qua các nền tảng số để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số để quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm. Đến nay đã có 77 vùng trồng được cấp mã số vùng trồng xuất khẩu cập nhật thông tin lên hệ sinh thái sẵn sàng xuất khẩu; cấp 69 mã số vùng trồng nội địa với tổng diện tích 582ha; hỗ trợ hơn 1,3 triệu tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Góp phần tạo dựng thương hiệu cho nông sản thực phẩm an toàn của tỉnh, thúc đẩy mối liên kết giữa sản xuất - cung ứng và tiêu thụ thực phẩm an toàn phát triển bền vững.

Trong thương mại điện tử, chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2025 của tỉnh Thanh Hoá đạt 10.5 điểm, đứng thứ 14 toàn quốc. Hiện có 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; 100% doanh nghiệp có website được cập nhật đầy đủ thông tin về giới thiệu, quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp. Có 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử. Doanh số thương mại điện tử trong

<sup>1</sup> Báo cáo số 281/BC-SKHCHN ngày 31/10/2025 của Sở Khoa học và công nghệ về Báo cáo Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số

theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

tổng mức bán lẻ, dịch vụ ước đạt 2,26%; Cả tỉnh hiện có 167 website thương mại điện tử bán hàng, 03 website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, 02 ứng dụng thương mại điện tử bán hàng, 01 ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.; 6.500 doanh nghiệp đạt mức độ chuyển đổi số theo quy định, đạt tỉ lệ 40,62%, tăng 14,82% so với năm 2023.<sup>2</sup>

Việc hỗ trợ doanh nghiệp phát triển kinh tế số, tổng số doanh nghiệp công nghệ số của Tỉnh hiện nay là 615 doanh nghiệp; có 5.550 doanh nghiệp đạt mức độ chuyển đổi số theo quy định của Bộ TT&TT. Ngoài ra, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như nền tảng hóa đơn điện tử, nền tảng quản trị doanh nghiệp, nền tảng bán hàng trực tuyến... qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh và năng suất lao động.

Trong phát triển du lịch, đã triển khai việc số hóa và đưa vào sử dụng ứng dụng du lịch thông minh MobiFone Smart Travel tại 8 khu, điểm du lịch; cập nhật, số hóa 71 khu, điểm du lịch, khách sạn lên phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu du lịch tỉnh và

đăng tải các tin, bài ảnh quảng bá về du lịch Thanh Hóa trên Website du lịch tỉnh. Ứng dụng công nghệ số hoá và thực tế ảo các bảo vật quốc gia gồm: Kiếm ngắn núi Nưa, Trống đồng Cẩm Giang I, Vạc đồng Cẩm Thủy; Xây dựng phần mềm lưu trữ và trình chiếu dữ liệu số 3D...

Bên cạnh đó, phát triển kinh tế số còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc xây dựng chính quyền số, thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, kinh tế số cũng góp phần thúc đẩy hình thành xã hội số, nơi người dân có thể tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, tài chính và thương mại một cách thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả hơn. Tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tổng quy mô kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, năm 2021 đạt 6,1% đến năm 2025 ước đạt 18,7%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,4%, vượt mục tiêu Đại hội (9,6%); đóng góp của năng suất nhân tố tổng

<sup>2</sup> Báo cáo số 281/BC-SKHHCN ngày 31/10/2025 của Sở Khoa học và công nghệ về Báo cáo Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã

hội số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP năm 2025 đạt 40%, cao hơn so với năm 2020 (37,7%). Toàn tỉnh có 6.500 doanh nghiệp chuyên đổi số, chiếm 31% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.<sup>3</sup> Việc phát triển kinh tế số góp phần tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế số ở Thanh Hóa vẫn còn không ít khó khăn, thách thức. Nhận thức về kinh tế số và chuyên đổi số ở một bộ phận cán bộ, doanh nghiệp và người dân chưa đầy đủ, còn tâm lý e ngại thay đổi. Nguồn nhân lực số, nhất là nhân lực chất lượng cao, còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu. Hạ tầng số ở một số khu vực, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Sự liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái kinh tế số chưa chặt chẽ, chưa hình thành được nhiều mô hình kinh tế số quy mô lớn, có sức lan tỏa mạnh.

Vì vậy, để kinh tế số thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, cần tập trung vào các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, cần tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền,

cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của kinh tế số, coi đây là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, gắn chặt với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Nhận thức đúng sẽ là tiền đề quan trọng để thống nhất hành động, tạo sự đồng thuận và huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế số.

*Thứ hai*, cần tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế số phát triển. Việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, phát triển các mô hình kinh doanh mới cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong quá trình chuyển đổi số, giúp các chủ thể này từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với yêu cầu phát triển mới.

*Thứ ba*, phát triển nguồn nhân lực số là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của kinh tế số. Thanh Hóa cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức có tư duy số, kỹ năng số để đáp ứng yêu cầu xây dựng

<sup>3</sup> Báo cáo số 708 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tỉnh ủy Thanh Hóa: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành

Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XIX trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030

chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đồng thời, cần tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học - công nghệ nhằm phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, giúp người lao động thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế số.

*Thứ tư*, phát triển kinh tế số ở Thanh Hóa cần gắn chặt với thực tiễn và lợi thế của từng ngành, từng lĩnh vực. Trong nông nghiệp, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản lý sản xuất, dự báo thị trường, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo, cần thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất thông minh, tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh. Trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ và du lịch, kinh tế số mở ra cơ hội lớn để quảng bá hình ảnh, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng.

*Thứ năm*, phát triển kinh tế số cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu số phải gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; phát triển các nền tảng số phải đi đôi với bảo vệ

quyền lợi hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, cần quan tâm thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, các nhóm xã hội, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ thành quả của kinh tế số.

Có thể khẳng định rằng, phát triển kinh tế số là xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn mới. Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền cùng với sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, kinh tế số sẽ từng bước trở thành một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế địa phương. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế số không chỉ góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, đổi mới mô hình phát triển mà còn tạo nền tảng vững chắc để Thanh Hóa thực hiện thành công các mục tiêu phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, hướng tới xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

## NHỮNG YÊU CẦU VỀ PHẨM CHẤT, GIÁ TRỊ CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ - YẾU TỐ NỀN TẢNG HÌNH THÀNH VĂN HÓA LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ CẤP XÃ HIỆN NAY

**ThS. Lê Ái Bình, ThS. Lê Hải Yến**  
*GVC, Khoa Xây dựng Đảng*

**T**rong hệ thống chính trị ở cơ sở, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc trực tiếp lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và vận động Nhân dân tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở và gắn kết trực tiếp với Nhân dân. Thực tiễn cho thấy, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở không chỉ phụ thuộc vào cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy hay trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, mà phụ thuộc rất lớn vào văn hóa lãnh đạo, quản lý, trong đó phẩm chất, giá trị của người lãnh đạo, quản lý giữ vai trò nền tảng, cốt lõi và xuyên suốt.

### **1. Phẩm chất, giá trị của người lãnh đạo, quản lý - yếu tố nền tảng hình thành văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp xã**

“Phẩm chất” và “giá trị” là hai khái niệm được tiếp cận theo nhiều

cách khác nhau trong khoa học xã hội và trong đời sống thực tiễn. Theo cách hiểu phổ biến, phẩm chất là những đặc điểm ổn định về đạo đức, tính cách, ý thức, thái độ và hành vi của một cá nhân, được thể hiện thông qua cách suy nghĩ, ứng xử và phản ứng trước các tình huống trong công việc và cuộc sống. Còn giá trị, nếu tiếp cận ở góc độ xã hội học, được xem như hệ thống những quy tắc, chuẩn mực cơ bản nhằm điều chỉnh hoạt động xã hội và hành vi của các cá nhân với tư cách là thành viên của cộng đồng.

Khi được đặt trong bối cảnh hoạt động lãnh đạo, quản lý của người cán bộ, với chức trách, nhiệm vụ của người cán bộ thì nói tới phẩm chất và giá trị là nói tới những phẩm chất, giá trị tốt đẹp, tích cực mang tính định hướng, hướng tới mục tiêu phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc và xây dựng tổ chức vững mạnh. Theo đó, phẩm chất và giá trị của người lãnh đạo, quản lý có thể hiểu là tổng hòa những đặc điểm tích

cực, có tính ổn định về lập trường tư tưởng, ý thức, thái độ chính trị, đạo đức, lối sống và những quy tắc, chuẩn mực mà người cán bộ coi trọng, tuân thủ và thể hiện trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ, hướng tới mục tiêu phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc và xây dựng tổ chức vững mạnh.

Với cách tiếp cận nội hàm phẩm chất, giá trị của người lãnh đạo, quản lý như đã nêu ở trên, đồng thời căn cứ vào các quy định của Đảng, Nhà nước về tiêu chuẩn của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cấp xã, thì phẩm chất và giá trị của người lãnh đạo, quản lý có mối quan hệ thống nhất, đan xen của những đặc điểm, quy tắc, chuẩn mực mang tính định hướng về hành vi, cách ứng xử và phong cách làm việc của người cán bộ và được thể hiện ở: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và ý thức kỷ luật, kỷ cương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trong thực tiễn ở cấp xã, nơi mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ đều gắn chặt với đời sống Nhân dân, những phẩm chất và giá trị của người lãnh đạo, quản lý là những yếu tố quan trọng vừa góp phần tạo nên uy tín

cá nhân, vừa tạo ra khả năng quy tụ, sức lan tỏa và mức độ thuyết phục của người cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với đảng viên và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ. Khi người cán bộ lãnh đạo, quản lý có những phẩm chất tốt đẹp và hệ giá trị đúng đắn để định hướng tư tưởng và hành động, thì sẽ tạo được lan tỏa vào toàn bộ hoạt động của bộ máy, từng bước hình thành văn hóa lãnh đạo, quản lý bền vững ở cơ sở. Ngược lại, nếu thiếu nền tảng phẩm chất, giá trị tốt đẹp thì cũng khó tạo dựng được những giá trị văn hóa trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của người cán bộ và cả trong hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Vì vậy, để xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp xã thì trước hết phải xây dựng yếu tố nền tảng đó chính là phẩm chất và giá trị cốt lõi của người cán bộ. Tuy nhiên, việc xây dựng đó không thể chỉ dừng lại ở những định hướng chung, mà cần được cụ thể hóa thành những yêu cầu rõ ràng, phù hợp với thực tiễn địa phương và yêu cầu phát triển, vì chỉ khi các phẩm chất và giá trị cốt lõi được xác định cụ thể, gắn với nhiệm vụ thực tiễn và được rèn luyện thường xuyên, liên tục, thì mới có thể trở thành nền tảng vững chắc để hình thành và phát triển văn hóa lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

## 2. Những yêu cầu cụ thể về phẩm chất, giá trị của người lãnh đạo, quản lý trong xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ cấp xã

### \* Về phẩm chất chính trị

Trong hệ thống các yêu cầu về phẩm chất và giá trị của người lãnh đạo, quản lý ở cấp xã, thì phẩm chất chính trị là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp người cán bộ giữ vững được định hướng chính trị trong mọi hoạt động và định hướng cho các phẩm chất khác hình thành và phát triển.

Với chức trách nhiệm vụ của người cán bộ cấp xã và trước những khó khăn thách thức, những yêu cầu thực tiễn đang đặt ra hiện nay trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, thì yêu cầu trước hết trong phẩm chất chính trị của người cán bộ cấp xã hiện nay đó là phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân; có lập trường, quan điểm và bản lĩnh chính trị vững vàng, không hoang mang, dao động trước khó khăn, thử thách. Trong đó, sự trung thành phải được thể hiện cụ thể trong lập trường, tư tưởng là luôn kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Cùng với sự trung thành là yêu cầu giữ vững bản lĩnh chính trị, luôn đặt lợi ích của Đảng, của quốc gia - dân tộc, của Nhân dân và của tập thể lên trên lợi ích cá nhân; không vì lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ hay sức ép từ các mối quan hệ xã hội ở cơ sở mà làm sai lệch định hướng chính trị trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Đây là những yêu cầu hết sức cần thiết trong phẩm chất của người cán bộ trong bối cảnh tình hình hiện nay. Đặc biệt, đối với cấp xã - nơi trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc của Nhân dân và cũng là nơi các mối quan hệ xã hội đan xen, gần gũi, việc giữ vững nguyên tắc đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân không hề dễ dàng. Thực tiễn cho thấy, nhiều vấn đề nảy sinh ở cơ sở liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân, nếu cán bộ thiếu bản lĩnh chính trị rất dễ dẫn đến xử lý lúng túng, né tránh, thậm chí thỏa hiệp với cái sai. Do đó, bản lĩnh chính trị cần được coi là những tiêu chí cốt lõi trong việc nhận diện văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp xã.

Phẩm chất chính trị của cán bộ cấp xã còn được thể hiện ở tinh thần

chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức, ở thái độ tận tụy, trách nhiệm cao đối với công việc được giao. Trong điều kiện yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, phạm vi công việc ngày càng rộng, cán bộ cấp xã nếu thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu ý thức tự giác học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, năng lực thì khó có thể đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong tình hình mới. Việc chủ động học tập, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực không chỉ là yêu cầu về chuyên môn, mà còn là biểu hiện của phẩm chất chính trị và văn hóa lãnh đạo, quản lý, thể hiện tinh thần cầu thị, ý thức phục vụ Nhân dân và trách nhiệm trước tổ chức.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, phẩm chất chính trị của cán bộ cấp xã còn gắn chặt với trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đây không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách, mà là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Việc giữ vững kỷ luật phát ngôn, không chia sẻ, lan truyền thông tin sai trái, không để các quan điểm lệch lạc tác động đến nhận thức và hành vi của bản thân và quần chúng nhân dân là

biểu hiện cụ thể của văn hóa chính trị trong lãnh đạo, quản lý.

#### *\* Về đạo đức, lối sống*

Nếu phẩm chất chính trị là nền tảng tư tưởng thì đạo đức, lối sống chính là phương diện thể hiện sinh động, trực tiếp và dễ nhận diện nhất của văn hóa lãnh đạo, quản lý. Đối với cán bộ cấp xã, đạo đức không chỉ là những quy định mang tính bắt buộc, mà trước hết là sự tự giác rèn luyện, giữ gìn phẩm chất cá nhân; có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; không quan liêu, hách dịch, cửa quyền; không để xảy ra phản ánh, dư luận tiêu cực trong Nhân dân. Chính cách sống, cách ứng xử của cán bộ cấp xã trong đời sống hằng ngày, trong quan hệ với Nhân dân, với đồng chí, đồng nghiệp là yếu tố trực tiếp tạo nên hình ảnh, uy tín và sức thuyết phục của người cán bộ và của cả hệ thống chính trị ở cơ sở.

Đồng thời, phải thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kiên quyết không để nảy sinh “tư duy nhiệm kỳ”, lợi ích nhóm; không để gia đình, người thân và người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Trong điều kiện hiện nay, khi mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế với những cám dỗ về lợi ích vật chất, quyền lực tác

động ngày càng mạnh mẽ đến đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở - nơi có nhiều mối quan hệ đan xen của người thân, dòng họ. Việc giữ vững đạo đức liêm chính, nói không với tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thực hiện chí công vô tư không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là yêu cầu văn hóa, phản ánh bản lĩnh và nhân cách của người cán bộ.

Đối với cán bộ cấp xã, những người trực tiếp gần dân, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào xây dựng quê hương, đất nước, nếu cán bộ có uy tín sẽ trở thành hạt nhân quy tụ, đoàn kết, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong thực hiện các mục tiêu, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh ở địa phương. Vì vậy, đây cũng là tiêu chí quan trọng về giá trị đạo đức của người cán bộ.

Việc công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, kiên quyết đấu tranh với biểu hiện cục bộ, địa phương, thiên vị trong xử lý công việc và trong công tác cán bộ cũng là yêu cầu quan trọng. Điều này góp phần quan trọng trong tạo dựng uy tín của người cán bộ, củng cố niềm tin của Nhân dân, xây

dựng môi trường làm việc lành mạnh, dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, cán bộ cấp xã phải thể hiện rõ trách nhiệm trong kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đây vừa là trách nhiệm cá nhân, vừa là yêu cầu xây dựng văn hóa liêm chính trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

***\* Về tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân***

Tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân là thước đo trực tiếp của văn hóa lãnh đạo, quản lý ở cấp xã. Tinh thần đó phải thể hiện trước hết đó là sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kiên quyết đấu tranh với mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

Đồng thời, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân của người cán bộ còn phải thể hiện ở việc thiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân, không né tránh, không đùn đẩy trách nhiệm; kịp thời giải quyết các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Bởi vì, việc thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân, đối thoại với dân, không né tránh, không đùn đẩy trách nhiệm, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh là

biểu hiện cụ thể của tinh thần phục vụ. Thực tiễn cũng cho thấy, nhiều bức xúc ở cơ sở nhiều khi không xuất phát từ chủ trương, chính sách, mà là từ thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm của cán bộ.

Đặc biệt, việc tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, “nghe dân nói, hiểu dân nghĩ, dựa vào dân để điều hành công việc”; công khai xin lỗi và chủ động khắc phục hậu quả khi để xảy ra sai sót là biểu hiện rõ nét của tinh thần trách nhiệm, của văn hóa ứng xử trong công vụ, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở. Tinh thần tôn trọng Nhân dân và thái độ dám nhận trách nhiệm, dám sửa sai cũng chính là biểu hiện của bản lĩnh chính trị, thể hiện chiều sâu văn hóa lãnh đạo, quản lý của người cán bộ.

**\* Về ý thức kỷ luật, kỷ cương**

Ý thức kỷ luật, kỷ cương là nền tảng bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cấp xã được thực hiện thống nhất, hiệu quả. Ý thức kỷ luật, kỷ cương của người cán bộ cấp xã phải thể hiện trước hết đó là sự nghiêm túc trong chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, nhất

là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Đồng thời, phải giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, bảo đảm tính khách quan, trung thực trong báo cáo, thông tin; thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập cá nhân. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là biểu hiện cụ thể của văn hóa kỷ luật trong lãnh đạo, quản lý.

Tóm lại, từ những phân tích trên có thể thấy, các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và kỷ luật, kỷ cương đối với người lãnh đạo, quản lý ở cấp xã không tồn tại riêng lẻ, mà có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành hệ giá trị nền tảng cho văn hóa lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Việc đáp ứng đầy đủ, đồng bộ các yêu cầu này không chỉ góp phần nâng cao uy tín, năng lực và hiệu quả công tác của từng cán bộ, mà còn quyết định chất lượng hoạt động của cả hệ thống chính trị cấp xã, góp phần xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý, xây dựng văn hóa chính trị đáp ứng yêu cầu đang đặt ra hiện nay.

**TRAO ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ NHIỆM KỲ 2026 - 2031 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

**ThS. Lê Thị Hương**

*Phó Trưởng khoa, Khoa Nhà nước và pháp luật*

**T**óm tắt: Hoạt động chất vấn là một trong những hình thức giám sát quan trọng của đại biểu Hội đồng nhân dân, thể hiện vai trò, trách nhiệm của đại biểu trước cử tri và Nhân dân. Trong nhiệm kỳ 2021-2026, hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chất lượng hoạt động chất vấn ở một số nơi vẫn còn những hạn chế nhất định. Bài viết trao đổi một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 -2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nguyện vọng của cử tri.

**Từ khóa:** Hội đồng nhân dân; đại biểu HĐND cấp xã; chất vấn; giám sát; Thanh Hóa.

**1. Đặt vấn đề**

Hoạt động chất vấn là một trong những hình thức giám sát quan trọng của đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND), thể hiện rõ vai trò, trách

nhiệm của đại biểu HĐND trước cử tri và Nhân dân. Thông qua chất vấn tại kỳ họp, đại biểu HĐND có thể yêu cầu các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải trình những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước, từ đó làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập và đề ra các giải pháp khắc phục. Đây cũng là kênh quan trọng để phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề bức xúc của cử tri ở địa phương.

Đối với HĐND cấp xã, hoạt động chất vấn càng có ý nghĩa quan trọng bởi đây là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân như quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, môi trường, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội... Thông qua hoạt động chất vấn, đại biểu HĐND cấp xã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cá nhân trong thực thi nhiệm vụ.

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, đại biểu HĐND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp làm việc, góp phần nâng cao chất lượng

hoạt động, trong đó có hoạt động chất vấn. Tại các kỳ họp, đại biểu chủ động tham gia chất vấn, tập trung vào những vấn đề nổi cộm, bức xúc được cử tri quan tâm. Các câu hỏi chất vấn được chuẩn bị kỹ lưỡng, ngắn gọn, rõ ràng, đi thẳng vào nội dung cần làm rõ. Nhiều đại biểu đã thực hiện hiệu quả quyền chất vấn đối với Chủ tịch và các thành viên UBND cùng cấp, làm rõ trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ; đồng thời kiên trì theo dõi, đeo bám vấn đề đến cùng. Người bị chất vấn đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, trả lời thẳng thắn, đi vào trọng tâm, không né tránh, đồng thời đề ra hướng và thời gian giải quyết cụ thể. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp diễn ra dân chủ, cởi mở, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và được cử tri đồng tình, đánh giá cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động chất vấn của đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, vẫn còn một số hạn chế nhất định:

- Về phía đại biểu HĐND cấp xã, số lượng đại biểu tham gia chất vấn tại các kỳ họp còn hạn chế, thậm chí có đại biểu cả nhiệm kỳ không thực hiện chất vấn. Nội dung chất vấn ở một số trường hợp chưa sâu, minh chứng chưa thuyết phục; câu hỏi còn dài dòng, thiếu rõ ràng, chưa bao quát. Một số nội dung chưa phản ánh đúng vấn đề bức xúc của Nhân dân địa

phương, thiếu tính trọng tâm và chưa được “đeo bám” đến cùng.

- Về phía người bị chất vấn, một số trường hợp trả lời còn chung chung, dài dòng, né tránh trách nhiệm; chưa làm rõ nguyên nhân, thực trạng của vấn đề được chất vấn. Dù có cam kết nhưng vẫn còn tình trạng “hứa” nhưng chậm thực hiện hoặc không thực hiện, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND cấp xã.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân cơ bản: Thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đã mở rộng thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp xã một cách toàn diện, trong khi đại biểu Hội đồng nhân dân phần lớn là kiêm nhiệm. Một bộ phận đại biểu HĐND cấp xã còn thiếu thông tin, kiến thức và kỹ năng chất vấn; thiếu tự tin trong trình bày ý kiến. Một số đại biểu chưa thật sự bản lĩnh, còn tâm lý nể nang, ngại va chạm, chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm trước cử tri. Bên cạnh đó, có đại biểu ở những kỳ họp đầu tham gia chất vấn tích cực nhưng về sau giảm dần do việc trả lời, giải quyết chưa thỏa đáng, khó xác định trách nhiệm cụ thể, thậm chí lo ngại ảnh hưởng đến bản thân. Vì vậy, ở một số nơi, hoạt động chất vấn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

**2. Một số nội dung nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn, đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

*Thứ nhất, lựa chọn đúng và trúng vấn đề chất vấn.*

Lựa chọn vấn đề chất vấn là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của hoạt động chất vấn. Đại biểu HĐND cấp xã cần lựa chọn những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của Nhân dân, những vấn đề nổi cộm, bức xúc đang được cử tri và dư luận quan tâm. Việc lựa chọn đúng vấn đề không chỉ giúp hoạt động chất vấn đạt hiệu quả mà còn nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các đại biểu và cử tri.

Nội dung chất vấn cần đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và có căn cứ. Đại biểu HĐND cấp xã cần đưa ra những dẫn chứng, số liệu, ví dụ cụ thể để làm rõ vấn đề. Đồng thời, cần tránh lựa chọn những vấn đề quá chung chung, hoặc những vấn đề chưa có đầy đủ thông tin, còn đang được các cơ quan chức năng xem xét, xử lý. Bên cạnh đó, đại biểu HĐND cấp xã cũng cần lựa chọn những vấn đề thuộc lĩnh vực mình am hiểu hoặc có điều kiện nghiên cứu, theo dõi thường xuyên. Điều này giúp đại biểu có thể phân tích, đánh giá sâu sắc hơn và đặt ra những câu hỏi chất vấn xác đáng.

*Thứ hai, chủ động thu thập và xử lý thông tin phục vụ chất vấn.*

Để hoạt động chất vấn đạt hiệu quả, đại biểu HĐND cấp xã cần chủ động thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến vấn đề chất vấn. Thông tin đầy đủ, chính xác sẽ giúp đại biểu hiểu rõ bản chất vấn đề, từ đó xác định đúng đối tượng chất vấn và đặt câu hỏi đúng trọng tâm.

Nguồn thông tin phục vụ chất vấn rất đa dạng, có thể thu thập từ các báo cáo của Ủy ban nhân dân, báo cáo thẩm tra của các ban HĐND, báo cáo giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp. Ngoài ra, đại biểu có thể khai thác thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng, từ các cuộc tiếp xúc cử tri, từ phản ánh của Nhân dân hoặc từ đơn thư khiếu nại, kiến nghị của công dân.

Trong quá trình thu thập thông tin, đại biểu cần chú ý kiểm chứng độ tin cậy của nguồn thông tin, đặc biệt là đối với những thông tin không chính thống. Việc phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau sẽ giúp đại biểu có cái nhìn toàn diện và khách quan hơn về vấn đề cần chất vấn.

*Thứ ba, xác định đúng đối tượng chất vấn.*

Để chất vấn có hiệu quả, đại biểu HĐND cấp xã cần xác định đúng đối tượng chịu trách nhiệm đối với vấn đề cần làm rõ. Điều này đòi hỏi đại

biểu HĐND cấp xã phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong bộ máy chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó, đại biểu HĐND cấp xã cần xác định rõ vấn đề chất vấn thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào; trách nhiệm chính thuộc về ai; người đứng đầu có trách nhiệm ra sao. Việc xác định đúng đối tượng chất vấn sẽ giúp câu hỏi được trả lời đúng thẩm quyền, tránh tình trạng trả lời chung chung hoặc né tránh trách nhiệm.

*Thứ tư, nâng cao kỹ năng đặt câu hỏi chất vấn.*

Kỹ năng đặt câu hỏi là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng hoạt động chất vấn. Khi đặt câu hỏi, đại biểu HĐND cấp xã cần đảm bảo các yêu cầu: câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, đi thẳng vào vấn đề, tránh diễn giải dài dòng. Một câu hỏi chất vấn hiệu quả cần đảm bảo các yếu tố: (1) *Cụ thể*: có dẫn chứng, số liệu rõ ràng; (2) *Rõ ràng*: người bị chất vấn hiểu được nội dung và yêu cầu của câu hỏi; (3) *Có căn cứ*: dựa trên thông tin chính xác, đáng tin cậy; (4) *Liên quan đến trách nhiệm* của người bị chất vấn. Trong quá trình chất vấn, đại biểu HĐND cấp xã cần giữ thái độ nghiêm túc, khách quan, tôn trọng người trả lời. Việc sử dụng giọng nói, tác phong, cử chỉ phù hợp sẽ góp phần tạo nên không khí trao đổi thẳng thắn nhưng mang tính xây dựng.

*Thứ năm, chú trọng kỹ năng lắng nghe và đánh giá câu trả lời chất vấn.*

Sau khi đặt câu hỏi, đại biểu HĐND cấp xã cần tập trung lắng nghe nội dung trả lời của người bị chất vấn để phân tích và đánh giá mức độ đáp ứng của câu trả lời. Đại biểu HĐND cấp xã cần xem xét người trả lời đã làm rõ nguyên nhân của vấn đề hay chưa, đã xác định trách nhiệm cụ thể hay chưa, giải pháp đưa ra có khả thi hay không.

Kỹ năng lắng nghe tích cực sẽ giúp đại biểu HĐND cấp xã nắm bắt được những thông tin quan trọng, đồng thời phát hiện những nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ để tiếp tục đặt câu hỏi bổ sung. Trong quá trình lắng nghe, đại biểu HĐND cấp xã cần ghi chép những ý chính, các con số quan trọng và các mốc thời gian liên quan để làm cơ sở cho việc đánh giá câu trả lời.

*Thứ sáu, thực hiện tốt việc truy vấn và đặt câu hỏi bổ sung.*

Trong trường hợp câu trả lời chưa rõ ràng hoặc chưa thỏa đáng, đại biểu HĐND cấp xã có quyền đặt câu hỏi bổ sung để làm sáng tỏ vấn đề. Việc truy vấn cần tập trung vào những nội dung mà người bị chất vấn chưa trả lời hoặc trả lời chưa đầy đủ. Đại biểu HĐND cấp xã cần theo đuổi vấn đề đến cùng, tránh tình trạng đặt câu hỏi nhưng không tiếp tục theo dõi hoặc làm rõ trách nhiệm. Việc truy vấn đúng trọng

tâm sẽ góp phần nâng cao tính hiệu quả và tính trách nhiệm trong hoạt động chất vấn.

*Thứ bảy, tăng cường theo dõi, giám sát việc thực hiện sau chất vấn.*

Hiệu quả của hoạt động chất vấn không chỉ thể hiện tại phiên chất vấn mà còn thể hiện ở việc thực hiện các cam kết và giải pháp sau chất vấn. Vì vậy, đại biểu HĐND cấp xã cần theo dõi việc thực hiện các nội dung đã được trả lời hoặc cam kết tại kỳ họp. Đại biểu HĐND cấp xã có thể sử dụng “*nhật ký chất vấn*” để ghi chép các nội dung như: thời gian chất vấn, người bị chất vấn, nội dung câu hỏi, nội dung trả lời và các cam kết cụ thể. Đây là cơ sở để đại biểu theo dõi, đánh giá việc thực hiện các nội dung sau chất vấn. Trong trường hợp người bị chất vấn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết, đại biểu HĐND cấp xã có thể đề nghị Thường trực HĐND cấp xã xem xét trách nhiệm của người liên quan hoặc kiến nghị tổ chức giám sát chuyên đề để làm rõ vấn đề.

### **3. Kết luận**

Chất vấn là một trong những hình thức giám sát quan trọng của HĐND cấp xã, thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của đại biểu HĐND cấp xã trước cử tri và Nhân dân địa phương Để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số và

thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đại biểu HĐND cấp xã cần không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng và bản lĩnh trong hoạt động chất vấn. Việc lựa chọn đúng vấn đề, chuẩn bị đầy đủ thông tin, đặt câu hỏi đúng trọng tâm, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện sau chất vấn sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, đáp ứng tốt hơn yêu cầu và kỳ vọng của cử tri và Nhân dân.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quốc hội (2025), Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội: Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
2. Quốc hội (2025), Luật số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội: Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.
3. Các báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CÓ KỲ HẠN Ở CƠ SỞ - YÊU CẦU TẤT YẾU TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

**ThS. Nguyễn Thị Yên**

*GVC, Khoa Nhà nước và pháp luật*

**T**rong bối cảnh triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các trường chính trị đặt ra ngày càng cấp thiết, đặc biệt là năng lực tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận. Trên cơ sở tiếp cận từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống quy định của Đảng, nhất là Quy định số 393-QĐ/TW ngày 05/01/2026 và Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 của Ban Chấp hành Trung ương, bài viết phân tích thực trạng hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, từ đó luận giải tính tất yếu của việc tổ chức nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở như một giải pháp mang tính chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn trong giai đoạn mới.

**Cơ sở lý luận và chính trị - pháp lý của yêu cầu nghiên cứu thực tế có kỳ hạn**

Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn giữ vai trò nền tảng của nhận thức. Thực tiễn không chỉ là cơ sở, động lực mà còn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vì vậy, mọi lý luận khoa học chỉ thực sự có giá trị khi được hình thành từ thực tiễn, được kiểm nghiệm trong thực tiễn và quay trở lại phục vụ thực tiễn. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã phát triển sâu sắc nguyên lý này khi khẳng định cán bộ, đặc biệt là cán bộ làm công tác lý luận, phải gắn bó mật thiết với cơ sở, “*học ở nhân dân*”, lấy thực tiễn làm điểm xuất phát và điểm đến của tư duy lý luận. Đối với đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, đây không chỉ là yêu cầu phương pháp mà còn là chuẩn mực nghề nghiệp.

Trong bối cảnh Đại hội XIV, Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “*Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*”, đồng thời đặt ra nhiệm vụ nâng cao chất lượng đội ngũ cán

bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín. Điều đó trực tiếp đặt ra yêu cầu đối với các trường chính trị - thiết chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng ở địa phương.

Về phương diện pháp lý, Quy định số 393-QĐ/TW (05/01/2026) của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định rõ: trường chính trị không chỉ thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng mà còn có nhiệm vụ *“tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương”* (Điều 1, khoản 2), đồng thời phải *“tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở... góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách”* (Điều 2, khoản 2). Quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi lần đầu tiên đặt hoạt động tổng kết thực tiễn ngang tầm với chức năng đào tạo, qua đó khẳng định: giảng viên trường chính trị không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là chủ thể tham gia sản xuất tri thức lý luận từ thực tiễn địa phương.

Bên cạnh đó, Quy định số 396-QĐ/TW (06/01/2026) của Ban Chấp hành Trung ương về trường chính trị chuẩn đã cụ thể hóa yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, trong đó nhấn mạnh tiêu chí gắn lý luận với thực tiễn, coi hoạt động nghiên cứu thực tế là một

điều kiện quan trọng để đánh giá chất lượng giảng viên và nhà trường.

Ngoài ra, Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG (20/3/2026) của Học viện Chính trị Quốc gia cũng quy định rõ nghiên cứu thực tế là nhiệm vụ chuyên môn bắt buộc của giảng viên. Đặc biệt, quy định này không chỉ dừng lại ở hoạt động nghiên cứu thực tế thường xuyên mà còn đặt ra yêu cầu nghiên cứu thực tế có kỳ hạn như một hình thức nghiên cứu có chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Như vậy, xét trên cả phương diện lý luận, chính trị và pháp lý, việc tổ chức nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở là yêu cầu tất yếu, khách quan và mang tính bắt buộc đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị trong giai đoạn hiện nay.

### **Thực trạng hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa**

Quán triệt quan điểm của Đảng và hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, những năm qua Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm tổ chức hoạt động nghiên cứu thực tế cho đội ngũ giảng viên với nhiều hình thức đa dạng, gắn chặt với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Giai đoạn 2020 - 2025, nhà trường thường xuyên tổ chức cho giảng viên đi nghiên cứu thực tế thông qua việc giao các nhóm giảng viên chủ trì hội thảo tổng kết thực tiễn tại địa phương; đồng thời gắn với mô hình chủ nhiệm lớp, giảng viên chủ động cùng học viên xác định vấn đề nghiên cứu theo lĩnh vực và tổ chức các hội thảo chuyên đề. Hoạt động này được triển khai rộng khắp ở các lớp Trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, các lớp bồi dưỡng theo chức danh lãnh đạo, quản lý và các lớp mở tại địa phương. Thông qua đó, giảng viên có điều kiện trực tiếp khảo sát, quan sát và phân tích thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách tại cơ sở; qua đó hiểu rõ hơn cơ chế vận hành của chính quyền địa phương, cũng như những thành tựu và khó khăn, thách thức đặt ra.

Bên cạnh đó, các khoa chuyên môn đã chủ động tổ chức nghiên cứu thực tế theo chuyên đề, phục vụ trực tiếp cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học; đồng thời nhà trường tăng cường phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức khảo sát, tọa đàm, trao đổi thực tiễn. Một số kết quả tiêu biểu: năm 2021 tổ chức 3 đoàn nghiên cứu tại các xã thuộc huyện Hậu Lộc, Hoằng

Hóa về mô hình OCOP và khảo sát nhu cầu bồi dưỡng cán bộ tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định (Báo cáo số 254-BC/TrCT ngày 17/11/2021); năm 2023 tổ chức nghiên cứu thực tế cùng 12 lớp Trung cấp LLCT và 5 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước (Báo cáo số 340-BC/TrCT ngày 31/10/2023); năm 2024 tổ chức 15 đoàn nghiên cứu thực tế cho cán bộ, giảng viên và học viên (Báo cáo số 288-BC/TrCT ngày 20/10/2024); năm 2025 tổ chức 16 đoàn nghiên cứu thực tế, trong đó có 01 đoàn lớp Trung cấp LLCT dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Hòa Bình (CHDCND Lào)... Những hoạt động này góp phần mở rộng không gian thực tiễn, tăng cường gắn kết giữa nhà trường với cơ sở.

Kết quả đạt được cho thấy, hoạt động nghiên cứu thực tế đã góp phần nâng cao nhận thức thực tiễn và năng lực chuyên môn của giảng viên. Thực tiễn trở thành nguồn tư liệu quan trọng giúp giảng viên bổ sung dẫn chứng sinh động, nâng cao tính thuyết phục của bài giảng. Đồng thời, hoạt động này còn thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, giúp giảng viên phát hiện các vấn đề mới, hình thành các hướng nghiên cứu có giá trị, qua đó góp phần củng cố mối quan hệ giữa nhà trường và địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu thực tế vẫn còn những hạn chế đáng chú ý. Trước hết, phần lớn hoạt động còn mang tính ngắn hạn, thiên về khảo sát, chưa tạo điều kiện để giảng viên tham gia sâu vào quá trình quản lý, điều hành ở cơ sở, dẫn đến trải nghiệm thực tiễn chưa đủ chiều sâu. Bên cạnh đó, việc tổ chức chưa thực sự hệ thống, thiếu kế hoạch dài hạn và cơ chế triển khai đồng bộ; mục tiêu, nội dung và phương thức thực hiện chưa được chuẩn hóa, khiến hiệu quả chưa tương xứng với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong giai đoạn mới.

**Tính tất yếu của việc tổ chức nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở**

Xét trên phương diện giá trị, việc tổ chức nghiên cứu thực tế có kỳ hạn là yêu cầu tất yếu, thể hiện tập trung ở ba phương diện:

*Thứ nhất, đối với giảng viên, đây là con đường trực tiếp nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực nghề nghiệp.*

Trải nghiệm thực tiễn có kỳ hạn giúp giảng viên tích lũy tri thức kinh nghiệm, rèn luyện tư duy phân tích và khả năng xử lý tình huống, từ đó “thực tiễn hóa” bài giảng. Lý luận được soi chiếu từ thực tiễn cụ thể sẽ trở nên sinh động, có sức thuyết phục, giúp học viên - là cán bộ đang công tác - nhận diện rõ

tính thiết thực và khả năng vận dụng. Đồng thời, đây cũng là giải pháp căn bản khắc phục tình trạng giảng dạy nặng về kinh nghiệm chủ quan hoặc giáo điều, nâng cao trình độ “hiểu sâu - nói trúng - giảng thuyết phục” của giảng viên.

*Thứ hai, đối với nhà trường, nghiên cứu thực tế có kỳ hạn tạo nên tảng cho tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận.*

Những vấn đề lớn của thực tiễn như đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng chính quyền số, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ... chỉ có thể được nhận diện đầy đủ thông qua quá trình theo dõi dài hạn, có chiều sâu. Kết quả nghiên cứu thực tế không chỉ cung cấp luận cứ khoa học cho đổi mới nội dung giảng dạy mà còn mở ra các hướng nghiên cứu có giá trị, qua đó thực hiện đúng chức năng “tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học” của trường chính trị theo Quy định số 393-QĐ/TW, đồng thời đáp ứng tiêu chí xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 396-QĐ/TW.

*Thứ ba, đối với cơ sở và hệ thống chính trị địa phương, nghiên cứu thực tế có kỳ hạn góp phần tăng cường liên kết lý luận với thực tiễn.*

Quá trình giảng viên tham gia công tác tại cơ sở tạo ra sự tương tác hai chiều: vừa tiếp nhận, phản ánh kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ

thực tiễn, vừa đóng góp tư duy lý luận, phương pháp khoa học vào quá trình lãnh đạo, quản lý. Qua đó, không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn góp phần củng cố mối quan hệ giữa nhà trường với địa phương, nâng cao vị thế, uy tín của trường chính trị trong hệ thống chính trị.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, tổ chức nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở không chỉ là giải pháp chuyên môn, mà là yêu cầu mang tính chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đồng thời trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và năng lực tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận của nhà trường trong giai đoạn mới.

### **Một số định hướng nâng cao hiệu quả nghiên cứu thực tế có kỳ hạn**

Để tổ chức hiệu quả nghiên cứu thực tế có kỳ hạn, cần triển khai đồng bộ một số định hướng cơ bản sau:

*Một là, xây dựng đề án tổng thể, bảo đảm tính chiến lược và tính khả thi cao.*

Đề án cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian (từ 3 - 6 tháng, 1 năm hoặc dài hơn), địa bàn, phương thức tổ chức, cơ chế quản lý và đánh giá kết quả. Việc triển khai phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy

nhà trường, gắn chặt với chiến lược phát triển đến năm 2030 và yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn.

*Hai là, lựa chọn địa bàn và vị trí công tác phù hợp.*

Việc lựa chọn địa bàn và vị trí công tác phù hợp với chuyên môn của giảng viên; bảo đảm giảng viên được tham gia thực chất vào công việc của địa phương, có sản phẩm nghiên cứu cụ thể (báo cáo tổng kết, bài viết khoa học, chuyên đề giảng dạy mới).

*Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng ràng buộc trách nhiệm và tạo động lực.*

Cần quy định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, chế độ hỗ trợ đối với giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế; đồng thời coi kết quả nghiên cứu thực tế có kỳ hạn là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá, bổ nhiệm, xét danh hiệu, nâng ngạch, qua đó tạo động lực và áp lực tích cực để giảng viên tham gia thực chất.

*Bốn là, gắn chặt nghiên cứu thực tế với giảng dạy và nghiên cứu khoa học.*

Kết quả nghiên cứu phải được “chuyên hóa” trực tiếp vào bài giảng, chương trình đào tạo và công bố khoa học. Đồng thời, cần xây dựng ngân hàng tình huống thực tiễn phục vụ giảng dạy, bảo đảm sự thống nhất giữa đào tạo - nghiên cứu - tổng kết thực tiễn.

*Năm là, tăng cường phối hợp với các địa phương trong tỉnh,*

Việc tăng cường phối hợp với các địa phương trong tỉnh, tạo cơ chế tiếp nhận và đánh giá giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế; qua đó củng cố mối quan hệ giữa nhà trường và cơ sở.

Nghiên cứu thực tế có kỳ hạn ở cơ sở không chỉ là một giải pháp nâng cao chất lượng giảng viên, mà là yêu cầu khách quan, mang ý nghĩa chiến lược trong thực hiện đầy đủ chức năng của trường chính trị trong giai đoạn mới. Trong bối cảnh triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 396-QĐ/TW (06/01/2026), việc đổi mới mạnh mẽ hoạt động này trở thành điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - nhiệm vụ then chốt trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Thực tiễn đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị: không chỉ là người truyền thụ tri thức, mà còn là chủ thể tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần phát triển lý luận của Đảng. Muốn vậy, giảng viên phải thực sự “*đi vào thực tiễn, sống trong thực tiễn và khái quát từ thực tiễn*”, biến trải nghiệm thực tiễn thành năng lực khoa học và năng lực sư phạm. Tổ chức hiệu quả nghiên cứu thực tế có kỳ hạn chính là con

đường căn bản để hình thành đội ngũ giảng viên vững về lý luận, sâu về thực tiễn, sắc về tư duy, đủ năng lực dẫn dắt nhận thức, định hướng hành động và truyền bá, phát triển lý luận của Đảng. Đây cũng là nền tảng bền vững để Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa khẳng định vị thế, uy tín và đóng góp thiết thực vào sự phát triển của địa phương và đất nước trong giai đoạn mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Ban Bí thư (2026), *Quy định số 393-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố*.
- Ban Bí thư (2026), *Quy định số 396-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn*.
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.
- Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa (2020-2025), *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*.

## GIẢI PHÁP PHÁT HUY TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HOÁ TRONG THAM GIA CUỘC THI CHÍNH LUẬN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

**ThS. Phạm Bá Thịnh**  
GVC, Khoa Lý luận cơ sở

**N**ghị Quyết 35 -NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về “tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” đã khẳng định: “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân...”; đồng thời là trách nhiệm trực tiếp của đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, trong đó giảng viên lý luận chính trị giữ vai trò nòng cốt. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự chống phá ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch trên không gian mạng, cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận diễn ra gay gắt, phức tạp, đòi hỏi phải có những hình thức đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả.

Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do Ban Chỉ đạo 35 các cấp tổ chức, những

năm qua đã trở thành một diễn đàn chính trị - học thuật quan trọng, góp phần lan tỏa quan điểm chính thống, củng cố niềm tin, phản bác kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch. Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đây không chỉ là hoạt động chuyên môn mà còn là môi trường rèn luyện bản lĩnh, năng lực nghiên cứu và đấu tranh tư tưởng của giảng viên.

Thực tiễn cho thấy, ở đâu giảng viên gương mẫu, tiên phong tham gia thì ở đó phong trào tham gia Cuộc thi chính luận phát triển mạnh, chất lượng các tác phẩm được nâng cao và sức lan tỏa tích cực trong học viên, cán bộ, đảng viên. Ngược lại, nếu giảng viên thờ ơ, hình thức thì rất khó tạo động lực và niềm tin cho người học. Vì vậy, việc phát huy trách nhiệm nêu gương của giảng viên trong tham gia Cuộc thi chính luận không chỉ là yêu cầu chuyên môn mà còn là trách nhiệm chính trị.

Thông qua Cuộc thi nhận thức của giảng viên về trách nhiệm nêu

gương trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được nâng cao, nhận thức rõ mục đích của Cuộc thi trước hết là xây dựng các sản phẩm chính luận có chất lượng để phục vụ trực tiếp công tác tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trên báo chí, truyền thông và trên không gian mạng. Mặt khác, Cuộc thi là phương thức sáng tạo để nâng cao năng lực đấu tranh tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và không gian mạng cho thấy yêu cầu quan trọng của việc hình thành “lá chắn tư tưởng” cho mỗi cán bộ, đảng viên và người dân để có sức đề kháng tốt trước các luận điệu xuyên tạc, chống phá, hình thành ý thức tham khảo thông tin chính thống trước mỗi sự kiện chính trị - xã hội. Các tác phẩm tham gia dự thi không chỉ là những sản phẩm riêng lẻ mà còn góp phần hình thành kho dữ liệu chính thống về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng để các lực lượng khai thác, sử dụng. Trên cơ sở đó, kiến tạo hệ sinh thái bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với nhiều tầng, nhiều lớp để mỗi chủ thể không chỉ “biết” mà còn để “làm”, không chỉ nâng cao nhận thức mà còn nắm vững phương pháp, cách thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng gắn với nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương.



*Toàn cảnh cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá dự hội nghị trực tuyến Hội báo triển khai Cuộc thi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, năm 2026*

Đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá nhận thức đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; thấu triệt tinh thần lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, bám sát kế hoạch, thể lệ Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đồng thời nêu gương phát huy vai trò nòng cốt trong việc định hướng, hướng dẫn cho học viên công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và nêu gương tham gia tác phẩm dự thi Cuộc thi chính luận đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, nhiều năm qua đã đạt được nhiều kết quả nổi bật như: Năm 2024

có 100% cán bộ, đảng viên Nhà trường tham gia Cuộc thi và gửi về Ban tổ chức Cuộc thi 46 tác phẩm dự thi; 131 tác phẩm dự thi của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị. Sau khi thẩm định Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã lựa chọn 20 tác phẩm dự thi của cán bộ, đảng viên, học viên Nhà trường gửi tham dự Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên địa bàn tỉnh, kết quả: Giải nhất tập thể; 01 giải A; 02 giải C; 02 giải khuyến khích. Năm 2025, có 100% cán bộ, đảng viên Nhà trường tham gia Cuộc thi và gửi về Ban tổ chức Cuộc thi có 49 tác phẩm dự thi. Sau khi thẩm định Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã lựa chọn 25 tác phẩm dự thi của cán bộ, đảng viên Nhà trường gửi tham dự Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên địa bàn tỉnh, kết quả: Giải nhất tập thể; 01 giải A; 02 giải B; 01 giải C, 01 giải khuyến khích cấp tỉnh.

Việc phát huy trách nhiệm nêu gương của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đã, đang và tiếp tục là hành động tự giác, liên tục, thường xuyên, trở thành Phong trào tự giác tham gia Cuộc thi chính luận và lan tỏa trong học viên.

Cùng với kết quả đạt được, trách nhiệm nêu gương của giảng viên cũng còn những hạn chế nhất định

như: một số tác phẩm dự thi còn chung chung, thiếu chiều sâu thực tiễn, một số ít giảng viên kỹ năng nhận diện chủ đề chưa sát, chưa tận dụng hiệu quả không gian mạng để lan tỏa kết quả.

Để tiếp tục phát huy trách nhiệm nêu gương của giảng viên Trường Chính trị tỉnh và khắc phục những hạn chế trên, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất, Nâng cao nhận thức chính trị, xác định rõ trách nhiệm tiên phong của giảng viên Trường Chính trị tỉnh.*

Trước hết, cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng; xác định tham gia Cuộc thi chính luận trách nhiệm chính trị tự giác, thường xuyên, liên tục của giảng viên. Mỗi giảng viên phải tự giác tham gia hằng năm; xem đây là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và phải thể hiện vai trò “đi trước, làm trước, làm tốt”.

*Thứ hai, Tăng cường ý thức tự chủ, tự rèn luyện của mỗi giảng viên.*

Đây là yêu tố quyết định, để làm tốt công tác tham mưu, tổ chức có hiệu quả Cuộc thi chính luận, cũng như có nhiều tác phẩm dự thi có chất lượng, đạt giải cao, hơn hết, trước hết, mỗi giảng viên phải chủ động và không ngừng học tập, cập nhật kiến thức lý luận và thực tiễn; rèn luyện kỹ

năng bảo vệ và đấu tranh theo phương châm “xây” là chủ yếu, “chống” là quyết liệt, thường xuyên, hiệu quả; giữ vững bản lĩnh chính trị; nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong hình ảnh và uy tín giảng viên.

*Thứ ba, Nêu gương trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.*

Theo đó, khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy cần chủ động truyền truyền ý nghĩa Cuộc thi chính luận; định hướng, dẫn dắt tham gia và lan toả Cuộc thi chính luận đến học viên.

Trong nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, giảng viên chủ động lựa chọn chủ đề gắn với vấn đề thời sự, “điểm nóng” tư tưởng, những vấn đề cần tổng kết thực tiễn địa phương, ngành, cơ sở; kết hợp nhuần nhuyễn lý luận và thực tiễn trên cơ sở những lập luận khoa học, dẫn chứng xác thực, ngôn ngữ mạch lạc, thuyết phục, có giá trị định hướng và kiến nghị giải pháp, chất lượng tác phẩm chính là minh chứng rõ nhất cho uy tín chuyên môn và vai trò nêu gương của giảng viên nhà trường.

*Thứ tư, Nêu gương trong định hướng, hướng dẫn học viên tham gia Cuộc thi chính luận.*

Giảng viên Trường Chính trị không chỉ truyền đạt kiến thức lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh và lý luận về đường lối đổi mới..., mà còn phát huy trách nhiệm tham gia, lan toả Cuộc thi chính luận đến học viên. Theo đó, giảng viên Nhà trường cần phát huy, chủ động thành lập nhóm giảng viên nòng cốt hướng dẫn cách chọn chủ đề, cách lập luận, góp ý, chỉnh sửa bản thảo; chia sẻ kinh nghiệm kỹ năng viết bài, kỹ năng phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; cùng học viên đăng tải, lan toả tác phẩm chính luận đạt giải và lan toả ý nghĩa Cuộc thi chính luận trên không gian mạng. Qua đó, biến cuộc thi thành hoạt động thường xuyên trong nhà trường, tạo môi trường rèn luyện cho học viên với tinh thần “cùng làm, cùng học, cùng tiến bộ” sẽ nhân lên sức lan toả.

*Thứ năm, Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ.*

Để thực sự là hành động tự giác, thường xuyên, liên tục của cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá cần có cơ chế, chính sách vừa quy định, ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi và khuyến khích giảng viên nhà trường cần đưa kết quả tham gia Cuộc thi vào tiêu chí thi đua, đánh giá chất lượng đảng viên, và nhiệm vụ chuyên môn; khen thưởng kịp thời giảng viên có tác phẩm đạt giải; kịp thời tổ chức tập huấn kỹ năng viết bài và

tham gia các loại hình dự thi; bố trí thời gian, phân bổ kinh phí phù hợp; xây dựng kho tư liệu dùng chung được đăng tải trang Website và Tập san điện tử nghiên cứu lý luận và thực tiễn của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá.

*Tóm lại*, Kế thừa kết quả và kinh nghiệm của Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng những năm trước, Cuộc thi chính luận năm 2026 được phát động, tổ chức cho thấy ý nghĩa quan trọng của Cuộc thi, vừa là sự kiện kịp thời chào mừng thành công của Đại hội, vừa là hoạt động chính trị - tư tưởng sâu rộng để bảo vệ, lan toả, cụ thể hoá Văn kiện Đại hội, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, từ đó khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển, phát huy tối đa sức mạnh nội sinh, tranh thủ mọi nguồn lực để đưa đất nước tăng tốc và bứt phá.

Phát huy trách nhiệm nêu gương của giảng viên nhà trường trong tham gia Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng Cuộc thi mà còn trực tiếp nâng cao hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Khi mỗi giảng viên thực sự là một tấm gương về bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận và tinh thần dấn thân, Cuộc thi chính luận sẽ trở thành động lực mạnh mẽ để hiện thực hóa phương châm **“xây” và “chống”**; chuyển đổi mạnh

mẽ tư duy từ **“đấu tranh để bảo vệ”** sang **“đấu tranh để vừa bảo vệ vừa thúc đẩy phát triển”**, đấu tranh không chỉ là phản bác quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối, mà quan trọng hơn là thông qua đấu tranh để phát triển lý luận, củng cố vững chắc và bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới, nhận diện và dự báo những vấn đề lý luận mới đặt ra./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị Quyết 35 -NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về *“tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*.

- Báo cáo số 109 -BC/TrCT của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá, ngày 5 tháng 6 năm 2025 về kết quả Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, năm 2025.

- Kế hoạch số 28-KH/TrCT của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá, ngày 16 tháng 01 năm 2026 về tổ chức Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, năm 2026.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hợp báo triển khai Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, năm 2026.

## MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

**ThS. Trịnh Thị Phương**

*GVC, Khoa Lý luận cơ sở*

**Đ**ược sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc hỗ trợ, tạo điều kiện để các hộ kinh doanh cá thể hoạt động hiệu quả, đặc biệt việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 và chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026, trong những năm qua khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã đạt được những kết quả khích lệ cả về quy mô, số lượng và chất lượng, trở thành lực lượng kinh tế nòng cốt, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cụ thể:

*Về số lượng doanh nghiệp.* Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh có 18.621 doanh nghiệp thành lập mới (mục tiêu có 15.000 doanh nghiệp thành lập mới), vốn điều lệ đăng ký đạt 163.525 tỷ đồng, bình quân đạt 8,78 triệu đồng/doanh nghiệp. Lũy kế đến tháng 12/2025, trên địa bàn tỉnh có 21.500 doanh nghiệp hoạt động, đạt gần 5,7 doanh nghiệp/1.000 dân, tăng

1,05 doanh nghiệp so với năm 2020<sup>1</sup>. Về số lượng hộ kinh doanh cá thể đến nay có khoảng 177.000; 1.074 trang trại (128 trang trại trồng trọt, 644 trang trại chăn nuôi, 25 trang trại lâm nghiệp, 120 trang trại nuôi trồng thủy sản, 157 trang trại tổng hợp); tổng số lao động thường xuyên trong các trang trại là 4.072 người (trung bình mỗi trang trại sử dụng 3,8 lao động).

*Về tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động, trình độ công nghệ.* Năng suất lao động khu vực kinh tế tư nhân luôn cao hơn so với bình quân năng suất lao động cả tỉnh và năm sau cao hơn năm trước, trong giai đoạn 2017-2025 tốc độ tăng năng suất lao động của khu vực kinh tế tư nhân bình quân hằng năm đạt 18,0%/năm, cao hơn bình quân toàn tỉnh là 17,3%/năm. Riêng năm 2025, tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân bình quân năm 2025 ước đạt 8,21%; tốc độ tăng năng suất lao động ước đạt 11,5%. Hiện nay, 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được tiếp cận và ứng dụng các nền tảng số trong hoạt

<sup>1</sup> Báo cáo số 13607/BC-STC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài Chính tỉnh Thanh Hóa Báo

cáo Tình hình triển khai thực hiện Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.

động sản xuất kinh doanh, có 5.500 doanh nghiệp đạt mức độ chuyên đổi số theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; tổng số doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh đạt 615 doanh nghiệp.

*Về đóng góp của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.* Kinh tế tư nhân phát triển đa dạng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tư nhân thời gian qua được nâng lên. Tính đến năm 2025, khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 56,66% GRDP của tỉnh; tạo việc làm cho khoảng 479.266 lao động, gấp 1,43 lần so với năm 2020; thu nộp ngân sách nhà nước khu vực doanh nghiệp ước đạt 13.283 tỷ đồng, chiếm 91,29% tổng thu nội địa (trừ thu tiền sử dụng đất, sổ số) gấp 2,02 lần so với năm 2020. Huy động vốn đầu tư khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 90,55 nghìn tỷ đồng, chiếm 65% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng gấp 1,73 lần so với năm 2017<sup>2</sup>.

Với những kết quả đạt được, kinh tế tư nhân đã đóng góp thiết thực vào sự tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thanh Hoá theo hướng hiện đại. Mặc dù việc phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, như: Khả năng cạnh

tranh của kinh tế tư nhân còn hạn chế, thiếu bền vững, quy mô của các chủ thể kinh tế tư nhân chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, khả năng huy động vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh còn hạn chế; quá trình chuyển đổi số, đổi mới công nghệ trong khu vực kinh tế tư nhân chưa ược tâm đúng mực; thiếu sự kết nối giữa doanh nghiệp lớn - nhỏ và doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp nội địa; số lượng doanh nghiệp khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn ít. Tốc độ tăng trưởng của khu vực tư nhân vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng chung của toàn tỉnh. Nhưng, từ thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn vừa qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất,* phải đảm bảo tính đồng bộ trong chỉ đạo điều hành, coi đây là yếu tố then chốt để tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Trong những năm qua, khi Thanh Hóa triển khai mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, kết nối với bộ phận “một cửa” ở các địa phương. Sự chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở và sự phối hợp giữa các sở, ngành, nhiều thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai và xây dựng được giải quyết theo cơ chế liên thông, đã giúp giảm thời gian và chi phí cho

<sup>2</sup> Báo cáo số 13607/BC-STC. Đã dẫn

các loại hình của kinh tế tư nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi hơn. Khi sự thống nhất được đảm bảo từ cấp tỉnh đến cấp xã, từ các sở, ngành đến từng địa phương cơ sở, mọi chủ trương, chính sách đều được triển khai thông suốt, hạn chế tối đa tình trạng chồng chéo, cát cứ hay trì trệ. Nhờ đó, doanh nghiệp tư nhân có thể tiếp cận thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời, tạo niềm tin vững chắc để đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tính đồng bộ còn giúp các chương trình hỗ trợ, ưu đãi và cải cách thủ tục hành chính được thực thi nhất quán, không bị biến dạng trong quá trình thực hiện.

*Thứ hai*, phải kết hợp phát triển hạ tầng giao thông và hạ tầng số giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn tỉnh. Khi hai loại hạ tầng này được phát triển song hành không chỉ tạo ra lợi thế về logistics và tiếp cận thị trường mà còn kiến tạo một môi trường kinh doanh hiện đại, minh bạch, hiệu quả. Trong những năm gần đây, Thanh Hóa đã đầu tư mạnh vào hệ thống giao thông kết nối với Khu kinh tế Nghi Sơn như các tuyến quốc lộ, đường ven biển và hệ thống cảng biển. Việc hoàn thiện hạ tầng giao thông giúp rút ngắn thời gian vận

chuyển hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động sản xuất, thương mại và logistics. Song song với đó, tỉnh cũng thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan, logistics và dịch vụ cảng, từng bước hình thành hệ thống quản lý và giao dịch điện tử. Sự kết hợp giữa hạ tầng giao thông và hạ tầng số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, giảm chi phí giao dịch và tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư đối với doanh nghiệp, mà còn giúp các doanh nghiệp công nghiệp, thương mại, dịch vụ cũng như các mô hình kinh tế mới khai thác tốt hơn các cơ hội từ chuyển đổi số, mở rộng chuỗi cung ứng và nâng cao năng suất lao động.

*Thứ ba*, doanh nghiệp phải được coi là trung tâm và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe và hỗ trợ. Trong những năm gần đây, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thường xuyên tổ chức các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp. Tại các hội nghị này, doanh nghiệp được trực tiếp phản ánh những khó khăn liên quan đến thủ tục đầu tư, tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, tín dụng và hạ tầng sản xuất. Sau các buổi đối thoại, lãnh đạo tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành và địa phương giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp. Những cuộc tiếp

xúc, đối thoại định kỳ giữa chính quyền với doanh nghiệp không chỉ giúp tháo gỡ khó khăn về cơ chế, thủ tục, hạ tầng hay nguồn nhân lực, mà còn tạo kênh phản hồi trực tiếp để điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn. Khi tiếng nói của doanh nghiệp được lắng nghe và tôn trọng, niềm tin thị trường được củng cố, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất - kinh doanh. Đây chính là động lực quan trọng để kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn.

*Thứ tư*, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được coi là động lực xuyên suốt cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Trong thời gian qua, tỉnh Thanh Hóa đã đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số và cung cấp nhiều dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính giúp rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, đất đai và xây dựng. Nhờ đó, doanh nghiệp tư nhân có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính trên môi trường số, giảm chi phí và thời gian giao dịch với cơ quan nhà nước. Thực tiễn cho thấy, doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển

bền vững phải liên tục đổi mới mô hình kinh doanh, tối ưu quy trình sản xuất, gia tăng giá trị bằng công nghệ và tri thức. Chuyển đổi số giúp doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao năng suất, mở rộng thị trường, đồng thời tiếp cận các phương thức kinh doanh hiện đại dựa trên dữ liệu và nền tảng số. Tuy nhiên, để sự đổi mới đó phát huy hiệu quả, cơ quan nhà nước cũng phải chuyển mình mạnh mẽ, từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, từ phương thức hành chính truyền thống sang mô hình quản lý thông minh, công khai, minh bạch và tương tác trên môi trường số. Chỉ khi các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ công tốt thì doanh nghiệp mới có môi trường thuận lợi để sáng tạo và phát triển.

*Thứ năm*, huy động nguồn lực xã hội để thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện điều đó một cách hiệu quả, tỉnh Thanh Hóa đã làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất sạch và đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối. Bên cạnh đó, tỉnh cũng triển khai nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp vay vốn đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 4.874

doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng với dư nợ 58.283 tỷ đồng<sup>3</sup>. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tiếp cận, khai thác các cơ đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ kinh tế tư nhân tham gia sâu, vững chắc vào chuỗi giá trị khu vực và thế giới. Đồng thời chủ động kêu gọi các tập đoàn lớn đầu tư vào những lĩnh vực có tác động lan tỏa như công nghiệp chế biến - chế tạo, năng lượng, logistics và hạ tầng số. Việc thu hút các tập đoàn tư nhân đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu, cụm công nghiệp trong Tỉnh đã tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh, ứng dụng công nghệ hiện đại, học tập phương thức quản trị tiên tiến, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho kinh tế tư nhân.

*Tóm lại,* từ những kinh nghiệm đã rút ra trong thời gian qua, có thể khẳng định sự phát triển kinh tế tư nhân đã, đang vươn lên trở thành động lực quan trọng dẫn dắt sự bứt phá kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn tới, góp phần để Tỉnh hoàn thành thắng lợi các mục tiêu chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra. Kinh tế tư nhân lớn mạnh không chỉ giúp Thanh Hóa hiện thực hóa khát vọng trở thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc, mà còn tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Thanh Hóa sớm trở thành tỉnh kiểu mẫu như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

<sup>3</sup> Báo cáo số 13607/BC-STC. Đã dẫn

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ TẠI CÁC TỔ DÂN PHỐ VÀ DOANH NGHIỆP, CÔNG TY TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HẠC THÀNH

Nguyễn Anh Tuấn

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Hạc Thành

*Sinh hoạt chi bộ là hình thức hoạt động cơ bản, giữ vai trò then chốt trong công tác xây dựng Đảng ở cơ sở. Trong bối cảnh đô thị hóa, phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng của phường Hạc Thành, việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tại các tổ dân phố và doanh nghiệp, công ty đặt ra yêu cầu cấp thiết nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.*

**P**hường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa hiện có 289 đảng bộ, chi bộ trực thuộc với 15.844 đảng viên. Sinh hoạt chi bộ là hình thức sinh hoạt chính trị quan trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện đảng viên. Trong bối cảnh hiện nay, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị mới, đặc biệt tại Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư Trung ương và Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chỉ thị số 50-CT/TW, Hướng dẫn số 01/HĐ/TU ngày 12/11/2025 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới, việc nâng cao nhận thức, tinh thần trách

nhiệm của mỗi đảng viên đối với sinh hoạt chi bộ trở thành mệnh lệnh chính trị, là yêu cầu bức thiết.

Trong thời gian qua, đa số các chi bộ tổ dân phố và chi bộ trong doanh nghiệp, công ty trên địa bàn phường Hạc Thành đã duy trì tương đối nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định của Điều lệ Đảng. Nhiều chi bộ đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch sinh hoạt, có chuẩn bị nội dung, tài liệu; sau mỗi buổi sinh hoạt đều ban hành nghị quyết chi bộ, làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện. Công tác quản lý đảng viên, thu nộp đảng phí, ghi chép sổ sách sinh hoạt chi bộ cơ bản được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; ý thức chấp hành

nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng của đa số đảng viên được nâng lên.

Nhiều chi bộ tổ dân phố đã chủ động đổi mới nội dung sinh hoạt, tập trung thảo luận, ban hành nghị quyết lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, thiết thực của khu dân cư. Nội dung sinh hoạt đã bám sát các nhiệm vụ trọng tâm như: Công tác quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng, an toàn giao thông; Giữ gìn vệ sinh môi trường, phân loại rác thải, xây dựng tuyến phố văn minh; Vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; Công tác giải phóng mặt bằng, chỉnh trang đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng trên địa bàn.

Một số chi bộ trong doanh nghiệp, công ty đã quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng Đảng trong đơn vị, nhất là công tác phát triển đảng viên mới trong đội ngũ công nhân, người lao động. Nội dung sinh hoạt tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến người lao động; Tham gia giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động; Phối hợp với lãnh đạo doanh nghiệp, tổ chức công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số tổ dân phố và doanh nghiệp,

công ty vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhiều buổi sinh hoạt còn nặng về đọc báo cáo, quán triệt văn bản, thiếu thảo luận, trao đổi, chưa dành thời gian phân tích, liên hệ với nhiệm vụ chính trị và thực tiễn của tổ dân phố và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Nội dung sinh hoạt vì vậy chưa giải quyết được những vấn đề cụ thể, thiết thực mà chi bộ và đảng viên đang quan tâm; Sinh hoạt chuyên đề ở một số chi bộ và doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy được vai trò là hình thức sinh hoạt quan trọng nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và sinh hoạt chi bộ; Việc lựa chọn nội dung sinh hoạt chưa sát đặc điểm, điều kiện thực tế của từng chi bộ. Một số chi bộ áp dụng nội dung chung chung, lặp đi lặp lại, thiếu sinh hoạt chuyên đề, dẫn đến sinh hoạt chi bộ thiếu sức hấp dẫn, đảng viên tham gia còn thụ động, ít phát biểu ý kiến; Công tác chuẩn bị nội dung sinh hoạt ở một số nơi chưa được coi trọng, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của đảng viên bí thư chi bộ còn lúng túng trong điều hành, chưa gợi mở được các vấn đề để đảng viên thảo luận. Tinh thần tự phê bình và phê bình chưa được phát huy, còn biểu hiện nể nang, né tránh.

Mặt khác nội dung sinh hoạt của một số chi bộ doanh nghiệp chưa gắn chặt với nhiệm vụ của đảng viên trong công ty, doanh nghiệp, chưa tập trung bàn các giải pháp nâng cao năng suất lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Vai trò lãnh đạo của chi bộ trong doanh nghiệp vì vậy chưa thật sự rõ nét.

Để khắc phục những tồn tại các chi bộ cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đảng viên.*

- Tăng cường quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Hướng dẫn của Trung ương, của cấp trên để đảng viên nhận thức đúng về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Đặc biệt thực hiện nghiêm Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW ngày 28/210/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới.

Việc quán triệt cần phải tiến hành thường xuyên, nhấn mạnh những nội dung cơ bản, cốt lõi, làm rõ tính cấp thiết của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, khẳng

định tính đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư.

- Gắn trách nhiệm của cấp ủy viên phụ trách, cấp ủy, lãnh đạo chi bộ với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Định kỳ cấp ủy các cấp cần đánh giá việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, để kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư, Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương.

- Đưa tiêu chí tham gia sinh hoạt chi bộ vào đánh giá, xếp loại đảng viên cuối năm khắc phục tư tưởng coi sinh hoạt chi bộ là hình thức, chiếu lệ, đối phó.

*Thứ hai, chỉ đạo duy trì nền nếp chế độ sinh hoạt chi bộ.*

Yêu cầu các chi bộ duy trì nghiêm chế độ sinh hoạt định kỳ theo Điều lệ Đảng, bảo đảm đúng thời gian, đủ nội dung, thiết thực. Bí thư chi bộ chịu trách nhiệm về nền nếp, chất lượng sinh hoạt; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh hạn chế. Chỉ đạo thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kết quả dự sinh hoạt chi bộ của các cấp ủy cấp trên và thành viên Tổ công tác, cũng như chỉ đạo giải quyết các ý kiến, kiến nghị của tổ chức đảng, đảng viên. Không để việc giải quyết các ý

kiến, kiến nghị tồn đọng, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên.

*Thứ ba, quan tâm tập huấn nâng cao trình độ kỹ năng cho đội ngũ cấp ủy các cấp, bí thư chi bộ, đảng bộ.*

Việc nâng cao trình độ kỹ năng cho đội ngũ cấp ủy các cấp, bí thư chi bộ, đảng bộ có ý nghĩa then chốt trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thông qua tập huấn, đội ngũ này được bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ công tác Đảng, kỹ năng điều hành sinh hoạt, xây dựng nghị quyết và xử lý tình huống, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc tập huấn cần phải đi vào thực tiễn, tránh tập huấn các nội dung lý luận chung chung, mà cần đi sâu vào những vấn đề mà đội ngũ cấp ủy viên, lãnh đạo chi bộ đang yếu, đang cần. Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng cấp ủy viên. Việc phân công cấp ủy chủ trì, điều hành một buổi họp chi bộ, bí thư chi bộ, làm sao để đồng chí bí thư chi bộ phân công cụ thể các nội dung trong sinh hoạt cho các đồng chí cấp ủy viên. Đồng thời phát huy vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý là đảng viên.

Việc tập huấn không chỉ dành cho các đồng chí cấp ủy chi bộ trực thuộc, mà phải tập huấn đến các đồng

chí cấp ủy cấp trên, thành viên các tổ công tác dự sinh hoạt chi bộ, để từ đó các đồng chí cấp ủy cấp trên, thành viên Tổ công tác nắm chắc các nội dung, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, bí thư cấp ủy ở các đơn vị được phân công phụ trách và dự sinh hoạt chi bộ.

*Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong sinh hoạt chi bộ.*

Hiện nay ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các lĩnh vực công tác, trong đó có sinh hoạt chi bộ đang là xu thế tất yếu. Thách thức đối với các cấp ủy, bí thư chi bộ, nhất là chi bộ nông thôn là làm sao để ứng dụng được các thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các mạng xã hội vào việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Việc ứng dụng chuyển đổi số và các mạng xã hội sẽ giúp cho đồng chí Bí thư chi bộ dễ dàng thông báo lịch sinh hoạt chi bộ, gửi các tài liệu tuyên truyền, báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết tháng của chi bộ, dự thảo nghị quyết chi bộ, gợi ý thảo luận...

Để các đồng chí Bí thư chi bộ thực hiện tốt được việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bên cạnh việc bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng chuyển đổi số, cấp trên cần

ngiên cứu để có chính sách trang bị cho khu dân cư các trang thiết bị như máy tính kết nối mạng, máy in... Đồng thời cần khai thác và phát huy hiệu quả ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử.

*Thứ năm, đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ.*

Việc đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ là yêu cầu cấp thiết nhằm khắc phục tình trạng sinh hoạt hình thức, đơn điệu, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở. Đổi mới không thể tách rời chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng. Do đó, việc đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ cần được hiểu là đổi mới từ công tác chuẩn bị; đổi mới trong công tác chỉ đạo, điều hành; đổi mới trong việc đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết; đổi mới trong ra nghị quyết và kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết; đồng thời chi bộ cần lựa chọn các vấn đề để xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay.

Nội dung sinh hoạt không dừng ở việc phổ biến văn bản, nghị quyết mà cần tập trung thảo luận các giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, qua đó thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị của chi bộ.

Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ phải gắn với việc phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể của đảng viên. Nội dung cần được chuẩn bị kỹ, có câu hỏi gợi mở để đảng viên thảo luận, đóng góp ý kiến, tránh tình trạng sinh hoạt một chiều, nặng về báo cáo, hành chính hóa.

Đối với chi bộ doanh nghiệp, công ty cần quan tâm củng cố tổ chức Đảng trong doanh nghiệp; chú trọng phát triển đảng viên là công nhân, người lao động trực tiếp sản xuất, bảo đảm tính kế thừa lâu dài. Nội dung sinh hoạt cần bám sát nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, đặc thù ngành nghề của doanh nghiệp để xây dựng nội dung sinh hoạt phù hợp. Đồng thời gắn sinh hoạt chi bộ với quyền lợi người lao động. Thông qua sinh hoạt chi bộ đề xuất cải thiện điều kiện làm việc; Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Bên cạnh đó cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chi bộ với Ban giám đốc doanh nghiệp, đoàn thanh niên.

*Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ sinh hoạt chi bộ.*

Việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ sinh hoạt chi bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giữ vững nền nếp, kỷ luật, kỷ cương trong sinh hoạt

Đảng, đồng thời góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Thông qua kiểm tra, giám sát, cấp ủy cấp trên kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, bí thư chi bộ và đảng viên trong thực hiện sinh hoạt định kỳ. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở.

*Tóm lại*, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là yêu cầu xuyên suốt, lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cấp ủy, bí thư chi bộ và từng đảng viên. Đảng ủy phường Hạc Thành tin tưởng rằng, với tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và quyết tâm cao, các chi bộ tổ dân phố và chi bộ doanh nghiệp, công ty trên địa bàn sẽ tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt, góp phần xây dựng Đảng bộ phường ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Ban Tổ chức Trung ương (2018): *Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ*.
4. Ban Tổ chức Trung ương (2019): *Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới*.
5. Bộ Chính trị (2021): *Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm*.
6. Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.
7. Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW thực hiện chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban bí thư về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.
8. Ban Tuyên giáo Trung ương (nhiều năm): *Tài liệu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
9. Đảng ủy phường Hạc Thành: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2025*.

## NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG KẾT LUẬN SỐ 226-KL/TW VỀ VIỆC CHẤM CHỈNH LỀ LỐI LÀM VIỆC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG VIỆC XÂY DỰNG LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HOÁ

**ThS. Nguyễn Thị Kiều Trang**  
*GVC, Khoa Xây dựng Đảng*

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đứng trước những thời cơ, thách thức đan xen và yêu cầu về một hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thống nhất ý chí và hành động là vấn đề then chốt. Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 226-KL/TW về việc chấm chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là một Kết luận có ý nghĩa quan trọng, thể hiện rõ quyết tâm chính trị của Đảng ta trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hơn. Kết luận không chỉ nhằm khắc phục những biểu hiện hình thức, rườm rà, lãng phí, còn hướng tới một mục tiêu xa hơn: Xây dựng lề lối làm việc mới mang đậm bản chất khoa học và hiện đại – nền tảng quan trọng để hệ thống vận hành thông suốt, thống nhất, kỷ luật nghiêm minh, củng cố sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

**Nội dung cốt lõi của Kết luận số 226-KL/TW**

Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của tình hình thực tiễn, nhất là toàn hệ thống chính trị đang triển khai mạnh mẽ việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao kỷ cương công vụ. Những kết quả đạt được là mâu chốt, song thực tiễn cũng cho thấy, nếu không kịp thời chấm chỉnh lề lối làm việc, thì bộ máy dù tinh gọn cũng khó phát huy hết hiệu quả. Trong Kết luận, Ban Bí thư chỉ rõ những thiếu sót, hạn chế đã tồn tại trong thời gian dài, như tình trạng ban hành nhiều văn bản, hội họp nhiều, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, tổ chức, cơ quan, địa phương chưa thật nhuần nhuyễn, chặt chẽ, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế... không chỉ gây lãng phí nguồn lực, mà còn làm giảm sức chiến đấu, sức thuyết phục và hiệu quả lãnh đạo của hệ thống chính trị.

Để khắc phục những thiếu sót, hạn chế. Ban Bí thư yêu cầu phải có giải pháp cụ thể, có lộ trình và có trách nhiệm rõ ràng, như đơn giản hoá, đặt ra các chỉ tiêu tinh giản văn bản hành chính, giảm số lượng hội nghị, quy định

chặt chẽ về quy mô, thời gian họp. Yêu cầu này cho thấy quyết tâm xây dựng lề lối làm việc mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

Không chỉ dừng lại ở việc “siết chặt” kỷ luật hành chính, mà Kết luận số 226-KL/TW phản ánh một tinh thần làm việc khoa học, không hình thức, hướng tới hiệu quả là thước đo đánh giá lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức một cách thực chất. Cụ thể như ban hành văn bản đúng thẩm quyền, đúng thể thức; không sao chép máy móc văn bản cấp trên; hội họp phải đúng người, đúng việc; phát biểu phải ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề...

Đồng thời, Kết luận nhấn mạnh nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm”. Đây chính là cách thức xây dựng một nền quản trị hiệu quả, minh bạch. Bởi khi trách nhiệm cá nhân được xác định rõ ràng, không còn chỗ cho đùn đẩy, né tránh thì mọi tổ chức có thêm động lực để đi đến đích kết quả của công việc. Đó chính là nội dung mang tính then chốt trong giai đoạn hiện nay, khi mục tiêu phát triển đất nước đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành, các lực lượng.

Điểm đáng chú ý là việc lấy kết quả, sản phẩm và mức độ hài lòng của nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả công tác cũng là một

bước tiến quan trọng trong xây dựng văn hóa công vụ. Người dân, doanh nghiệp không đo hiệu quả công tác bằng độ dày của báo cáo mà bằng những thay đổi rất cụ thể: thủ tục có gọn hơn không, trách nhiệm có rõ hơn không, chất lượng phục vụ nhân dân và doanh nghiệp có được nâng lên không.

Thêm nữa, trong bối cảnh của sự phát triển khoa học - công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo phát triển như vũ bão, Đảng ta nhấn mạnh việc đề cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn với yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo, điều hành trong môi trường số cho cán bộ, công chức. Điều này góp phần xây dựng phong cách làm việc hiện đại, nhanh gọn, chính xác, giảm trung gian, giảm trùng lặp. Có thể khẳng định đây chính là cơ sở để xây dựng lề lối làm việc mới: Vừa nghiêm minh về kỷ luật, vừa hiện đại về phương thức.

Cuối cùng, Kết luận yêu cầu hằng năm đánh giá, xếp loại cán bộ, nhất là người đứng đầu, thông qua kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung chấn chỉnh lề lối làm việc. Nội dung này thể hiện rất rõ quan điểm của Đảng: Ở đâu người đứng đầu gương mẫu, sát sao, thẳng thắn ở đó kỷ cương được giữ vững, hiệu quả công việc được nâng

cao. Ngược lại, nếu người đứng đầu thiếu quyết tâm, né tránh trách nhiệm, thì mọi chủ trương đúng đắn cũng khó đi vào cuộc sống.

**Vận dụng Kết luận số 226-KL/TW vào chuẩn hoá lề lối làm việc cho cán bộ, viên chức Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá**

Đề việc vận dụng Kết luận số 226-KL/TW trở thành một hành động sát thực. Tôi nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

*Một là, Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, viên chức về Kết luận số 226-KL/TW.*

Mỗi cán bộ, viên chức, người lao động cần nhận thức sâu sắc rằng Kết luận không chỉ là yêu cầu chính trị bắt buộc, mà còn là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và xây dựng Nhà trường phát triển toàn diện sớm hiện thực hoá mục tiêu đạt chuẩn mức 2. Kết luận tập trung vào chấn chỉnh lề lối làm việc, khắc phục tình trạng hình thức, hành chính hóa, né tránh trách nhiệm; đồng thời yêu cầu mỗi tổ chức, cá nhân phải đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, thực thi nhiệm vụ theo hướng khoa học, hiệu quả, sát thực tiễn. Trong môi trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, những yêu cầu này càng có ý nghĩa thiết thực. Nếu lề lối làm việc thiếu khoa học, tinh thần trách nhiệm chưa cao thì

chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và quản lý sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp, lâu dài. Theo đó, mỗi khoa, phòng cần tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề về nội dung Kết luận số 226 KL/TW gắn với việc thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

*Hai là, mỗi cán bộ, viên chức phát huy trách nhiệm nêu gương trong việc quán triệt và thực hiện Kết luận.*

Đối với cán bộ, viên chức Nhà trường, vai trò và trách nhiệm thể hiện ở nhận thức chính trị, ý thức tự giác và hành động ở thực tiễn. Mỗi cán bộ, viên chức cần xác định rõ: việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phong cách làm việc không chỉ là một yêu cầu mà còn là danh dự, trách nhiệm của người cán bộ, viên chức trong trường Đảng. Trách nhiệm đó phải được thể hiện cụ thể ở việc coi trọng kỷ cương trong điều hành của người lãnh đạo, quản lý, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, chuyên viên, trong từng giờ lên lớp, từng đề tài nghiên cứu, từng nhiệm vụ được giao. Qua đó, khẳng định là lực lượng nòng cốt trong việc lan tỏa văn hóa trường Đảng để học viên soi chiếu và học tập.

*Ba là, chuẩn hóa quy trình làm việc và đẩy mạnh chuyển đổi số*

Chuẩn hoá lề lối làm việc phải đi đôi với cải cách hành chính, quản

trị rõ ràng để loại bỏ sự chông chéo, trì trệ, không quy chuẩn. Theo đó, lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo rà soát, bổ sung, cụ thể hoá một số nội dung của Kết luận vào Quy định văn hoá trường Đảng thành những quy định rõ ràng về giờ giấc, thái độ phục vụ học viên, phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các khoa, phòng, không để công việc bị “đẩy qua, đẩy lại”. Bên cạnh đó cần xây dựng hệ thống quản lý lịch trình công tác điện tử. Mọi sản phẩm (bài viết khoa học, giáo án, báo cáo tham mưu) đều được nộp và lưu trữ trên hệ thống chung để theo dõi tiến độ thời gian thực. Việc này giúp loại bỏ tình trạng chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ, tạo thói quen làm việc khoa học, chuyên nghiệp theo tinh thần Kết luận 226-KL/TW; xây dựng và sử dụng phần mềm quản lý giảng dạy, quản lý học viên. Việc công khai, minh bạch lộ trình xử lý công việc trên môi trường số sẽ giúp giám sát chặt chẽ tiến độ và trách nhiệm của từng khoa, phòng và cá nhân.

*Bốn là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và thực hiện đánh giá cán bộ, viên chức bằng sản phẩm.*

Siết chặt kỷ luật phát ngôn và kỷ cương giáo án thông qua cơ chế giám sát đa chiều. Kỷ luật, kỷ cương của một trường Đảng trước hết nằm ở tính Đảng trong mỗi bài giảng, văn bản tham mưu

và tổ chức thực hiện. Kỷ cương giáo án, đó là thực hiện nghiêm quy trình phê duyệt giáo án đa tầng (Tổ bộ môn - Khoa - Ban Giám hiệu). Tránh để xảy ra tình trạng giảng viên sử dụng tư liệu cũ, lạc hậu hoặc có quan điểm xa rời đường lối của Đảng. Kỷ luật phát ngôn, đó là giảng viên phải là tấm gương về bản lĩnh chính trị, không chỉ trên bục giảng mà cả trên không gian mạng và trong đời sống. Tăng cường vai trò của Ban Thanh tra đào tạo, khoa chuyên môn, tổ bộ môn trong việc kiểm tra đột xuất để phản ánh đúng thực trạng lề lối làm việc.

Để việc đánh giá bằng "sản phẩm" rõ về định lượng, nhà trường cần cụ thể hóa sản phẩm của từng nhóm đối tượng: (1) Đối với cán bộ, chuyên viên: sản phẩm là tiến độ và chất lượng tham mưu; sự chính xác trong công tác quản lý đào tạo; mức độ hài lòng của học viên và giảng viên khi phối hợp công tác; (2) Đối với giảng viên: sản phẩm không chỉ là số giờ lên lớp mà phải là chất lượng bài giảng (được đánh giá qua phiếu phản hồi của học viên và thành phần dự giờ); số lượng công trình khoa học đăng trên các báo, nội san, tạp chí, kỷ yếu khoa học; các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng thực tiễn cao cho Nhà trường và cho Tỉnh. Qua đó, lấy kết quả thực hiện lề lối làm việc làm tiêu chí tiên quyết trong phân loại thi đua, khen thưởng và quy hoạch cán bộ.

*Năm là, Xây dựng môi trường văn hóa trường Đảng "Kiểu mẫu".*

Lãnh đạo trường cần quan tâm, tạo động lực làm việc cho cấp dưới; nêu gương trong xây dựng tác phong khoa học, hiện đại để thích nghi và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc hiện nay; thể hiện sự bình đẳng, rõ ràng thực hiện phân công, phân quyền cho cấp dưới. Phát huy dân chủ, tạo dựng môi trường làm việc cởi mở, để cán bộ, viên chức được sáng tạo và đóng góp ý kiến. Sự đoàn kết nội bộ chính là trụ cột vững chắc để nhà trường vượt qua mọi thách thức. Lan tỏa giá trị văn hoá trường Đảng như tiếp tục tổ chức cuộc thi, tọa đàm về "Nét đẹp cán bộ, giảng viên, học viên trường Đảng" nhằm tôn

vinh những cá nhân có lẽ lối làm việc mẫu mực, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong hệ thống chính trị của tỉnh thông qua các lớp học viên.

Việc vận dụng Kết luận số 226-KL/TW tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa là nhiệm vụ quan trọng để khẳng định vị thế, uy tín của nhà trường và chuẩn hoá lẽ lối làm việc nhằm "làm mới" hình ảnh nhà trường, chuyển từ tư duy "quản lý hành chính" sang tư duy "phục vụ và nêu gương", từ "làm cho hết giờ" sang "làm cho ra sản phẩm". Khi kỷ luật được siết chặt và hiệu quả được tôn vinh. Đây sẽ là cơ sở để xây dựng Nhà trường chuẩn mực, xứng đáng với niềm tin của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh trong thời kỳ mới./.

## NĂNG LỰC PHÁT HIỆN VÀ LỰA CHỌN VẤN ĐỀ TRONG TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

**Lê Xuân Hạnh**

*Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Yên Định*

**T**ổng kết thực tiễn là một quy luật vận động mang tính nội tại của sự phát triển lý luận cách mạng. Ngay từ khi đặt nền móng cho học thuyết của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: lý luận chỉ có thể trở thành lực lượng vật chất khi nó thâm nhập vào quần chúng và muốn vậy, lý luận phải bắt nguồn từ đời sống hiện thực. V.I.Lênin tiếp tục phát triển luận điểm đó khi nhấn mạnh: không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng, nhưng lý luận ấy chỉ có sức sống khi được tổng kết, kiểm nghiệm và bổ sung thường xuyên từ thực tiễn sinh động. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng; lý luận không liên hệ với thực tiễn thì là lý luận suông”. Từ đó cho thấy, tổng kết thực tiễn vừa là yêu cầu khoa học, vừa là yêu cầu chính trị đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên lý luận chính trị. Trong toàn bộ quy trình tổng kết thực tiễn, năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề giữ vai trò khởi nguồn, có ý nghĩa định hướng và quyết định đến chất lượng, chiều sâu cũng như giá

trị khoa học - thực tiễn của toàn bộ hoạt động nghiên cứu. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định thực tiễn là cơ sở của nhận thức, là động lực của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Tuy nhiên, thực tiễn chỉ thực sự trở thành nguồn phát triển lý luận khi được con người phát hiện đúng vấn đề, lựa chọn đúng trọng tâm để nghiên cứu và khái quát. Chính vì vậy, tổng kết thực tiễn không đồng nhất với việc ghi chép, mô tả hiện tượng, mà là quá trình phát hiện những mâu thuẫn bản chất, những xu hướng vận động và những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống xã hội.

V.I.Lênin từng chỉ rõ, giá trị của tổng kết thực tiễn không nằm ở số lượng tư liệu thu thập được, mà ở khả năng phát hiện vấn đề và khái quát thành luận điểm có ý nghĩa chỉ đạo hành động. Quan điểm này có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với đội ngũ giảng viên lý luận chính trị hiện nay, nhất là trong bối cảnh yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy ngày càng cao. Tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng năng lực phát hiện vấn đề từ thực tiễn. Người yêu cầu cán

bộ phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”, phải biết nhìn ra cái mới trong cái quen thuộc, thấy được vấn đề cốt lõi trong muôn vàn hiện tượng bề ngoài.

Thực tiễn hoạt động của Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây cho thấy, đội ngũ giảng viên đã có nhiều nỗ lực trong việc gắn giảng dạy lý luận với tổng kết thực tiễn tại địa phương cơ sở. Nhiều vấn đề thiết thực về công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở đã được đưa vào nghiên cứu, bước đầu tạo ra những sản phẩm có giá trị.

Tuy nhiên, xét một cách khoa học và khách quan, năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề tổng kết thực tiễn vẫn là khâu còn không ít hạn chế. Một số giảng viên còn thiên về lựa chọn vấn đề an toàn, dễ triển khai, chưa mạnh dạn tiếp cận những mâu thuẫn, điểm nghẽn hoặc những vấn đề mới, phức tạp đang đặt ra từ thực tiễn cơ sở. Không ít trường hợp, vấn đề được lựa chọn còn mang tính mô tả công việc, thiếu hàm lượng khoa học và khả năng khái quát lý luận. Đối với trung tâm chính trị, khó khăn càng thể hiện rõ do điều kiện thời gian, nguồn lực và kinh nghiệm nghiên cứu còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có những tiêu chí rõ

ràng, cụ thể để định hướng, hỗ trợ và nâng cao năng lực phát hiện, lựa chọn vấn đề của đội ngũ giảng viên.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn đổi mới, phát triển đất nước và địa phương, làm cơ sở bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Đây là định hướng chính trị - khoa học rất quan trọng đối với hoạt động tổng kết thực tiễn của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

Theo tinh thần đó, năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề của giảng viên cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau: (1) vấn đề phải xuất phát từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ở địa phương, cơ sở; (2) phản ánh đúng những mâu thuẫn, điểm nghẽn hoặc mô hình mới có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn; (3) có giá trị lý luận và khả năng vận dụng vào giảng dạy, nghiên cứu và tham mưu; (4) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của từng loại hình cơ sở đào tạo.

Để nâng cao năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề trong tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, theo chúng tôi cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng của Văn kiện Đại hội XIV về vai trò của tổng kết thực tiễn đối với phát triển lý luận và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng.

*Hai là*, tăng cường bồi dưỡng phương pháp luận và kỹ năng phát hiện vấn đề cho đội ngũ giảng viên thông qua sinh hoạt khoa học, tọa đàm chuyên đề, hướng dẫn trực tiếp từ Trường Chính trị tỉnh.

*Ba là*, gắn chặt việc đánh giá năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề với Bộ tiêu chí, coi đây là căn cứ quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng đội ngũ giảng viên.

*Bốn là*, tạo điều kiện để giảng viên đi sâu, đi sát cơ sở, tham gia trực tiếp vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể; coi thực tiễn là “phòng học lớn” để phát hiện vấn đề nghiên cứu.

Năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề trong tổng kết thực tiễn là khâu mở đầu nhưng có ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn quyết định đối với chất lượng tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Việc đặt yêu cầu cao đối với năng lực này hoàn toàn phù hợp với cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng đổi mới công tác lý luận, giáo dục chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

**TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ NĂM 2026 - GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA**

**ThS. Nguyễn Trần Bách Diệp**  
GVC, Phòng TC, HC, TT, TL

*Sapo: Trong bối cảnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng cao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là thước đo năng lực quản trị và bản lĩnh chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị. Triển khai Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2026, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đặt quyết tâm tạo chuyển biến thực chất từ nhận thức đến hành động, từ cơ chế đến thực thi. Đây là bước đi quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng môi trường liêm chính, kỷ cương và từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Nhà trường đạt chuẩn mức 2 trong giai đoạn mới.*

Sinh thời, ngay từ những ngày đầu của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh yêu cầu thực hành tiết kiệm, coi đó là một chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc trong quản lý, sử dụng nguồn lực công. Theo Người, kiệm là tiết kiệm, “là không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi” [1], tức là biết sử dụng đúng mức, hợp lý, hiệu quả sức người, sức của vì lợi ích chung của Nhà nước và Nhân dân. Đồng thời, Người chỉ rõ: “Lãng phí tuy khác với tham ô ở chỗ người gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân” [2]. Qua đó, Người khẳng định phải kiên

quyết phòng ngừa và đấu tranh chống lãng phí.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tại Đại hội XIV, Đảng xác định một là: “Tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” [3]. Nội dung này định hướng trực tiếp cho công tác thực hành

tiết kiệm, chống lãng phí, bởi việc tăng cường kiểm soát quyền lực và đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực nhằm bảo đảm quyền lực được thực thi đúng chức năng, ngăn ngừa lạm quyền, buông lỏng quản lý và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy. Đây là nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa chiến lược, tạo nền tảng cho các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động thiết thực.

Từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội XIV, yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí không dừng lại ở nhận thức chính trị mà phải được cụ thể hóa bằng những biện pháp tổ chức thực hiện rõ ràng, gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Đối với các trường chính trị tỉnh, nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị ở địa phương, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí càng có ý nghĩa quan trọng, bởi đây không chỉ là yêu cầu quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực công mà còn là nội dung nêu gương, giáo dục và lan tỏa giá trị liêm chính trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Kết luận số 2664-KL/TU ngày 23/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa tăng cường công tác giáo dục liêm chính cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả

phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; cùng với Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 với yêu cầu toàn diện, đồng bộ, bám sát chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của Nhà trường. [4]

Kế hoạch được xác định trước hết nhằm nâng cao trách nhiệm của toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động; coi thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên trong mọi hoạt động. Việc quán triệt được thực hiện theo hướng làm cho mỗi cán bộ, viên chức và người lao động nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác này, từ đó nâng cao trách nhiệm cá nhân trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, Nhà trường triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần tăng cường nguồn lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị năm 2026 và từng bước nâng cao đời sống của đội ngũ.

Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định rõ các chỉ tiêu trọng tâm. Trong quản lý và sử dụng tài sản công, việc

thực hiện đồng bộ các quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành được quán triệt nghiêm túc. Công tác tổng kiểm kê tài sản công theo Quyết định số 3954/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh được hoàn thành bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng; đồng thời tiếp tục cập nhật đầy đủ thông tin tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Nhà trường rà soát, hoàn thiện các quy chế quản lý, sử dụng tài sản, quy định cụ thể tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý và khai thác; rà soát toàn bộ hiện trạng tài sản làm cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, khai thác tối đa giá trị sử dụng của tài sản hiện có. Phương án bố trí, sắp xếp phòng học, giảng đường, ký túc xá được xây dựng làm cơ sở hình thành Đề án khai thác tài sản công, phát huy hiệu quả nguồn lực tài chính từ các loại tài sản này.

Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, Nhà trường bố trí, sắp xếp lịch làm việc khoa học, phù hợp nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc; giảm thiểu thời gian hội họp nhưng vẫn bảo đảm quy định; sử dụng hiệu quả lao động khoán việc. Nguồn nhân lực hiện có được phát huy tối đa; viên chức và người lao động được bố trí đúng việc, khuyến khích sáng kiến, sáng tạo, thi đua nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động. Đồng

thời, công tác quản lý thời gian làm việc, kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả công việc được thực hiện chặt chẽ.

Để bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu nêu trên của Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2026, Nhà trường sẽ triển khai thực hiện hệ thống giải pháp trọng tâm. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của lãnh đạo Nhà trường.*

Theo đó, Ban Giám hiệu có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 theo đúng định hướng, chủ trương của Đảng; cụ thể hóa thành nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng lĩnh vực công tác. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; gắn trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm với lĩnh vực được phân công phụ trách, bảo đảm đánh giá thực chất và kịp thời chấn chỉnh những hạn chế phát sinh. Cùng với đó, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; thực hiện điều hành chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng ngừa thất thoát, lãng phí, góp phần sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực của Nhà trường.

*Thứ hai, rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế như: Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc và các quy định liên quan, bảo đảm rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, minh bạch trong tổ chức thực hiện, đồng thời làm căn cứ để kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, viên chức và người lao động. Đặc biệt, tập trung rà soát các định mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của Nhà trường; điều chỉnh, sửa đổi những nội dung chưa còn phù hợp; thực hiện tiết giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết, ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm, bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

*Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để hiện đại hóa công tác quản lý, tiết kiệm nguồn lực.*

Nhà trường tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số công tác quản trị của Nhà trường. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc. Đặc biệt, sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin dùng chung trong tiếp

nhận và xử lý văn bản nhằm tiết kiệm cước phí bưu điện, hạn chế in ấn, sao chụp giấy tờ không cần thiết.

*Thứ tư, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.*

Nhà trường đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan với hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác này đối với cán bộ, giảng viên, chuyên viên, người lao động và học viên trong Nhà trường. Đồng thời, tập trung quán triệt và triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 193-KH/TU ngày 28/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các khoa, phòng tổ chức đoàn thể; là văn hóa ứng xử của toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên trong Nhà trường, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các khoa, phòng. Bên cạnh đó, tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

*Thứ năm, nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường.*

Trên cơ sở gắn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, Nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo,

bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Nhà trường; đảm bảo đúng tiến độ; các sản phẩm nghiên cứu của đề tài được chuyển giao, đưa vào sử dụng ngay sau khi có kết quả nghiệm thu. Đồng thời, thực hiện thanh toán các chế độ, chính sách, hồ sơ, chứng từ đúng thời hạn theo quy định hiện hành. Cùng với đó, xây dựng phương án tiết kiệm trong sử dụng điện, nước tại khu giảng đường, khu làm việc; bật tắt các thiết bị đúng quy trình, an toàn, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, kịp thời khắc phục các thiết bị điện, nước hư hỏng để tránh lãng phí. Nhà trường hạn chế sử dụng hoa tươi; thay thế maket điện tử cho maket in bạt tại các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm, lễ tổng kết...; đồng thời hạn chế tối đa việc tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm chưa thực sự cần thiết. Bên cạnh đó, xây dựng định mức trang bị tài sản cho từng đối tượng; thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế ở từng khoa, phòng tránh lãng phí trong việc trang bị, mua sắm tài sản. Đồng thời, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài sản, trang thiết bị làm việc hiện có; không sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị công vào việc riêng.

*Thứ sáu, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.*

Nhằm bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện thực chất, Nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc theo dõi, quản lý tài sản công; kịp thời thanh lý tài sản đã hết niên hạn sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản. Đồng thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ, có hình thức khen thưởng phù hợp đối với người có công phát hiện những hành vi lãng phí, đồng thời có biện pháp xử lý các trường hợp có hành vi vi phạm. Song song với đó, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với viên chức và người lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật. Cùng với đó, tăng cường công tác tự kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ các khoa, phòng, các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường để đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện dân chủ, nghiêm túc.

Để các nhóm giải pháp nêu trên được triển khai đồng bộ và đạt hiệu quả thực chất, Nhà trường xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong tổ chức thực hiện. Ban Giám hiệu giữ vai trò trung tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện; tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hoàn thiện thể chế nội bộ, tăng

cường kiểm tra, giám sát và định kỳ rà soát kết quả thực hiện, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu chủ động tham mưu ban hành, sửa đổi các quy chế liên quan; xây dựng phương án quản lý, sử dụng tài sản công, điện, nước tiết kiệm, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đồng thời theo dõi, kiểm tra, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Lãnh đạo các khoa, phòng phát huy vai trò nêu gương, tăng cường tuyên truyền, đôn đốc, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị. Mỗi cán bộ, giảng viên, học viên nâng cao ý thức trách nhiệm, chấp hành nghiêm các quy định trong sử dụng tài sản công, điện, nước, văn phòng phẩm và các nguồn lực khác, góp phần đưa các giải pháp của Kế hoạch đi vào thực tiễn, tạo chuyển biến rõ nét trong quản lý và hoạt động của Nhà trường.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2026 sẽ góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường làm việc liêm chính, chuyên nghiệp, minh bạch. Đây cũng là điều kiện cần thiết nhằm từng bước xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11 của Ban Bí thư, góp phần xây dựng tỉnh Thanh Hoá văn minh, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.122
- [2] Hồ Chí minh: Toàn tập, Sđd, t.14, tr. 141.
- [3] Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng
- [4] Kế hoạch số 30 -KH/TrCT, ngày 10 tháng 2 năm 2026 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026.

## TẠO ĐỘT PHÁ ĐỂ XÂY DỰNG XÃ XUÂN TÍN PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

**Nguyễn Xuân Hải**

*Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Xuân Tín*

**X**ã Xuân Tín sau sáp nhập (kể từ 01/07/2025) là đơn vị hành chính mới được sáp nhập từ các xã lân cận, trở thành vùng đệm chiến lược phát triển nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái với không gian rộng lớn, vị trí đặc địa gần Quốc lộ 47, nằm ở tả ngạn sông Chu. Diện tích và dân số mở rộng (dân số ước tính khoảng 26.531 người, diện tích hơn 31,93km<sup>2</sup>) tạo quỹ đất dồi dào, phù hợp quy hoạch đồng bộ.

Sau sáp nhập, xã đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối trung tâm với các khu vực lân cận, thúc đẩy đô thị hóa, phát triển mạnh về nông nghiệp quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao, tận dụng lợi thế về quỹ đất dồi dào, xã tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng cán bộ phục vụ nhân dân, được đánh giá là địa phương có tiềm năng bất động sản và thu hút đầu tư.

Bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, năm 2025 xã Xuân Tín đã tập trung lãnh chỉ đạo, điều hành, triển khai quyết liệt, đồng bộ hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra. Theo đó, trong tổng

số 27 chỉ tiêu, xã đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức 24 chỉ tiêu.

Trong năm 2025, kinh tế - xã hội của xã được duy trì và có nhiều khởi sắc. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn ước đạt 1.283,066 tỷ đồng. Cơ cấu giá trị sản xuất có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó nông, lâm, thủy sản chiếm 34,08%; tích tụ tập trung đất đai được 35ha, đạt 129,6% kế hoạch; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,6%; dịch vụ chiếm 35,32%.

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng được quan tâm thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường được chú trọng. Trong năm, xã đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục có chuyển biến tích cực, trong đó công tác đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Công tác cải cách hành chính, khoa học công nghệ và chuyển đổi số được đẩy mạnh, nổi bật, sau sáp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính

quyền địa phương 2 cấp đã vận hành cơ bản thông suốt, góp phần giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo ổn định. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường.

Với những kết quả nổi bật đạt được đã tạo đột phá, góp phần xây dựng xã Xuân Tín phát triển, bứt phá, về đích nhiều nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá. Điều đó được minh chứng cụ thể trong năm, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2025 đạt 106,4% dự toán được giao; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao với thu nhập bình quân đầu người toàn xã năm 2025 đạt hơn 73,3 triệu đồng/người/năm, đạt 100% kế hoạch. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực như, địa phương đẩy mạnh các mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao (như mô hình trồng dưa gai cho thu nhập cao) giúp ổn định thu nhập cho người dân; Nỗ lực giảm nghèo đa chiều, tập trung vào nâng cao thu nhập bình quân đầu người, phát triển nông nghiệp, và cải thiện cơ sở hạ tầng, giúp các hộ khó khăn; Các chính sách đặc thù của tỉnh Thanh Hóa được áp dụng đồng bộ để hỗ trợ các xã mới sáp nhập, đặc biệt trong việc ổn định sản xuất...Nhiều hộ gia đình tại khu vực đã nỗ lực, thi đua sản xuất

giỏi, giúp đỡ nhau giảm nghèo bền vững.

Năm 2026 là năm có vai trò đặc biệt quan trọng, năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, xã Xuân Tín quyết tâm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức 27 chỉ tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, xây dựng Đảng, quốc phòng - an ninh.

Để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra với tinh thần: Trách nhiệm; tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức; đoàn kết, thống nhất, xã phấn đấu thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm: Tiếp tục củng cố, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất; nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế hỗ trợ để cụ thể hóa, đưa các nghị quyết vào cuộc sống.

Đối với lĩnh vực kinh tế - xã hội, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh phát triển. Triển khai kế hoạch XDNTM theo hướng toàn diện, bền vững, gắn với thực hiện các tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất đạt tiêu chí phường, góp phần nâng cao chất lượng, môi trường sống nông thôn. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa

bản xã năm 2026, đảm bảo hoàn thành 100% yêu cầu về tiến độ. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; hoàn thành quy hoạch chung xã Xuân Tín đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cùng với đó, quan tâm đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế. Tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường an toàn, ổn định để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tạo tiền đề để Xuân Tín đột phá xây dựng và phát triển nhanh, bền vững trong những năm tiếp theo./.

## XÂY DỰNG ĐẢNG THEO DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

**ThS. Đinh Thị Bình**

*GVC, Khoa Lý luận cơ sở*

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, nhà văn hóa kiệt xuất, đã hiến dâng trọn đời mình cho độc lập dân tộc. Trước lúc "đi xa", Người đã để lại bản *Di chúc* thiêng liêng - những lời căn dặn kết tinh từ trí tuệ và tình yêu thương vô hạn gửi lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Mỗi dòng chữ trong bản Di chúc không chỉ là di nguyện, mà còn là nguồn sức mạnh thôi thúc các thế hệ mai sau vững bước trên con đường cách mạng.

Thấu hiểu sâu sắc chân lý "*cách mệnh trước hết phải có Đảng cách mệnh, Đảng có vững cách mệnh mới thành công*" [1], Người đã dành vị trí ưu tiên hàng đầu để căn dặn về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Những chỉ dẫn quý báu này đã trở thành cơ sở lý luận và tiền đề tư tưởng quan trọng để xác lập hệ thống các quan điểm về xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

### **1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong Di chúc**

Từ những lời tâm huyết trong bản Di chúc thiêng liêng, có thể thấy xây dựng Đảng không chỉ là nhiệm vụ chiến lược mà còn là nhân tố quyết

định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đối với Người, một Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên các mặt: chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức. Hệ thống quan điểm đó tạo nên một chỉnh thể lý luận khoa học, trong đó các nội dung luôn có mối quan hệ biện chứng, hỗ trợ lẫn nhau để giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Những nội dung ấy được kết tinh qua các trụ cột sau:

*Một là, xây dựng Đảng phải gắn liền với việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.*

Đây chính là "điểm tựa" đầu tiên và quan trọng nhất để tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng. Nội dung xây dựng Đảng trong Di chúc của Người trước hết tập trung vào việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất. Cho nên ở trong Di chúc, Người đã viết "*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ Nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*" [2]. Trong Di chúc, có 8 lần

Người nhắc đến cụm từ đoàn kết thì riêng trong đoạn nói về Đảng, Người đã 5 lần sử dụng cụm từ này và đồng thời và nhấn mạnh cụm từ “một lòng một dạ”, tức là phải toàn tâm, toàn ý, toàn lực phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Với tất cả tâm huyết và trách nhiệm của người đứng đầu Đảng, Người còn căn dặn “*Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*” [3]

*Hai là, xây dựng Đảng phải gắn với thực hành dân chủ rộng rãi, tự phê bình và phê bình.*

Từ nền tảng của sự đoàn kết, Người khẳng định rằng để bảo vệ sự thống nhất ấy, Đảng không thể thiếu đi phương pháp đấu tranh nội bộ đúng đắn qua việc thực hành dân chủ rộng rãi và thường xuyên tự phê bình, phê bình. Với Hồ Chí Minh, dân chủ trong Đảng chính là "chiếc chìa khóa" tạo nên bầu không khí cởi mở, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của mỗi đảng viên, đồng thời là rào cản hữu hiệu chống lại căn bệnh độc đoán, chuyên quyền. Song hành với dân chủ, Người coi tự phê bình và phê bình là "vũ khí" sắc bén, là quy luật phát triển tất yếu để Đảng tự soi, tự sửa và tự làm sạch mình. Người ví việc tự chỉnh đốn này thiết thân và đều đặn như cách chúng ta "rửa mặt hằng ngày", đòi hỏi sự dũng cảm thừa nhận khuyết điểm để

tìm cách khắc phục. Đặc biệt, mọi sự đấu tranh ấy phải được đặt trên nền tảng của lòng trung thực, tính chân thành và quan trọng nhất là phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, để sự phê bình không trở thành công cụ đả kích mà thực sự là nhịp cầu giúp nhau cùng tiến bộ.

*Ba là, xây dựng Đảng phải gắn với việc rèn luyện đạo đức cách mạng.*

Cùng với việc tự chỉnh đốn qua phê bình, nội dung then chốt khác trong Di chúc chính là yêu cầu mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Cho nên trong Di chúc, Người đã căn dặn: “*Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của Nhân dân*” [5]. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không chỉ dừng lại ở các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính" mà còn là sự hội tụ của nhân, nghĩa, trí, dũng; là tinh thần ham học, ham làm, hết lòng trung với nước, hiếu với dân và sống có tình nghĩa. Đây chính là nền tảng cốt lõi để xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có đức, vừa có tài, đủ sức phụng sự Tổ quốc. Tiếp nối tư tưởng ấy, Quy định số 144 của Bộ Chính trị về "Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng

viên trong giai đoạn mới" đã cụ thể hóa những giá trị này, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và đào tạo nên những người đảng viên có đủ uy tín, năng lực để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước.

*Bốn là, xây dựng Đảng phải gắn với chiến lược bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.*

Bên cạnh việc rèn luyện đội ngũ đương nhiệm, Di chúc còn gửi gắm tâm nhìn chiến lược về tương lai qua việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng đời sau. Vì vậy, Người đặt ra yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn bồi dưỡng phải hội đủ cả hai yếu tố "hồng" và "chuyên". Trong đó, "hồng" là đạo đức, là cái gốc bản lĩnh chính trị; còn "chuyên" là trí tuệ, là năng lực chuyên môn tinh thông. Sự gắn kết chặt chẽ giữa "tâm" và "tài" trong tư tưởng của Người chính là chìa khóa để hình thành nên lớp người kế thừa vừa đủ đức độ để quy tụ nhân dân, vừa đủ tài năng để dẫn dắt sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi cuối cùng.

## **2. Thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa**

Thấm nhuần những chỉ dẫn sâu sắc của Người về xây dựng Đảng trong Di chúc, trong những năm qua, Đảng bộ Nhà trường đã cụ thể hóa thành những hành động thiết thực trong công tác xây dựng Đảng, gắn lý luận của Người vào

từng nhiệm vụ chính trị cụ thể của nhà trường. Việc học tập và làm theo lời Bác không dừng lại ở nhận thức mà đã trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mỗi cán bộ, đảng viên. Những kết quả đạt được trong việc vận dụng các nội dung cốt lõi về xây dựng Đảng tại Đảng bộ nhà trường được thể hiện rõ nét qua các mặt sau:

Trước hết, về sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng: Đây được xem là yếu tố sống còn, tạo nên sức mạnh nội lực của Đảng bộ nhà trường qua các thời kỳ. Thực tiễn quá trình gần 80 năm xây dựng và phát triển cho thấy, đoàn kết thống nhất chính là một trong những truyền thống tốt đẹp, là nguồn sức mạnh đưa Nhà trường vượt qua mọi khó khăn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà, góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Đặc biệt, từ thực tiễn quá trình đổi mới ở nhà trường trong những năm gần đây cho thấy, sự thành công trong xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong trường thể hiện trước hết đó chính là sự đồng lòng, quyết tâm từ tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu đến đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức của trường trong thực hiện đổi mới mạnh mẽ và toàn diện để không ngừng nâng cao vị thế của nhà trường; đó là sự phối hợp, hợp tác chặt chẽ của tập thể các khoa, phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đó là sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau

trong công việc và sự sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống của các cán bộ, giảng viên trong trường; đó là sự đồng hành, hỗ trợ của giảng viên đối với học viên trong quá trình học tập, rèn luyện và sự ủng hộ, tham gia tích cực của học viên đối với sự nghiệp đổi mới của nhà trường. Những thành công đó không chỉ tạo nên giá trị truyền thống mà còn trở thành điểm tựa vững chắc cho những bước tiến mới của nhà trường. Bên cạnh đó, sức mạnh của khối đoàn kết ấy còn được cụ thể hóa và minh chứng rõ nét qua dấu ấn của Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025-2030. Đây là cuộc hội tụ của trí tuệ tập thể, nơi nguyên tắc tập trung dân chủ được vận dụng sáng tạo để tạo nên sự đồng thuận tuyệt đối. Thành quả rực rỡ nhất chính là việc hiện thực hóa Đề án xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2. Đây được coi là "cột mốc vàng" khẳng định tầm vóc lãnh đạo của Đảng ủy trong việc chinh phục các tiêu chí khắt khe: từ chuẩn hóa trình độ chuyên môn, tối ưu hóa quy mô đào tạo đến đột phá trong nghiên cứu khoa học, chính thức đưa Nhà trường gia nhập nhóm các trường chính trị dẫn đầu cả nước.

*Thứ hai, về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình.*

Để duy trì khối đoàn kết bền vững, Đảng bộ nhà trường luôn coi việc giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng là nhiệm vụ then

chốt, trọng tâm là thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình. Thời gian qua, Đảng bộ đã lãnh đạo kiện toàn bộ máy, sắp xếp các khoa, phòng tinh gọn, hiệu quả theo đúng quy định của Tỉnh ủy. Đồng thời, nhà trường đã rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nội bộ từ Quy chế dân chủ, Quy chế chuyên môn, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế giảng viên, Quy chế quản lý đào tạo, Quy chế nghiên cứu khoa học. Cùng với đó, việc công khai, minh bạch các chế độ, chính sách được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quyền lợi kịp thời cho người lao động. Đặc biệt, các nội dung quan trọng về công tác cán bộ, về tài chính và đào tạo luôn được thảo luận kỹ lưỡng trong tập thể lãnh đạo và được lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, viên chức nhà trường. Thông qua hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm và các kênh phản hồi đa dạng, cán bộ, giảng viên và học viên luôn được tạo điều kiện đóng góp ý kiến, giúp quá trình điều hành trở nên dân chủ và hiệu quả hơn, hướng tới xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, kiểu mẫu. Cùng với việc hoàn thiện các quy chế về mặt tổ chức, nội dung tự phê bình và phê bình được thực hiện tốt. Tại các chi bộ, việc tự phê bình được thực hiện thực chất, không nể nang, né tránh, đặc biệt là trong việc đánh giá chất lượng bài giảng và các công trình nghiên cứu khoa học. Chính tinh thần thẳng thắn

này đã giúp đội ngũ giảng viên nhà trường không ngừng hoàn thiện bản thân, khắc phục những hạn chế về phương pháp sư phạm và cập nhật kịp thời những kiến thức thực tiễn của địa phương vào bài giảng.

*Thứ ba, về đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên.*

Song song với việc rèn luyện bản lĩnh thông qua đấu tranh tự phê bình, Đảng bộ nhà trường xác định đạo đức chính là cái gốc để mỗi cán bộ, giảng viên giữ vững niềm tin và uy tín nghề nghiệp. Từ nhận thức sâu sắc rằng từng cử chỉ, hành động và lối sống hàng ngày đều tác động trực tiếp đến người học, đội ngũ giảng viên luôn lấy sự liêm chính, mực thước và tận tụy làm minh chứng thuyết phục nhất cho những giá trị đạo đức mà mình truyền dạy. Uy tín của nhà trường, vì thế, không chỉ dừng lại ở những công trình nghiên cứu hay bài giảng hay, mà trước hết được khẳng định bằng sự trong sạch, mẫu mực của đội ngũ thông qua tính công tâm, khách quan từ giảng dạy đến thi cử, đánh giá kết quả học tập. Đặc biệt, việc xây dựng và thực hiện tốt các quy định về văn hóa trường Đảng chính là sợi dây kết nối giữa đạo đức cá nhân với chuẩn mực chung của tập thể. Đó là nét đẹp trong văn hóa ứng xử, là sự khiêm tốn, nhã nhặn nhưng cương quyết trong đấu tranh với cái sai, là sự trân trọng đồng nghiệp và hết lòng vì học viên. Theo đó, mỗi cán

bộ, giảng viên tiếp tục thực hiện “*Nghiêm về giờ giấc; đẹp về trang phục; chuẩn về phát ngôn; đúng mực trong ứng xử; sáng tạo trong đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học*”. Chính sự nhất quán giữa lời nói và việc làm, cùng việc nghiêm túc thực hiện các quy chuẩn về phát ngôn, tác phong sư phạm và nếp sống văn hóa đã khơi dậy ý thức tự giác rèn luyện trong mỗi học viên, để mỗi văn bằng, chứng chỉ nhận được không chỉ là sự ghi nhận về trí tuệ mà còn là kết tinh từ những nỗ lực nghiêm túc nhất. Những hành động thiết thực đó chính là sự hội tụ và lan tỏa các giá trị chuẩn mực đạo đức mà Đảng bộ nhà trường luôn dày công bồi đắp, đó là: *Kiên định - Kỷ cương - Dân chủ - Đoàn kết - Nêu gương - Sáng tạo*. Việc thấm thấu các giá trị này vào từng suy nghĩ và việc làm hàng ngày không chỉ giúp mỗi cán bộ, giảng viên giữ vững bản lĩnh chính trị mà còn góp phần xây dựng một môi trường văn hóa trường Đảng mẫu mực, văn minh, xứng đáng với sự kỳ vọng của Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa.

*Thứ tư, về bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau.*

Đi cùng với việc giữ vững phẩm chất của đội ngũ hiện tại, Đảng bộ nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến tương lai của sự nghiệp đào tạo cán bộ thông qua công tác chăm lo cho những người kế cận. Thực tiễn tại Nhà trường cho thấy công tác quy hoạch, bồi

dưỡng giảng viên trẻ được đặc biệt chú trọng thông qua việc tạo điều kiện cho các đồng chí đi đào tạo chuyên sâu. Đến nay, đội ngũ giảng viên của nhà trường đã có bước phát triển vượt bậc về trình độ chuyên môn với 100% đạt trình độ Thạc sĩ trở lên, trong đó tỷ lệ Tiến sĩ và Nghiên cứu sinh tăng lên rõ rệt. Hiện nay nhà trường có 08 tiến sĩ và 07 nghiên cứu sinh, 50 giảng viên chính và giảng viên cao cấp. Những con số này không chỉ phản ánh nỗ lực tự học của mỗi cá nhân mà còn khẳng định tầm nhìn đúng đắn của Đảng bộ trong việc chuẩn bị một đội ngũ kế cận đủ sức gánh vác nhiệm vụ đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng bộ nhà trường cần thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế đang là rào cản cho sự phát triển. Trước hết, đó là việc thực hiện dân chủ trong sinh hoạt chi bộ đôi khi còn nặng tính hình thức. Không gian sinh hoạt chưa thực sự cởi mở khiến cán bộ, đảng viên còn tâm lý ngại nói thẳng, ngại phản biện. Chính tâm lý nể nang, né tránh và chạm trong tự phê bình và phê bình đã làm yếu đi sức chiến đấu của tập thể, khiến mọi người chưa thể phát huy hết sức mạnh chung. Ngoài ra, việc đổi mới cách thức sinh hoạt Đảng còn chậm, công tác kiểm tra đôi khi chưa đủ quyết liệt

để uốn nắn kịp thời những lệch lạc nhỏ trong tư tưởng.

### **3. Giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Nhà trường trong thời gian tới**

Để sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế đó và nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Đảng bộ nhà trường cần tập trung thực hiện các nhóm giải pháp sau đây:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về tầm quan trọng của việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong từng đơn vị khoa, phòng và trong toàn trường.

Đây là một trong những giải pháp hết sức quan trọng nhằm xây dựng, tạo lập sự đồng thuận trên dưới một lòng từ tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, đến giảng viên, viên chức cùng phấn đấu vì một mục tiêu chung là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phấn đấu xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 2 trong thời gian tới. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả giải pháp này, đòi hỏi ngay từ trong từng cuộc họp cơ quan, trong các buổi sinh hoạt chi bộ, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường và lãnh đạo các khoa, phòng phải thường xuyên thực hiện lồng ghép tuyên truyền, quán triệt các quan điểm của Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải xây dựng, củng cố khối đoàn kết thống nhất để mỗi cán bộ, giảng viên, viên chức đều thấy

được trách nhiệm của bản thân trong xây dựng khối đoàn kết của tập thể và đồng thời cũng thấy rõ được những tật xấu, những căn bệnh gây chia rẽ mất đoàn kết để từ đó trong thực hiện nhiệm vụ, cũng như trong giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp và học viên, mỗi thành viên trong nhà trường phải luôn chú ý từ lời nói đến hành động để xây dựng tập thể đoàn kết, chống tình trạng chia rẽ, kích động gây mất đoàn kết.

*Hai là, xây dựng tinh thần tự phê bình và phê bình thẳng thắn, góp ý mang tính chất xây dựng, giúp nhau khắc phục khuyết điểm, tự vươn lên hoàn thiện bản thân.*

Đây chính là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thực hiện đúng nguyên tắc xây dựng khối đoàn kết thống nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo đó, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn tại khoa hay phòng, cần tạo dựng một không gian đối thoại thực sự chân thành, nơi mỗi giảng viên đều có thể tự tin chia sẻ về những giờ giảng chưa ưng ý, đang còn khô khan, thiếu thực tiễn hay những khó khăn đang gặp trong nghiên cứu khoa học. Lúc này, phê bình không phải là sự chỉ trích, mà là những lời góp ý chân thành từ đồng nghiệp để giúp nhau cùng nhau tiến bộ. Đặc biệt, tinh thần này chỉ có thể lan tỏa mạnh mẽ khi các đồng chí lãnh đạo thực sự làm gương, chủ động nhận diện những hạn chế trong công tác quản lý của mình trước tập thể. Khi

người đứng đầu sẵn sàng lắng nghe và cầu thị, cán bộ giảng viên sẽ cảm thấy an tâm, cởi mở hơn để đóng góp ý kiến mà không còn tâm lý nể nang hay ngại va chạm. Bên cạnh đó, việc góp ý cũng cần sự tinh tế và nhân văn; thay vì dùng những lời lẽ nặng nề làm nhụt chí đồng nghiệp, hãy tập trung vào các giải pháp gợi mở để giúp nhau khắc phục khuyết điểm. Những lời phê bình "đúng và khéo" như vậy không chỉ giúp mỗi cá nhân tự vươn lên hoàn thiện bản lĩnh nghề nghiệp, mà còn bồi đắp thêm sự tin tưởng, gắn kết, biến việc tự phê bình trở thành thước đo của sự trung thực và tinh thần trách nhiệm với mái nhà chung của Nhà trường

*Ba là, tiếp tục thực hiện tốt vấn đề dân chủ để xây dựng niềm tin cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức trong nhà trường.*

Đảng ủy và Ban Giám hiệu Nhà trường cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, kịp thời xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trong Nhà trường cho phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước, nhằm bảo đảm phát huy hơn nữa quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong cơ quan. Việc chuẩn hóa các văn bản này phải hướng tới mục tiêu cốt lõi là bảo đảm và phát huy tối đa quyền làm chủ của cán bộ, viên chức, người lao động. Thực tế cho thấy, chỉ khi quyền được biết, được bàn, được giám sát, kiểm tra của cán

bộ, viên chức, người lao động được thực hiện toàn diện và đầy đủ mới phát huy tinh thần dân chủ trong thảo luận, góp ý phê bình, tiếp thu ý kiến phê bình, khắc phục yếu kém, từ đó tạo ra sự cởi mở, thống nhất chung trong cơ quan để thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Song song với đó, Ban Giám hiệu cùng lãnh đạo các khoa, phòng cần nắm bắt những tâm tư mà cán bộ, giảng viên đang gặp phải. Khi có những thắc mắc, những tâm tư của cán bộ giảng viên liên quan đến chế độ, chính sách hay phân công chuyên môn, Nhà trường phải có trách nhiệm phản hồi ngay, giải thích rõ lý do và đưa ra cách xử lý dứt điểm, tránh để tâm tư kéo dài gây bức xúc. Sự quyết liệt trong việc tháo gỡ khó khăn này chính là nền tảng để củng cố niềm tin trong nội bộ Nhà trường. Đồng thời, việc chi trả thù lao, bình xét khen thưởng hay cử đi đào tạo phải dựa trên kết quả làm việc thực tế, đảm bảo mọi cán bộ, giảng viên đều thấy được sự minh bạch trong các quyết định của nhà trường. Khi các vấn đề về quyền lợi và áp lực công việc được quan tâm giải quyết thỏa đáng, cán bộ, giảng viên sẽ giải tỏa được tâm lý, từ đó yên tâm công tác và gắn bó lâu dài hơn với nhà trường.

Ngoài ra, Đảng ủy cũng phải cần chú trọng phối hợp tổ chức các hội nghị định kỳ nhằm duy trì nền nếp chế độ thông tin báo cáo, đồng thời tạo không

gian dân chủ để mọi cá nhân được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng và đóng góp trí tuệ vào những vấn đề quan trọng trước khi cấp có thẩm quyền ra quyết định. Thông qua sự cởi mở, chân thành tại các diễn đàn này, sẽ khơi dậy tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của mỗi cán bộ, viên chức. Điều này không chỉ giúp việc thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan trở thành nếp sống tự giác, mà còn bồi đắp thêm tình đoàn kết, sự đồng thuận và tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ nhau trong cuộc sống, trong công tác.

*Bốn là, tiếp tục chú trọng nâng cao đời sống và giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong cơ quan.*

Đây chính là một trong những nguyên tắc đoàn kết theo Tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, để tạo động lực và phát huy được sự sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cán bộ, giảng viên, viên chức trong trường và trong từng khoa phòng, đòi hỏi cùng với việc phải tiếp tục tìm tòi những cách thức để không ngừng nâng cao đời sống cho cán bộ, giảng viên, viên chức, thì Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa, phòng phải luôn chú trọng đảm bảo công bằng, bình đẳng trong phân công nhiệm vụ và giải quyết vấn đề về lợi ích; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, giảng viên, viên chức có những đóng góp và cống hiến nổi bật vào thành tích chung, để

mỗi thành viên đều thấy được thành quả công việc của mình được lãnh đạo, tập thể ghi nhận và từ đó có động lực, niềm tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Có thể thấy, những chỉ dẫn của Người về đoàn kết thống nhất trong Đảng, về tự phê bình và phê bình; về thực hành dân chủ; về đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Những lời căn dặn, chỉ dẫn ấy đã đặt nền móng vững chắc cho sự ra đời, phát triển của nền đạo đức cách mạng Việt Nam hôm nay và cũng là sự khẳng định cho những chân lý của "Di chúc" đối với việc xây dựng cán bộ, đảng viên, góp phần vào xây dựng nước Việt Nam và tỉnh Thanh Hóa ngày càng văn minh, giàu đẹp./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr. 289.

[2], [3], [4], [5]: Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo:

- Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB CTQG Sự thật, Hà Nội 2023

- Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới;

- Báo cáo tổng kết Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa năm 2025

- Báo cáo Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2025-2030

- Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Xây dựng các giá trị chuẩn mực từ việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa hiện nay*”, Thanh Hóa, tháng 5 năm 2022.

## PHÁT HUY TINH THẦN ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP XÃ - THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM Ở XÃ TRUNG THÀNH, TỈNH THANH HÓA

**Bùi Công Anh**

*Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Trung Thành*

**T**hực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã) đã được triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Việc không còn cấp huyện đã tạo ra sự thay đổi căn bản về không gian quản lý, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cấp xã. Sau sát nhập khối lượng công việc tăng lên rõ rệt, tính chất nhiệm vụ ngày càng phức tạp. Thực tiễn đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ cấp xã không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị mà còn phải có tư duy đổi mới, năng lực tổng hợp, khả năng tự chủ cao và đặc biệt là tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước pháp luật và trước Nhân dân vì lợi ích chung.

Trung Thành là xã miền núi cao của tỉnh Thanh Hóa, được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã Trung Thành và xã Thành Sơn, (thuộc huyện Quan Hóa cũ). Xã có diện tích tự nhiên 13.618,72 ha. Tổng dân số hiện nay là 5.488

người, với 1.222 hộ dân, sinh sống phân bố tại 15 bản. Trên địa bàn xã có 03 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là dân tộc Thái chiếm 74,96%; dân tộc Mường 23,37%, dân tộc Kinh chiếm 1,67% và tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc truyền thống. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 là 74 hộ chiếm 6,06%, Hộ cận nghèo: 694 hộ bằng 56,79%. Diện tích rộng, địa hình chia cắt, núi cao, vực sâu, nhiều khe suối, giao thông đi lại khó khăn. Kinh tế chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, (đạt 31,77 triệu/người/năm); tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Trình độ dân trí không đồng đều, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, không gian phát triển được mở rộng, song cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới trong quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính và xử lý các vấn đề xã hội nảy sinh từ cơ sở. Đội ngũ

cán bộ, công chức xã Trung Thành cơ bản được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh; có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, số cán bộ theo định biên còn thiếu. Cơ quan đảng còn thiếu 4 biên chế; cơ quan MTTQ còn thiếu 5 biên chế; UBND còn thiếu 7 biên chế công chức, chưa kể Trung tâm Cung ứng dịch vụ công mới chỉ có 01 viên chức. Trong đó, cán bộ chuyên môn còn thiếu các chuyên ngành như: xây dựng, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, địa chính, cán bộ chăn nuôi, thú y, cán bộ công nghệ thông tin, kế toán. Bên cạnh đó, trước yêu cầu mới, một bộ phận cán bộ còn tâm lý e dè, ngại va chạm, ngại đổi mới; kỹ năng quản lý hiện đại, kỹ năng số, tư duy sáng tạo chưa đồng đều. Nhận thức rõ vai trò then chốt của yếu tố con người, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Trung Thành đã xác định phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm là một nội dung trọng tâm trong xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Một số chủ trương, biện pháp nổi bật đã được triển khai:

*Thứ nhất, đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền xã.*

Cấp ủy Đảng xã Trung Thành xác định rõ: muốn cán bộ dám nghĩ, dám làm thì trước hết tập thể cấp ủy, người đứng đầu phải gương mẫu đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của

Tỉnh ủy, Đảng ủy xã đã cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ kết quả. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng ủy xã chú trọng phát huy dân chủ, khuyến khích cán bộ mạnh dạn đề xuất sáng kiến, giải pháp mới; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Một số giải pháp cụ thể, nổi bật, có hiệu quả đã được triển khai như: Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng nếp sống văn minh và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc xã Trung Thành; phát động các chi bộ trực thuộc đăng ký và thực hiện các mô hình, phần việc cụ thể ở cơ sở; UBND xã ban hành Kế hoạch “Tiếng kèng học bài” trên địa bàn xã. Từ các cuộc phát động này, trên địa bàn xã đã có nhiều sáng kiến có hiệu quả thiết thực, đem lại lòng tin cho nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền địa phương.

*Thứ hai, khuyến khích cán bộ đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.*

Xã Trung Thành đã chủ động rà soát, đánh giá lại toàn bộ các lĩnh vực công tác, từ quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, cải cách hành chính, giảm nghèo bền vững đến xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở đó, mạnh dạn lựa chọn những khâu đột phá, những việc khó để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Một số cán bộ chuyên môn đã chủ động nghiên cứu các quy định mới của pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân. Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, cán bộ xã đã tích cực tham mưu các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện miền núi, khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước nâng cao thu nhập.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy về xây dựng và thực hiện các mô hình, phần việc, các chi bộ, cơ quan, các bản đã sáng tạo, mạnh dạn thực hiện các mô hình như: Trường Mầm non đã sáng tạo, tự chế tạo, cắt dán, lắp ráp các con giống, hoa quả, cây, dụng cụ nhà nông, mũ nón, v.v. từ các chai, lọ, vải vụn, tấm xốp, phế liệu. Từ đó đã có thêm đồ dùng dạy học, gắn việc học với tìm hiểu thực tế cho các cháu học sinh mầm non. Mô hình tiếng keng học bài đã thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội, 19h30 hằng ngày tất cả các bản đều đánh keng, đánh mõ tắt hết karaoke, Tivi, đài, tập trung cho các cháu học bài, xã đã có 4 bản trồng rau sạch, làm mô hình để nhân rộng, cải thiện tập quán không trồng rau màu trên địa bàn xã...

*Thứ ba, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.*

Trong quá trình thực hiện mô

hình chính quyền địa phương 2 cấp, không tránh khỏi những vấn đề mới, khó, thậm chí chưa có tiền lệ. Đảng ủy, UBND xã Trung Thành xác định rõ nguyên tắc: mọi quyết định phải xuất phát từ lợi ích chung, đúng quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương. Điển hình như công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng trên địa bàn. Lâu nay, dân miền núi khi tách hộ, tự đi tìm đất, tiện chỗ nào thì tự cắm cột làm nhà. Từ khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, Đảng ủy chỉ đạo UBND xã kiên quyết thực hiện trật tự xây dựng, người dân làm nhà phải báo Trưởng bản và phòng Kinh tế xã. Sau khi xem xét, đất hợp pháp, phù hợp quy hoạch, an toàn, không bị sạt lở thì mới cho người dân làm nhà. Đối với những hộ làm trái, kiên quyết yêu cầu tháo dỡ, từ đó dân đã có ý thức pháp luật trong xây dựng và quản lý đất đai.

Đối với những vấn đề phát sinh, tập thể lãnh đạo xã tổ chức thảo luận dân chủ, thống nhất phương án xử lý; phân công cá nhân chịu trách nhiệm chính và chịu trách nhiệm đến cùng. Nhờ đó, tinh thần trách nhiệm của cán bộ từng bước được nâng lên, hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy.

Từ những biện pháp trên, tinh thần dám nghĩ, dám làm của đội ngũ cán bộ từng bước được khơi dậy. Nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài được tập trung giải quyết; kỷ cương hành chính được tăng cường; niềm tin của Nhân dân đối

với cấp ủy, chính quyền cơ sở được củng cố.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm ở xã Trung Thành vẫn còn một số hạn chế: Một bộ phận cán bộ còn tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm; chưa thực sự mạnh dạn đổi mới trong xử lý công việc phức tạp. Có cán bộ vẫn còn sợ va chạm, có cán bộ vẫn chưa thoát khỏi tư tưởng nể nang người thân, người quen. Không phải ai cũng hăng hái, nhiệt huyết, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số, cải cách hành chính ở xã miền núi còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do tác động của cơ chế, chính sách; năng lực, trình độ và kỹ năng của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu mới; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về tư duy đổi mới, quản trị hiện đại còn thiếu. Những vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để xây dựng môi trường, cơ chế thực sự khuyến khích đổi mới; đồng thời kiểm soát quyền lực, phòng ngừa sai phạm, bảo đảm đổi mới đi đôi với kỷ cương, trách nhiệm.

Từ thực tiễn xã Trung Thành có thể rút ra một số kinh nghiệm:

*Thứ nhất, vai trò nêu gương của người đứng đầu là yếu tố quyết định.*

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền nếu dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm thì sẽ tạo được niềm

tin và động lực cho cán bộ cấp dưới, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao; khuyến khích cán bộ chủ động đề xuất sáng kiến, giải pháp mới trong công tác.

*Thứ hai, phải gắn đổi mới sáng tạo với kỷ luật, kỷ cương.*

Đổi mới không đồng nghĩa với làm tùy tiện, mà phải trong khuôn khổ pháp luật, có kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

*Thứ ba, lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm thước đo.*

Mọi sáng kiến, cách làm mới đều phải hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

*Thứ tư, quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.* Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng hoạt động thực tiễn để tự tin hơn khi thực hiện nhiệm vụ.

*Thứ năm, kết hợp chặt chẽ giữa khuyến khích đổi mới với tăng cường kiểm tra, giám sát.*

Phát huy vai trò giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo môi trường dân chủ, cởi mở để cán bộ mạnh dạn đổi mới, sáng tạo đồng thời có cơ chế bảo vệ những ý tưởng sáng tạo, bảo vệ những người mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm.

Từ thực tiễn và kinh nghiệm

trên, tác giả xin đề xuất một số giải pháp phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã hiện nay:

*Một là*, tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ về vai trò của đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý cấp xã.

*Hai là*, hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, ủy quyền rõ ràng; gắn quyền hạn với trách nhiệm; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ và sự hài lòng của Nhân dân làm tiêu chí đánh giá cán bộ.

*Ba là*, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng quản trị hiện đại, kỹ năng số, kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn.

*Bốn là*, xây dựng môi trường làm việc dân chủ, chuyên nghiệp; khuyến khích sáng kiến, cải tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng cán bộ có cách làm hiệu quả.

*Tóm lại*, phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thực tiễn ở xã Trung Thành cho thấy, nếu có sự lãnh đạo đúng đắn của cấp ủy, sự điều hành quyết liệt của chính quyền và tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ thì

dù trong điều kiện khó khăn, cấp xã vẫn có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thúc đẩy phát triển địa phương, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cấp xã là yêu cầu tất yếu trong xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý ở cơ sở hiện nay.

## KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) VÀO GIẢNG DẠY- KHÂU ĐỘT PHÁ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

**ThS. Nguyễn Thị Loan**

*GVC, Khoa Xây dựng Đảng*

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với hạt nhân là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT)... đang tác động sâu sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Ở Việt Nam, chuyển đổi số quốc gia và phát triển AI đã được xác định là định hướng chiến lược trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26-01-2021 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định “đổi mới toàn diện,

nâng cao chất lượng đào tạo, lấy chuyển đổi số làm khâu đột phá” là một trong những giải pháp trọng tâm nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Với chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị xã, phường; cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc ở các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương và theo phân cấp nhiệm vụ đào tạo về: Lý luận chính trị, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.... Khoa Xây dựng Đảng đang phụ trách và giảng dạy 5 môn học, có vai trò nòng cốt trong việc cụ thể hóa và hiện thực hóa giải pháp đột phá này. Việc đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác giảng dạy không chỉ là yêu cầu tất yếu khách quan, mà còn là nhiệm vụ chính trị trực tiếp góp phần thực hiện thắng lợi

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ IX.

### **1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc ứng dụng AI trong giảng dạy lý luận chính trị**

Theo quan điểm của V.I. Lenin, cách mạng muốn thắng lợi phải gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất và trình độ khoa học và công nghệ của thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu học tập cái mới, tiếp thu tinh hoa nhân loại để phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Trong giai đoạn hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ là công cụ công nghệ mà còn là phương tiện sản xuất mới, phương thức tổ chức lao động mới, hình thành môi trường học tập mới. Việc ứng dụng AI vào giảng dạy lý luận chính trị không làm thay đổi bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà tạo điều kiện để truyền tải nội dung đó một cách sinh động, linh hoạt, hiệu quả hơn.

Từ góc độ lý luận dạy học hiện đại, AI hỗ trợ cá thể hóa quá trình học tập, phân tích dữ liệu người học, tối ưu hóa nội dung và phương pháp giảng dạy. Điều này phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tư duy, năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ.

Thực tiễn đào tạo lý luận chính trị ở trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa hiện nay cho thấy một số vấn đề đặt ra:

*Thứ nhất*, đối tượng học viên của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa ngày càng đa dạng về độ tuổi trong một lớp học. Trình độ, kinh nghiệm thực tiễn rất cao và phong phú. Học viên có học hàm PGS, học vị TS, ThS, là giảng viên, bác sĩ, báo cáo viên chính trị, kiểm sát viên, thư ký tòa án, công an, cán bộ ngân hàng, thuế, hải quan...

*Thứ hai*, yêu cầu về tính cập nhật, tính thời sự của nội dung giảng dạy ngày càng cao. Những Nghị quyết mới, luật mới ra đời, các văn bản quy phạm pháp luật, thời tình hình thế giới, thời sự trong nước mà giảng viên cần phải cập nhật kịp vào bài giảng.

*Thứ ba*, áp lực đổi mới phương pháp, nâng cao tính tương tác, giảm tính áp đặt, truyền thụ một chiều. Điều đó yêu cầu giảng viên cần sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với các đối tượng học viên khác nhau, giảm thuyết trình, tăng trao đổi, thảo luận các vấn đề thực tiễn hiện nay đang đặt ra đối với địa phương, cơ sở của học viên.

Xuất phát từ thực tiễn trên, hiện nay trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ giảng viên trong việc: (1) Tìm kiếm, tổng hợp và phân tích thông tin nhanh chóng. Công cụ AI: Chat GPT,

Gemini, Copilot để viết đề cương, tạo câu hỏi thảo luận, dàn ý bài giảng cho từng đối tượng lớp học và học viên. (2) Xây dựng học liệu số dùng chung: tạo ngân hàng bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi câu hỏi trắc nghiệm, tự luận bằng AI; Xây dựng tình huống thực tiễn. (3) Thiết kế bài giảng số, bài kiểm tra trực tuyến như Canvas, PowerPoint Designer, Gamma, NotebookLM thiết kế slides trực quan, minh họa, hình ảnh, biểu đồ. (4) Phân tích kết quả học tập để điều chỉnh phương pháp giảng dạy. (5) Tổ chức lớp học bằng AI tương tác như Padlet, Quizizz: Khởi động lớp, kiểm tra nhanh; HeyGen, Veed.io: Giảng viên tạo video minh họa; Notion AI, Perplexity: Hỗ trợ học viên nghiên cứu đề tài, viết thu hoạch, khóa luận, báo cáo nghiên cứu thực tế. ElevenLabs: Tạo giọng thuyết minh video bài giảng.

Chính vì vậy, việc Khoa Xây dựng Đảng đẩy mạnh ứng dụng AI là bước đi phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện đại và yêu cầu thực tiễn của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Nội dung và giải pháp đẩy mạnh ứng dụng AI tại Khoa Xây dựng Đảng**

*Một là*, nâng cao nhận thức, thống nhất tư duy về AI trong đội ngũ giảng viên.

Trước hết, cần xác định rõ rằng AI là công cụ hỗ trợ, không thể thay thế vai trò chủ thể của giảng viên. Trong đào tạo lý luận chính trị, giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn định hướng tư tưởng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cho học viên. Đây là chức năng mà AI không thể thay thế. Khoa Xây dựng Đảng đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về chuyển đổi số và AI; thành lập Tổ Chuyển đổi số (CDS), bao gồm các giảng viên thạo công nghệ, ở các bộ môn mà Khoa đang đảm nhận giảng dạy; Tổ CDS có nhiệm vụ nghiên cứu, hướng dẫn sử dụng AI cho các giảng viên trong khoa xây dựng tài liệu trong giảng dạy bảo đảm đúng quan điểm, đường lối của Đảng, tránh lệ thuộc máy móc, sao chép thiếu chọn lọc.

*Hai là*, ứng dụng AI trong xây dựng và cập nhật nội dung bài giảng.

Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ giảng viên (1) Tổng hợp văn kiện, nghị quyết mới của Trung ương, của Tỉnh ủy. (2) Phân tích các tình huống thực tiễn về công tác xây dựng Đảng. (3) Đề xuất cấu trúc bài giảng, câu hỏi thảo luận, tình huống nghiên cứu phù hợp với từng đối tượng lớp, học viên.

Tuy nhiên, giảng viên phải giữ vai trò chủ đạo, là người “thẩm định chính trị, tư tưởng”, bảo đảm nội dung chính xác, đúng định hướng, phù hợp

với đặc thù địa phương và đối tượng học viên.

*Ba là*, ứng dụng AI trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ giảng viên xây dựng: (1) Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm tìm hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng. (2) Tình huống giả định về công tác tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, dân vận. (3) Mô phỏng quy trình xử lý tình huống trong công tác Đảng.

Việc kết hợp AI với phương pháp thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, phản biện chính sách sẽ góp phần nâng cao tính chủ động, sáng tạo của học viên; đồng thời rèn luyện năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn ở địa phương, cơ sở nơi học viên đang công tác.

*Bốn là*, ứng dụng AI trong kiểm tra, đánh giá và quản lý chất lượng.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu điểm số, mức độ tham gia thảo luận, tiến độ hoàn thành bài tập nhằm: (1) Phát hiện sớm học viên có dấu hiệu chậm tiến bộ. (2) Gợi ý nội dung cần bổ sung, ôn tập. (3) Đánh giá xu hướng tiếp thu của từng nhóm đối tượng học viên. Từ đó, Khoa có cơ sở khoa học để điều chỉnh nội dung, phương pháp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo một cách thực chất.

**3. Những yêu cầu đặt ra khi ứng dụng AI trong giảng dạy lý luận chính trị**

*Thứ nhất*, bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện. Nội dung sử dụng AI phải tuân thủ nghiêm túc quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không để xảy ra sai lệch về tư tưởng.

*Thứ hai*, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu. Dữ liệu về học viên, tài liệu nội bộ phải được quản lý chặt chẽ, tránh rò rỉ thông tin.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên. Ứng dụng AI chỉ hiệu quả khi giảng viên có trình độ công nghệ nhất định, biết khai thác, kiểm chứng, hiệu chỉnh thông tin. Người giảng viên cần có kỹ năng "đổi soát" (fact-check) thông tin từ AI, vì các mô hình AI quốc tế đôi khi có những định kiến hoặc thông tin không chính xác về lịch sử và chính trị Việt Nam.

*Thứ tư*, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Phương pháp giảng dạy truyền thống như thuyết trình, trao đổi trực tiếp vẫn giữ vai trò quan trọng trong giáo dục chính trị tư tưởng; AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thể thay thế sự tương tác trực tiếp giữa thầy và trò.

*Tóm lại*, ứng dụng AI là giải pháp đột phá về chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhiệm kỳ 2025 - 2030 đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các khoa, phòng, đơn vị. Đối với Khoa Xây dựng Đảng, việc đẩy mạnh ứng dụng AI có ý nghĩa góp

phần hiện đại hóa phương thức giảng dạy; Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Xây dựng hình ảnh khoa năng động, tiên phong trong đổi mới; Tạo nền tảng cho xây dựng “khoa học dữ liệu đào tạo” phục vụ quản lý, hoạch định chiến lược phát triển Nhà trường. Quan trọng hơn, việc ứng dụng AI đúng định hướng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng bản lĩnh, năng lực cho đội ngũ cán bộ. Đây là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, việc Khoa Xây dựng Đảng, trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác giảng dạy là yêu cầu tất yếu

và là hành động thiết thực nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm chính trị cao, Khoa Xây dựng Đảng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng quy trình ứng dụng AI khoa học, chặt chẽ. Qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi giải pháp đột phá của Nghị quyết, xây dựng nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XÃ HOÀNG TIẾN TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

ThS. Vương Mạnh Toàn, *GVC, Khoa LLCS*  
ThS. Lê Thị Nga, *GVC, Phòng QLĐT, BD và NCKH*

**X**ã Hoàng Tiến, tỉnh Thanh Hóa là đơn vị hành chính mới sáp nhập từ 4 xã Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Yên, Hoàng Trường (của huyện Hoàng Hóa) với diện tích tự nhiên 23,8 km<sup>2</sup>, dân số năm 2025 khoảng 29.687 người bờ biển dài 6,8 km thuộc khu du lịch Hải Tiến, kinh tế biển được Đảng bộ xã xác định là lợi thế cạnh tranh nội tại, trụ cột tăng trưởng.

Hoàng Tiến có vị trí thuận lợi cho phát triển kinh tế biển: bao gồm đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản và dịch vụ du lịch: giáp biển Đông nên hình thành nhiều làng chài đánh bắt và chế biến hải sản, có vùng triều nuôi trồng hải sản (tôm, ngao, cá...); gần Quốc lộ 1A, đường ven biển giúp kết nối thuận lợi với khu du lịch biển Sầm Sơn và các khu vực lân cận. Xã có các điểm nhấn như bãi tắm Hải Tiến kéo dài, có nhiều dự án khác sạn (khu du lịch khu du lịch Flamingo), khu nghỉ dưỡng, có hòn Đầu Bò, chùa Bụt, các làng chài gắn liền với văn hóa của ngư dân, các lễ hội dân gian...

Giai đoạn 2020-2025, kinh tế địa phương duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 7,1%/năm; thu nhập bình

quân đầu người đạt 77,6 triệu đồng. Trong đó, du lịch biển Hải Tiến từng bước khẳng định thương hiệu, đón hơn 6,18 triệu lượt khách, mang lại doanh thu 7.400 tỷ đồng. Điều này đã khẳng định cơ cấu kinh tế chuyên dịch tích cực (dịch vụ - thương mại tăng).

Tuy nhiên, kinh tế biển vẫn mang tính manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu khai thác ven bờ, thiếu liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ, dẫn đến giá trị gia tăng thấp và phụ thuộc thị trường. Vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng do rác thải du lịch, nước thải nuôi trồng thủy sản chưa xử lý triệt để, đe dọa hệ sinh thái bờ biển và hình ảnh điểm đến. Nguồn nhân lực chưa chuyên sâu, với lao động chủ yếu từ nông nghiệp truyền thống, thiếu kỹ năng ngoại ngữ, quản trị du lịch, công nghệ nuôi trồng hiện đại. Đồng thời, quản lý du lịch chưa chuyên nghiệp, thể hiện ở tình trạng chèo kéo khách, niêm yết giá không thống nhất, hạ tầng dịch vụ chưa đồng bộ, làm giảm sức cạnh tranh so với các điểm du lịch lân cận.

Với mục tiêu phát triển kinh tế biển là động lực tăng trưởng bền vững, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định

mục tiêu cụ thể: tăng trưởng giá trị sản phẩm bình quân 12%/năm, thu nhập bình quân đầu người 103 triệu đồng/năm vào 2030, lượng khách du lịch 1,2-1,5 triệu lượt, sản lượng thủy sản 16.765 tấn/năm, hướng tới nông thôn mới nâng cao trước năm 2030 và phấn đấu trở thành phường trước năm 2035.

Để phát triển kinh tế biển ở xã Hải Tiến trở thành động lực chủ đạo trong tăng trưởng kinh tế của Hoàng Tiến, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền đối với phát triển kinh tế biển**

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, nhiệm vụ đặt ra cho Hoàng Tiến không chỉ dừng lại ở việc khai thác lợi thế tiềm năng sẵn có mà phải chuyển mạnh từ tư duy sản xuất truyền thống sang tư duy phát triển kinh tế biển toàn diện, gắn với dịch vụ giá trị cao và nông nghiệp sạch theo chuỗi. Để đạt được mục tiêu đó, Đảng ủy phải giữ vai trò trung tâm lãnh đạo, ban hành các nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế biển; chỉ đạo UBND xã xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm, phân công trách nhiệm cho từng cán bộ, từng tổ chức cơ sở đảng, gắn với đánh giá cuối năm.

Cấp ủy phải làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong toàn

bộ hệ thống chính trị; kiên trì đấu tranh với biểu hiện trì trệ, tư duy nhiệm kỳ, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tăng cường, coi trọng việc sơ kết - tổng kết các mô hình hiệu quả; kịp thời uốn nắn những nơi thực hiện chưa đúng hoặc chưa sát thực tiễn. Đảng ủy cũng cần phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên, nhất là đảng viên cư trú tại địa bàn ven biển, vận động Nhân dân tham gia chuyển đổi mô hình sản xuất, bảo vệ môi trường biển, thực hiện quy định IUU (quy định về đánh bắt không phép, không báo cáo, báo cáo sai, hoặc đánh bắt tại vùng biển không được quản lý) và áp dụng quy trình nông nghiệp sạch.

Cấp ủy, chính quyền làm tốt việc thu hút đầu tư vào dịch vụ du lịch, huy động doanh nghiệp nâng cấp cơ sở hạ tầng, chuẩn hóa chất lượng dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí; khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP biển, xây dựng thương hiệu “Du lịch biển Hoàng Tiến - An toàn, thân thiện, chất lượng”.

### **2. Tổ chức lại sản xuất thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững và phù hợp quy định IUU**

Tập trung tổ chức lại sản xuất thủy sản, hướng tới giảm khai thác ven bờ, tăng cường nuôi trồng giá trị cao và hoàn thiện chuỗi chế biến - tiêu thụ. Địa phương cần đánh giá đầy đủ hiện trạng đội tàu, cơ cấu nghề, tình trạng khai thác ven bờ, mức độ tuân thủ quy định IUU để đưa ra lộ trình điều chỉnh phù hợp.

Việc quản lý đội tàu phải gắn với ứng dụng công nghệ số, 100% tàu cá có thiết bị giám sát hành trình; thông tin được cập nhật liên tục và kết nối với cơ quan chức năng theo quy định.

Thúc đẩy hình thành các tổ, đội khai thác theo mô hình liên kết, hỗ trợ ngư dân tiếp cận thiết bị hiện đại, cải tiến ngư cụ thân thiện môi trường; tổ chức tập huấn về khai thác có trách nhiệm, phân loại - xử lý sản phẩm ngay trên tàu. Đối với nuôi trồng thủy sản, ưu tiên chuyển đổi vùng nuôi nhỏ lẻ sang mô hình tập trung, ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước, biofloc, giống chất lượng cao; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống hạ tầng nuôi, kiểm soát môi trường nước.

Phát triển kinh tế biển không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng thương hiệu và thị trường. Quan tâm phát triển các ngành nghề chế biến, lập quy hoạch và kêu gọi xây dựng cụm chế biến thủy sản có quy mô phù hợp với điều kiện địa phương; đầu tư kho lạnh, nhà máy đá sạch, cơ sở sơ chế - đóng gói đạt chuẩn. Qua đó hình thành một chuỗi liên kết thủy sản hiện đại, bền vững và tạo giá trị gia tăng cao cho kinh tế biển. Việc xây dựng thương hiệu mắm, ruốc, cá khô, mực khô, các sản phẩm từ tôm - cá cần được triển khai đồng bộ với truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và quảng bá thông qua du lịch. Trong giai đoạn mới, cần xây dựng thương hiệu

chung: “Sản phẩm biển - nông nghiệp sạch Hải Tiên”

Liên kết với các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn để đưa sản phẩm địa phương vào hệ thống tiêu thụ ổn định; xây dựng hình thành các điểm bán sản phẩm đặc trưng tại khu du lịch biển, khu ẩm thực, các tuyến phố chính; phát triển gian hàng OCOP, không gian trải nghiệm sản phẩm địa phương; kết nối với các siêu thị, chợ đầu mối trong tỉnh. Ngoài thị trường truyền thống, cần đẩy mạnh thương mại điện tử, quảng bá qua mạng xã hội, nền tảng du lịch số, các sàn thương mại điện tử có lượng truy cập cao.

### **3. Phát triển du lịch biển theo hướng bền vững, hiện đại, chuyên nghiệp và gắn với bản sắc văn hóa địa phương**

Du lịch biển được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực lan tỏa sang thương mại - dịch vụ, thủy sản và nông nghiệp sạch. Để phát triển du lịch thực sự bền vững, xã phải định hướng rõ mô hình phát triển: du lịch biển chất lượng cao, văn minh, an toàn, chú trọng trải nghiệm nghề biển và ẩm thực biển, kết hợp với các sản phẩm du lịch đêm, du lịch gia đình, du lịch sinh thái ven biển.

Tăng cường công tác phối hợp với doanh nghiệp du lịch nâng cấp hạ tầng phục vụ du khách, bao gồm bãi

tắm, lối xuống biển, khu vệ sinh công cộng, chòi quan sát cứu hộ, hệ thống biển báo an toàn, chiếu sáng, cảnh quan ven biển. Song song với đó là chuẩn hóa chất lượng dịch vụ lưu trú, ăn uống, homestay; đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nhất là lao động trẻ tại các thôn ven biển. Hướng tới xây dựng văn hóa Du lịch đảm bảo tính văn minh, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

Xây dựng thương hiệu du lịch biển Hải Tiến gắn với bản sắc địa phương như lễ hội truyền thống, văn hóa làng chài, sản phẩm OCOP có nguồn gốc từ biển. Các mô hình “du lịch trải nghiệm đánh bắt ven bờ”, “du lịch ẩm thực tại làng chài”, “check-in nghề biển” cần được hình thành và quản lý chặt chẽ, vừa đảm bảo an toàn du khách, vừa góp phần tăng thu nhập cho ngư dân. Cụ thể như: du lịch trải nghiệm nghề biển (đánh lưới cá đêm, câu mực, tour thăm đầm nuôi trồng hải sản), ẩm thực làng chài (tôm nướng, mực một nắng, cá biển), du lịch cộng đồng (homestay làng chài), du lịch sinh thái (đảo Nẹ, rừng ngập mặn), sự kiện bốn mùa (lễ hội cầu ngư, festival hải sản), xây dựng các tour văn hóa (làng nghề đan lưới, ẩm thực gia truyền).

Địa phương cũng cần chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xử lý vi phạm lấn chiếm bờ biển, giá dịch vụ không đúng quy định nhằm bảo vệ

hình ảnh du lịch Hoàng Tiến trong mắt du khách.

#### **4. Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, VietGAP và công nghệ cao**

Phát huy lợi thế là địa bàn du lịch biển, nhu cầu thực phẩm sạch lớn, ổn định; do đó, mô hình “sản xuất theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp du lịch” cần được đẩy mạnh. Do đó, cần đổi mới nông nghiệp toàn diện: chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết theo chuỗi; từ sử dụng nhiều phân bón hóa học sang công nghệ sạch; từ sản xuất không kiểm soát sang mô hình có chứng nhận VietGAP - hữu cơ - truy xuất nguồn gốc. Tập trung rà soát lại toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, xác định vùng sản xuất tập trung cho rau màu, dưa lưới, hoa màu chất lượng cao, cây dược liệu ven biển; đồng thời nghiên cứu chuyển đổi các vùng sản xuất kém hiệu quả sang mô hình trang trại công nghệ cao hoặc hợp tác xã nông nghiệp sạch.

Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ việc thành lập và hoạt động hiệu quả các hợp tác xã nông nghiệp sạch, tạo đầu mối liên kết doanh nghiệp - hộ nông dân - HTX - du lịch biển. Việc đầu tư hạ tầng nông nghiệp sạch như nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới nhỏ giọt, khu sơ chế - bảo quản sản phẩm cần được quan tâm, khuyến khích xã hội hóa, huy động doanh nghiệp đầu tư dài hạn.

## 5. Phát triển hạ tầng phục vụ kinh tế biển

Hạ tầng là yếu tố quyết định để kinh tế biển phát triển theo đúng mục tiêu, bao gồm hạ tầng cho đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản và hạ tầng cho dịch vụ du lịch. Do đó, cần tiếp tục huy động nguồn lực từ ngân sách xã, tỉnh hỗ trợ, xã hội hóa và doanh nghiệp đầu tư để đầu tư xây dựng hạ tầng vùng nuôi, hệ thống ao lắng - ao xử lý, bến đỗ, khu bảo quản lạnh, khu chế biến, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng cá Hoàng Trường theo quy hoạch đã được phê duyệt. Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông ra bãi biển, đường trục chính trong khu du lịch, hệ thống đèn chiếu sáng, bãi gửi xe, khu thương mại dịch vụ; đồng thời đầu tư các tuyến giao thông nội đồng, đường vào vùng sản xuất nông nghiệp, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước phục vụ nông nghiệp sạch.

Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường biển, thu gom rác thải tại bãi biển, quản lý nước thải tại khu du lịch cũng là một phần không thể tách rời trong nhiệm vụ phát triển hạ tầng hỗ trợ kinh tế biển.

## 6. Thúc đẩy khoa học - công nghệ, chuyển đổi số

Trong xu thế hiện nay, phát triển kinh tế biển đòi hỏi sự tham gia của khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số. Hoàng Tiến cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ giám sát hành trình

tàu cá, quản lý sản lượng khai thác, truy xuất nguồn gốc thủy sản; áp dụng công nghệ số trong quảng bá du lịch, đặt dịch vụ trực tuyến, quản lý du khách, thu hút đầu tư. Đối với du lịch, từng bước số hóa bản đồ du lịch tương tác và ứng dụng thực tế ảo (VR/AR) để giới thiệu các điểm đến, di tích lịch sử quanh vùng. Phủ sóng Wi-Fi miễn phí toàn khu vực bãi biển và lắp đặt hệ thống camera AI để quản lý an ninh, mật độ khách. Đẩy mạnh hệ thống đặt phòng, dịch vụ trực tuyến. Tăng cường quảng bá qua các nền tảng mạng xã hội (TikTok, Facebook) và sử dụng AI để cá nhân hóa hành trình cho du khách. Phát triển ứng dụng (App) du lịch tích hợp trợ lý ảo hỗ trợ du khách khi về du lịch Hải Tiến

## 7. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao dân trí

Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng cho phát triển kinh tế biển: tổ chức đào tạo nghề biển, nghề phục vụ du lịch; bồi dưỡng kỹ năng quản trị, kỹ năng số cho chủ doanh nghiệp, cán bộ hợp tác xã; tập huấn cho ngư dân về khai thác có trách nhiệm, an toàn hàng hải, xử lý tình huống trên biển...

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng nhân dân tham gia làm du lịch như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử; kỹ năng giới thiệu quảng bá về địa phương (con người, danh nhân, truyền thống, nghề chài lưới, kỹ thuật

chế biến...) nhằm tăng sự thân thiện, hiếu khách.

Trên cơ sở phát huy truyền thống hiếu học của “người Hoàng Hóa (cũ)”, các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân không ngừng học hỏi, tự học để nâng cao hiểu biết về những yêu cầu phát triển kinh tế biển trong kỷ nguyên mới để có những chuyển biến tích cực trong các hoạt động phát triển kinh tế biển. Đặc biệt trong hoạt động du lịch, ấn tượng về con người Hoàng Tiến để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với du khách về với Hải Tiến.

*Tóm lại*, Phát triển kinh tế biển tại xã Hoàng Tiến là nhiệm vụ chiến lược nhằm biến lợi thế ven biển Hải Tiến thành động lực tăng trưởng bền vững. Với sự đồng lòng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân chung tay thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hoàng Tiến, khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030: xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trước 2030, phấn đấu trở thành phường - trung tâm đô thị du lịch biển văn minh, hiện đại trước 2035./.

## ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TỪ THỰC TIỄN TỈNH THANH HÓA

TS. Nguyễn Như Sơn

*Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

### Đặt vấn đề

**N**ghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định một những đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ 2026 - 2031 đó là “*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương*”. Với việc Quốc hội thông qua Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cả nước chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) từ ngày 01/7/2025 với 34 tỉnh, thành phố và 3.321 xã, phường, đặc khu. Mục tiêu của chính sách nhằm cắt giảm đầu mối trung gian, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả xử lý công việc của các cơ quan nhà nước, nhất là “*chính quyền cơ sở phải gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn*” theo tinh thần chỉ đạo của Tổng bí thư Tô Lâm tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII [2]. Trong bối cảnh đó, phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã - cơ quan trực tiếp triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cơ sở,

thường xuyên tiếp xúc với người dân là nhiệm vụ trọng yếu, cần được quan tâm đẩy mạnh trong giai đoạn hiện nay.

### 1. Phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành

#### 1.1. Các đặc điểm pháp lý của phân cấp, phân quyền

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, phân cấp và phân quyền cho chính quyền địa phương là hai hình thức phân định thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Trong đó, phân quyền cho chính quyền địa phương được quy định tại Điều 12 và phân cấp cho chính quyền địa phương được quy định tại Điều 13 của luật này. Pháp luật hiện hành không đưa ra định nghĩa về phân cấp, phân quyền. Tuy nhiên, dựa theo các đặc điểm pháp lý được quy định có thể hiểu: Phân cấp, phân quyền là sự chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn từ cấp trên xuống cấp dưới để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo thẩm quyền một cách thường xuyên, lâu dài dựa trên

cơ sở pháp luật và các nguyên tắc quản lý nhà nước.

Đặc điểm pháp lý	Phân quyền	Phân cấp
<b>Căn cứ ghi nhận phân quyền, phân cấp</b>	Phải được ghi nhận trong <b>luật</b>	Phải được ghi nhận trong <b>văn bản quy phạm pháp luật</b> của chủ thể phân cấp
<b>Phạm vi phân quyền, phân cấp</b>	Luật phải quy định rõ các nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương không được phân quyền tiếp cho cơ quan, tổ chức khác	Chủ thể được phân cấp có thể tiếp tục phân cấp cho chính quyền địa phương cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nếu được sự đồng ý của cơ quan đã phân cấp
<b>Trách nhiệm của chủ thể phân quyền, phân cấp</b>	Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn được phân quyền của chủ thể được phân quyền	- Phải đảm bảo các điều kiện về nhân lực, vật lực cho chủ thể được phân cấp - Kiểm tra việc thực hiện các nội dung phân cấp

Có thể khái quát một số đặc điểm pháp lý của việc phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương thông qua bảng so sánh dưới đây:

Như vậy, phân cấp và phân quyền đều là hai hình thức phân định thẩm quyền giữa trung ương với địa phương và giữa các cấp chính quyền

địa phương. Tuy nhiên, hình thức phân quyền đòi hỏi sự giám sát chặt chẽ của cơ quan lập pháp (Quốc hội) hơn so với sự phân cấp giữa trung ương và địa phương, thể hiện ở việc các nội dung phân quyền phải được ghi nhận trong văn bản luật (do Quốc hội ban hành), luật cũng quy định rõ các nhiệm vụ mà cơ quan được phân quyền không được phân quyền tiếp cho cơ quan khác. Trong khi đó, hình thức phân cấp có thể được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, chủ thể được phân cấp có thể tiếp tục phân cấp cho cơ quan cấp dưới thực hiện nếu được sự đồng ý của cơ quan đã phân cấp.

### **1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã sau sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp**

Theo Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành, UBND xã có 10 nhóm nhiệm vụ. Trong đó, nhiệm vụ số 10 là “*Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật*”.

Về các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã ban hành 28 nghị định về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền trên các lĩnh vực quản lý nhà nước<sup>1</sup>. Trong 28

<sup>1</sup> Danh sách 28 nghị định và toàn văn nghị định truy cập tại: <https://baochinhpheu.vn/toan-van-28-nghi-dinh-ve-phan-quyen-phan-cap-phan-dinh->

[tham-quyen-giua-chinh-phu-va-chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-102250613104134297.htm](https://tham-quyen-giua-chinh-phu-va-chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-102250613104134297.htm)

Nghị định này, UBND cấp xã được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực tài chính: Nghị định số Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định UBND cấp xã thực hiện 25 nhiệm vụ của UBND cấp huyện (trước đây). Ngoài ra, tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương, UBND cấp tỉnh có thể xem xét, giao thêm cho UBND cấp xã thực hiện thêm một số nhiệm vụ của UBND cấp huyện trước đây (Điều 7, Điều 16, khoản 2 Điều 45).

- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định 10 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã. Nghị định cũng quy định về trình tự, thủ tục hành chính được phân định trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có liên quan đến điều chỉnh, phân định thẩm quyền của UBND cấp xã tại 10 phụ lục kèm theo Nghị định.

- Lĩnh vực đất đai: Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh

vực đất đai, trong đó quy định một số thẩm quyền của UBND cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho UBND cấp xã (khoản 1 Điều 10); quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong quản lý nhà nước về đất đai (Điều 14). Nghị định cũng quy định cụ thể trình tự, thủ tục, các mẫu văn bản hành chính trong lĩnh vực đất đai khi phân cấp, phân định thẩm quyền tại 02 phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực công thương: Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương quy định 11 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực xây dựng: Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định 20 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Nội vụ: Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, trong đó quy định 05 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã. Nghị định số 129/2025/NĐ-CP cũng quy định cụ thể về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nội vụ có liên quan đến việc phân định thẩm quyền của UBND cấp xã tại Phụ lục kèm theo Nghị định.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 128/2025/N Đ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ, trong đó phân cấp 02 nhóm nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ cho UBND cấp xã.

Để tiếp tục phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ, trong đó quy định 04 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Tư pháp: Nghị định 120/2025/N Đ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, trong đó quy định 05 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và đào tạo, quy định 07 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: Nghị định số 132/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định

thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học Công nghệ quy định 04 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Nghị định 137/2025/N Đ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch quy định 07 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

- Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo: Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo quy định 06 nhóm nhiệm vụ của UBND cấp xã.

## **2. Một số hạn chế trong phân cấp, phân quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa**

Thanh Hóa là tỉnh có đặc điểm dân cư đông, địa hình rộng và phức tạp. Sau sáp nhập, toàn tỉnh có 166 đơn vị hành chính xã, phường. Phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã trong thời gian qua đã góp phần tăng cường hiệu quả cung cấp dịch vụ công thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính của chính quyền địa phương, bên cạnh đó tạo cơ sở cho những quyết sách chính trị mới, quản lý sáng tạo hơn nhờ sự chủ động, linh

hoạt của chính quyền địa phương. Theo Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của UBND tỉnh Thanh Hóa quý I/2026, tỷ lệ giải quyết hồ sơ hành chính đúng hạn tại cấp xã đạt trên 98%, cho thấy sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả quản lý hành chính [5].

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tại Thanh Hóa trong thời gian qua cũng đã bộc lộ những khó khăn, hạn chế, cụ thể đó là:

*Một là*, phân cấp, phân quyền còn dàn trải, chưa có tính đặc thù giữa thực tiễn quản lý của chính quyền cấp xã ở khu vực đô thị với khu vực miền núi, hải đảo. Thực tế cho thấy, chính quyền cấp xã ở khu vực miền núi, hải đảo có địa bàn rộng, địa hình trắc trở, đông đồng bào dân tộc thiểu số, yếu tố nước ngoài vùng biên giới phức tạp. Hệ thống đường truyền và thiết bị công nghệ thông tin ở những địa bàn này cũng chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Trong khi đó số lượng và trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức tại khu vực miền núi, hải đảo còn nhiều hạn chế, gây ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã miền núi, hải đảo so với khu vực đô thị.

*Hai là*, chưa có sự đồng bộ giữa

phân cấp thẩm quyền với phân bổ nguồn lực cho chính quyền địa phương cấp xã. Về mặt pháp lý và yêu cầu thực tiễn, cơ quan phân cấp có nghĩa vụ phân bổ và đảm bảo các nguồn lực về nhân lực, vật lực cần thiết để cơ quan được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là về đội ngũ công chức có chuyên môn phù hợp. Nhiều xã miền núi ở Thanh Hoá đang thiếu công chức ở các vị trí chuyên môn như kế toán, địa chính, tư pháp, gây khó khăn cho việc vận hành bộ máy [4]. Tỉnh Thanh Hóa đang triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính đặc thù (theo Nghị quyết 34/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh) để thu hút và điều động cán bộ, công chức về các xã đặc biệt khó khăn, tuy nhiên hiệu quả triển khai thực tế vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại nhiều địa phương cũng chưa được đầu tư hiện đại, đồng bộ; hệ thống dữ liệu chưa đảm bảo tính “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” nên chưa đáp ứng thuận lợi cho việc thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến.

*Ba là*, năng lực của chính quyền cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện thẩm quyền quản lý được phân cấp. Đây là hệ quả tất yếu từ hai bất cập nêu trên. Sau khi chính quyền địa phương cấp huyện kết thúc hoạt động, 90/99 nhiệm vụ từ cấp huyện sẽ chuyển xuống cấp xã [3]. Như vậy,

phần lớn nhiệm vụ quản lý của cấp huyện trước đây sẽ do cấp xã hiện nay đảm nhiệm, trong đó có nhiều lĩnh vực chuyên môn trước đây chính quyền cấp xã chưa được giao quản lý, không bố trí công chức phụ trách như giáo dục, y tế, xây dựng, tư pháp có yếu tố nước ngoài... Đơn cử với lĩnh vực giáo dục, một số địa phương còn tình trạng công chức không có chuyên môn liên quan tới giáo dục (như quản lý đất đai, kỹ sư chăn nuôi) phụ trách công tác giáo dục, đào tạo [1].

### **3. Giải pháp bảo đảm phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở Việt Nam**

#### ***3.1. Tiếp tục hoàn thiện chế chế, bảo đảm cân đối giữa phân cấp thẩm quyền với phân bổ thẩm quyền, có tính đến sự khác biệt giữa các vùng miền***

Thế chế là cơ sở nền tảng để triển khai thực hiện việc phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp xã. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết, hoàn thiện các quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền, trước hết phải đảm bảo các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống*

*chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*”. Quan điểm được nhấn mạnh trong các nghị quyết trên của Đảng đó là phải đổi mới tư duy từ “quản lý – kiểm soát” sang tư duy “quản trị - kiến tạo”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.[6]

Bên cạnh đó, cần nhận thức rõ là quy mô và chức năng của chính quyền địa phương cấp xã hiện nay đã có nhiều thay đổi, do đó nguồn lực được phân bổ cũng cần tương xứng với nhiệm vụ được giao. Trong các điều kiện về nguồn lực cần được bảo đảm cho chính quyền cấp xã, yếu tố con người là trọng yếu và then chốt. Do đó, pháp luật về cán bộ, công chức cần được hoàn thiện theo hướng cho phép chính quyền cấp xã tham gia trực tiếp vào quá trình tuyển dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại các cơ quan nhà nước, ví dụ như: phân cấp cho chính quyền cấp xã thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức theo phân bổ chỉ tiêu biên chế được giao; xét tuyển vào làm công chức đối với các trường hợp có trình độ chuyên môn phù hợp, có đủ thời gian đảm nhiệm vị trí việc làm cần

tuyển dụng từ đủ 05 năm trở lên; ưu đãi về lương, nhà ở đối với công chức được điều động đến làm việc ở các xã miền núi, biên giới, hải đảo.... Cùng với đó, hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công cũng cần được kịp thời quan tâm rà soát, sửa đổi khi có sự thay đổi của các quy định có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.<sup>2</sup>

Khi xây dựng thể chế về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan có thẩm quyền cần tính đến sự khác biệt về điều kiện kinh tế, dân cư, xã hội giữa khu vực đô thị và khu vực miền núi, hải đảo, không nên “cào bằng” chức năng, nhiệm vụ giữa các địa phương này. Trong giai đoạn bước đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, một số nhiệm vụ có tính pháp lý phức tạp, cần trình độ quản lý cao hoặc hệ thống công nghệ thông tin hiện đại thì nên chuyển cho cấp tỉnh thực hiện, trước mắt không nên giao cho chính quyền cấp xã ở khu vực miền núi, hải đảo thực hiện, ví dụ như: phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất diện tích lớn, rừng phòng hộ; phê duyệt các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cầu, cảng, đường giao thông

huyết mạch; các dự án đầu tư công cần vốn lớn, đòi hỏi thủ tục quyết toán chặt chẽ; xử lý các vi phạm về tài nguyên, môi trường trái phép có quy mô lớn, thiệt hại nghiêm trọng... Sau một thời gian triển khai thực hiện, khi chính quyền các xã miền núi, biên giới, hải đảo trên cả nước cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu về nhân lực, vật lực, pháp luật có thể được điều chỉnh lại cho phù hợp với điều kiện thực tế.

### ***3.2. Tăng cường các giải pháp đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã***

Một là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tạo bước đột phá trong việc thực hiện thẩm quyền của chính quyền cấp xã. Với quy mô về diện tích, dân cư của các địa phương như hiện tại, việc ứng dụng công nghệ thông tin theo tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW và cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cung ứng các dịch vụ công là cơ sở quan trọng để giảm thiểu việc đi lại của người dân và thời gian xử lý của cán bộ, công chức. Muốn vậy, hệ thống các phần mềm, ứng dụng quản lý cũng cần được nghiên cứu để tích hợp các chức năng, hướng tới giảm thiểu tối

<sup>2</sup> Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị định 186/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp

trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định 286/2025/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

đa các phần mềm, ứng dụng cần triển khai thực hiện tới người dân. Hệ thống máy vi tính, truyền tải dữ liệu cần được đầu tư mới hoặc nâng cấp để đáp ứng tốc độ xử lý với cường độ truy cập cao trong cùng một thời điểm, tránh xảy ra hiện tượng tắc nghẽn trong quá trình truy cập, xử lý thủ tục. Việc lắp đặt hệ thống bảo mật thông tin là biện pháp cần được quan tâm nhằm bảo đảm an toàn cho hệ thống dữ liệu quản lý.

*Hai là*, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để sớm đáp ứng các nhiệm vụ được phân cấp. Chất lượng nguồn nhân lực luôn đóng vai trò là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai thi hành pháp luật, thực hiện quản lý nhà nước. Để xử lý các tình huống đòi hỏi hiểu biết pháp lý sâu rộng và kịp thời ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chính quyền cấp xã cần có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Muốn vậy, mỗi cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng được đề án vị trí việc làm thực sự phù hợp, trong đó xác định rõ các vị trí việc làm với nhiệm vụ cụ thể; số lượng cần sử dụng của mỗi vị trí; yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp của từng vị trí. Các cơ quan, tổ chức cần nhận thức rõ nguyên tắc:

từ chức năng sinh ra nhiệm vụ, quyền hạn; từ nhiệm vụ, quyền hạn xác định cơ cấu, tổ chức và vị trí việc làm phù hợp (người theo việc); tránh hiện tượng cố gắng xây dựng thật nhiều vị trí việc làm để phù hợp với số lượng, năng lực của con người hiện có (việc theo người).

Căn cứ đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có, cơ quan có thẩm quyền cần có phương án phù hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, ví dụ như: điều chuyển lại vị trí công việc của đội ngũ công chức hiện có để phù hợp giữa năng lực cá nhân và yêu cầu của vị trí việc làm; cử công chức đi bồi dưỡng đối với các công chức có trình độ chuyên môn phù hợp nhưng cần tập huấn thêm về nghiệp vụ; tuyển dụng mới đối với các vị trí còn thiếu... Việc đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần và điều kiện làm việc, cơ hội thăng tiến cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã là việc làm cần thiết để nâng cao hiệu quả làm việc của chính quyền cấp xã. Bổ sung quy hoạch, cơ cấu vào các vị trí lãnh đạo, quản lý sau khi công chức được điều động, biệt phái là giải pháp tốt để thu hút công chức đến làm việc, thể hiện năng lực tại các xã miền núi, hải đảo.

*Ba là*, đảm bảo sự kiểm tra, sự giám sát thường xuyên, kịp thời đối với hoạt động của chính quyền cấp xã.

Mục tiêu của phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương nhằm để chính quyền cấp xã gần dân hơn, phục vụ người dân tốt hơn và phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Do đó, bên cạnh việc giao thêm nhiệm vụ và phân bổ thêm nguồn lực cho chính quyền cấp xã, cơ quan phân cấp, phân quyền cần thường xuyên tiến hành các biện pháp kiểm tra để kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm của chính quyền cấp xã. Cùng với đó, đảng uỷ các cấp cần tăng cường chỉ đạo để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát sâu, phản biện thực chất đối với hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã. Bên cạnh sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, cần phát huy vai trò của “nhánh quyền lực thứ tư” - dư luận xã hội, nói cách khác chính là phát huy vai trò giám sát, phản biện của báo chí và người dân thông qua các phương tiện truyền thông và nền tảng mạng xã hội (facebook, ticktock, youtube...).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp (2025), Báo cáo số 71-BC/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2025 về đánh giá sơ bộ khả năng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương, Hà Nội.
2. Lam Giang (2025), “*Tổng Bí thư Tô Lâm: Xây dựng Chính quyền theo hướng gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn*”, Báo Đại biểu nhân dân điện tử, <https://daibieunhandan.vn/tong-bi-thu-to-lam-xay-dung-chinh-quyen-theo-huong-gan-dan-sat-dan-phuc-vu-nhan-dan-tot-hon-10364124.html>, truy cập ngày 10/4/2025.
3. Thu Giang (2025), “*Chính quyền địa phương 2 cấp: Sẽ chuyển 90/99 nhiệm vụ từ huyện xuống xã*”, Báo điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-se-chuyen-90-99-nhiem-vu-tu-huyen-xuong-xa-102250507182737922.htm>, truy cập ngày 07/5/2025.
4. Quỳnh Trâm (2025), “*Nhiều xã miền núi ở Thanh Hóa thiếu cán bộ sau sắp xếp*”, Báo Vietnamnet, <https://vietnamnet.vn/nhieu-xa-mien-nui-o-thanh-hoa-thieu-can-bo-sau-sap-xep>, truy cập ngày 16/7/2025.
5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2026), Công văn số 5382/UBND-THĐT ngày 27/3/2026 về việc báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2026 của tỉnh Thanh Hóa (gửi Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương), Thanh Hóa.
6. Võ Khánh Vinh (2025), *Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số tháng 11+12 (443)/2025.

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA GIẢNG VIÊN TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ XÃ THỌ XUÂN

Hà Thị Ngọc

*Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân*

### 1. Mở đầu

**T**rong hoạt động lý luận của Đảng, tổng kết thực tiễn được xác định là phương thức quan trọng nhằm kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận. Đối với Trung tâm Chính trị cấp xã, hoạt động này không chỉ có ý nghĩa về phương pháp luận mà còn gắn trực tiếp với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở cấp xã phụ thuộc đáng kể vào mức độ gắn kết giữa nội dung lý luận với thực tiễn địa phương. Trong bối cảnh đó, năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên trở thành yếu tố then chốt, quyết định khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành các nội dung giảng dạy có tính ứng dụng cao, phù hợp với yêu cầu công tác của cán bộ cơ sở.

Về phương diện lý luận, năng lực tổng kết thực tiễn được hiểu là khả năng phát hiện, phân tích, khái quát và luận giải các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nhằm rút ra những kết luận có giá trị khoa học và định hướng hành động. Năng lực này có thể được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản: (i) năng

lực phát hiện và lựa chọn vấn đề; (ii) năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; (iii) năng lực thu thập, xử lý thông tin; (iv) năng lực phân tích, khái quát và luận giải; (v) giá trị và khả năng ứng dụng của sản phẩm tổng kết.

Trong điều kiện hiện nay, khi yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng cao, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân là yêu cầu cấp thiết, không chỉ có ý nghĩa đối với nâng cao chất lượng giảng dạy, mà còn góp phần trực tiếp phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

### 2. Nội dung

#### ***2.1. Thực trạng năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân***

Trong những năm gần đây, Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân đã có những chuyển biến tích cực trong việc gắn hoạt động giảng dạy với thực tiễn địa phương. Đội ngũ giảng viên cơ bản nhận thức đúng về vai trò của tổng kết thực tiễn; bước đầu đưa các yếu tố thực tiễn vào bài giảng thông qua việc liên hệ các mô hình, cách

làm trong công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội và quản lý hành chính ở cơ sở.

Tuy nhiên, xét theo các tiêu chí đánh giá năng lực tổng kết thực tiễn, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Việc phát hiện và lựa chọn vấn đề tổng kết chưa thực sự có trọng tâm, thiếu tính điển hình và khả năng khái quát. Hoạt động tổng kết còn thiên về mô tả hiện trạng, chưa làm rõ bản chất và nguyên nhân của vấn đề. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin còn hạn chế, thiếu tính hệ thống và đối chiếu so sánh giữa các địa bàn. Đặc biệt, kết quả tổng kết chưa được chuyển hóa một cách hiệu quả vào giảng dạy và tham mưu chính sách.

Những hạn chế trên cho thấy năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

## **2.2. Giải pháp nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn**

### **2.2.1. Nâng cao năng lực phát hiện và lựa chọn vấn đề**

Phát hiện và lựa chọn đúng vấn đề là khâu có ý nghĩa quyết định, chi phối trực tiếp chất lượng và giá trị của hoạt động tổng kết thực tiễn. Với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên cho 08 xã trong khu vực, việc phát hiện và lựa chọn vấn đề tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm

Chính trị xã Thọ Xuân không thể dừng lại ở phạm vi một địa bàn riêng lẻ, mà phải đặt thực tiễn từng xã trong mối liên hệ so sánh, liên thông và khái quát vùng để phát hiện những vấn đề có tính phổ quát hoặc có giá trị điển hình trong toàn khu vực.

Để thực hiện hiệu quả yêu cầu đó, giảng viên phải quán triệt sâu sắc yêu cầu xuyên suốt là đi sâu cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị và lựa chọn đúng vấn đề cốt lõi. Thông qua việc thường xuyên đi cơ sở, dự sinh hoạt chi bộ, tham gia các hội nghị và hoạt động thực tiễn tại 08 xã được phân công, giảng viên kịp thời nhận diện những vấn đề nổi lên (những khó khăn vướng mắc, mô hình, cách làm hay, hiệu quả...) trong tổ chức thực hiện nghị quyết, trong xây dựng đội ngũ cán bộ và trong hiệu quả vận hành của hệ thống chính trị cơ sở. Từ đó lựa chọn đúng, trúng và có chiều sâu vấn đề để tổng kết vừa đảm bảo gắn chặt với nhiệm vụ chính trị trọng tâm; phản ánh trung thực thực tiễn của từng xã vừa mang tính điển hình, có khả năng khái quát và nhân rộng, đồng thời phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm chính trị cấp xã. Chỉ trên cơ sở đó, tổng kết thực tiễn mới thực sự trở thành nền tảng quan trọng để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý ở cơ sở trong toàn khu vực.

### 2.2.2. Chuẩn hóa việc xác lập mục tiêu và xây dựng kế hoạch tổng kết thực tiễn

Chuẩn hóa việc xác lập mục tiêu và kế hoạch tổng kết thực tiễn là điều kiện tiên quyết bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và hiệu quả vận dụng của hoạt động tổng kết.

Mục tiêu tổng kết phải được xác định rõ ràng, đúng trọng tâm, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị của địa phương, bám sát chủ trương, nghị quyết của Đảng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy xã; đồng thời hướng trực tiếp vào yêu cầu nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng và quản lý nhà nước ở cơ sở.

Đối với Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân, mục tiêu tổng kết cần được đặt trong tầm nhìn liên xã, tập trung làm rõ những vấn đề chung đang đặt ra như: nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ sau sắp xếp đơn vị hành chính; phát huy vai trò người đứng đầu; đổi mới phương thức vận động Nhân dân gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn hiện đại... Trên cơ sở mục tiêu đã xác định, giảng viên cần xây dựng kế hoạch tổng kết cụ thể, khả thi, xác định rõ nội dung, phạm vi, đối tượng, phương pháp và thời gian thực hiện, phù hợp với điều kiện và nguồn lực của Trung tâm chính trị cấp xã.

### 2.2.3. Tăng cường kỹ năng thu thập, xử lý thông tin thực tiễn

Chất lượng tổng kết thực tiễn phụ thuộc trực tiếp vào kỹ năng thu thập, xử lý và hệ thống hóa thông tin ở cơ sở. Giảng viên cần nâng cao kỹ năng thu thập thông tin theo hướng đa nguồn, đa chiều nhưng phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, tránh sao chép, hình thức. Kết hợp linh hoạt các hình thức thu thập thông tin như: nghiên cứu văn bản, báo cáo, đi thực tế để quan sát, trao đổi trực tiếp cùng cán bộ chủ chốt ở xã, thôn, đảng viên và Nhân dân, hoặc điều tra bằng phiếu, phỏng vấn...).

Thông tin thu thập phải được phân loại, hệ thống hóa và đối chiếu giữa các xã để làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt, từ đó nhận diện đúng được thuộc tính, bản chất, nguyên nhân của vấn đề, khắc phục tình trạng tổng kết thiên về mô tả hiện tượng, thiếu chiều sâu khái quát.

### 2.2.4. Nâng cao năng lực phân tích, rút kinh nghiệm và luận giải thực tiễn

Tổng kết thực tiễn cần được thực hiện trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn vùng. Giảng viên phải chuẩn hóa quy trình phân tích theo logic khoa học: bối cảnh chung của khu vực - chủ trương của Đảng - quá trình tổ chức thực hiện ở các xã - kết quả đạt được - hạn chế, nguyên nhân - bài học kinh nghiệm.

Thông qua sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và

thảo luận các vấn đề thực tiễn của 08 xã với đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên chuyên trách của Trung tâm từng bước nâng cao năng lực lập luận, phản biện, khái quát lý luận và tính thuyết phục khoa học của giảng viên.

#### 2.2.5. *Đẩy mạnh ứng dụng kết quả tổng kết thực tiễn vào giảng dạy*

Kết quả tổng kết phải được chuyển hóa trực tiếp vào bài giảng, tài liệu bồi dưỡng. Giảng viên cần tích hợp các mô hình hay, cách làm hiệu quả của các xã trong khu vực vào từng chuyên đề; xây dựng tình huống thực tiễn mang tính so sánh, liên thông để học viên thảo luận, rút kinh nghiệm.

Hoạt động sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, rút kinh nghiệm cần tập trung đánh giá mức độ vận dụng thực tiễn của 08 xã vào bài giảng; tiến tới xây dựng ngân hàng tư liệu thực tiễn vùng của Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân, phục vụ lâu dài cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

#### 2.2.6. *Hoàn thiện thể chế, cơ chế và bảo đảm nguồn lực*

Hoàn thiện thể chế, cơ chế và bảo đảm nguồn lực không chỉ là điều kiện cần mà còn là yếu tố quyết định trực tiếp đến chất lượng và bảo đảm tính bền vững của hoạt động tổng kết thực tiễn.

Trung tâm chính trị cần xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quy định rõ mục tiêu, nội dung, quy trình thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của giảng viên; đồng thời gắn

kết quả tổng kết với đánh giá, xếp loại và công tác thi đua khen thưởng hằng năm.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế khuyến khích giảng viên tham gia tổng kết thực tiễn thông qua việc tính giờ nghiên cứu thực tế vào định mức giờ chuẩn; có chính sách khen thưởng đối với các sản phẩm có giá trị ứng dụng cao. Đồng thời, cần có cơ chế ưu tiên sử dụng kết quả tổng kết thực tiễn trong xây dựng bài giảng, tài liệu bồi dưỡng và phục vụ công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương.

Về bảo đảm nguồn lực, cần bố trí kinh phí phù hợp cho hoạt động khảo sát, điều tra thực tế, tổ chức tọa đàm, hội thảo chuyên đề; tạo điều kiện về thời gian để giảng viên tham gia nghiên cứu thực tiễn theo kế hoạch.

Một nội dung quan trọng là tăng cường bảo đảm nguồn lực thông tin phục vụ tổng kết thực tiễn. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cần định hướng phát triển hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động tổng kết thực tiễn theo hướng đồng bộ, liên thông, bao gồm hệ thống lưu trữ dữ liệu, công cụ hỗ trợ thu thập và xử lý thông tin, cũng như cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa Trung tâm với các xã. Việc hình thành nền tảng dữ liệu thực tiễn không chỉ nâng cao hiệu quả tổng kết mà còn góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng tham mưu chính sách ở cơ sở.

Việc hoàn thiện thể chế, cơ chế và bảo đảm nguồn lực cần được triển khai đồng bộ, gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm tính khả thi, tránh hình thức, qua đó tạo nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị cấp xã.

### **3. Trách nhiệm của các chủ thể có liên quan**

Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân đòi hỏi sự tham gia trách nhiệm, đồng bộ của nhiều chủ thể, trong đó mỗi chủ thể giữ vai trò và trách nhiệm khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau.

#### **3.1. Trách nhiệm của giảng viên Trung tâm chính trị xã Thọ Xuân**

Để nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn theo Bộ tiêu chí, trước hết cần xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của từng giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân. Mỗi giảng viên phải coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên và là thước đo năng lực nghề nghiệp, đồng thời là trách nhiệm chính trị trực tiếp. Quá trình tổng kết phải được thực hiện bài bản, từ khâu phát hiện vấn đề, xây dựng kế hoạch, đi cơ sở thu thập thông tin, đến phân tích rút kinh nghiệm và ứng dụng kết quả - mỗi khâu đều gắn với trách nhiệm cá nhân cụ thể, không làm hình thức, không đối phó. Kết quả tổng kết không dừng lại ở báo cáo, mà phải được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy, làm cho bài giảng sát thực tiễn,

góp phần nâng cao năng lực thực tiễn cho cán bộ, đảng viên cấp xã.

#### **3.2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc Trung tâm chính trị xã Thọ Xuân**

Ban Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân chịu trách nhiệm toàn diện trong lãnh đạo, tổ chức và điều hành công tác tổng kết thực tiễn, đồng thời giữ vai trò quyết định trong việc triển khai hiệu quả các giải pháp về hoàn thiện thể chế, cơ chế và bảo đảm nguồn lực.

Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc cần: (1) hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình và cụ thể hóa bộ tiêu chí đánh giá năng lực tổng kết thực tiễn thành tiêu chuẩn chuyên môn, tiêu chí đánh giá giảng viên hằng năm; (2) thiết lập cơ chế quản lý, điều hành chặt chẽ, định hướng nội dung tổng kết gắn với nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, đồng thời gắn kết quả tổng kết với công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng đội ngũ; (3) chủ động bảo đảm và huy động nguồn lực cần thiết như kinh phí, thời gian, điều kiện khảo sát thực tế và phối hợp với các cơ quan, đơn vị để hỗ trợ hoạt động tổng kết.

Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm đồng bộ, thường xuyên, có kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời, qua đó hình thành nền nếp tổng kết thực tiễn nghiêm túc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trung tâm theo hướng thiết thực và bền vững.

### **3.3. Trách nhiệm của Đảng ủy các xã trong khu vực**

**3.3.1. Đối với Đảng ủy xã Thọ Xuân - nơi trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Trung tâm Chính trị**

Đảng ủy xã Thọ Xuân có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện đối với hoạt động của Trung tâm Chính trị, trong đó có công tác tổng kết thực tiễn. Cấp ủy cần nhận thức rõ nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của Trung tâm Chính trị chính là góp phần trực tiếp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của hệ thống chính trị cấp xã. Do đó, cần tạo cơ chế thuận lợi để Trung tâm tiếp cận thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo ở xã; kịp thời định hướng những vấn đề lớn, vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn để Trung tâm nghiên cứu, tổng kết; khuyến khích sử dụng kết quả tổng kết trong lãnh đạo, điều hành.

Đồng thời, cấp ủy cần đưa nội dung tổng kết thực tiễn của Trung tâm vào công tác kiểm tra, giám sát, coi đây là tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên.

**3.3.2. Đối với Đảng ủy các xã trong khu vực:** cần chủ động phối hợp, tạo điều kiện để giảng viên Trung tâm tiếp cận thực tiễn địa phương; cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, phản ánh trung thực những khó khăn, vướng mắc trong

quá trình lãnh đạo, quản lý; coi hoạt động tổng kết thực tiễn của Trung tâm là kênh quan trọng để hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở.

### **3.4. Trách nhiệm của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa**

Giữ vai trò hướng dẫn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn cho đội ngũ giảng viên trung tâm chính trị cấp xã, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm hướng dẫn thống nhất về phương pháp nghiên cứu, quy trình tổng kết thực tiễn; kịp thời cập nhật những yêu cầu mới về nội dung, tiêu chí và chuẩn mực khoa học trong tổng kết gắn với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở. Đồng thời, Trường cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, sinh hoạt khoa học, trao đổi kinh nghiệm tổng kết thực tiễn; hỗ trợ, thẩm định và góp ý các sản phẩm tổng kết của giảng viên trung tâm chính trị cấp xã. Qua đó, từng bước hình thành mạng lưới tổng kết thực tiễn thống nhất, có chiều sâu trong toàn tỉnh; bảo đảm kết quả tổng kết không chỉ phục vụ trực tiếp cho giảng dạy, đào tạo tại cơ sở mà còn được Trường Chính trị tỉnh chọn lọc, lan tỏa, tích hợp thành nguồn tri thức thực tiễn chung, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ nghiên cứu lý luận và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp.

### 3. Kết luận

Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của giảng viên Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở. Đây không chỉ là giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị mà còn góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ tạo nên tảng quan trọng để Trung tâm Chính trị phát huy vai trò trong gắn kết lý luận với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN CỦA MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở PHƯỜNG HẠC THÀNH

**Trần Huyền Trang**

*Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Chủ tịch UB MTTQ, Bí thư Đoàn thanh niên phường Hạc Thành*

**T**rong tiến trình đổi mới và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là cầu nối gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, đồng thời là nơi phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Với chức năng tập hợp, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, MTTQ và các đoàn thể không chỉ góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống mà còn tham gia giám sát, phản biện, xây dựng pháp luật, củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Theo Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW<sup>1</sup> ngày

12/12/2013 của Bộ Chính trị, Hiến pháp năm 2013<sup>2</sup>; giám sát và phản biện xã hội là hai chức năng quan trọng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Giám sát xã hội được hiểu là việc theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm phát hiện những hạn chế, thiếu sót, vi phạm để kiến nghị điều chỉnh, xử lý kịp thời. Phản biện xã hội là việc tham gia góp ý, nhận xét, đánh giá đối với các dự thảo chủ trương, chính sách, pháp luật trước khi ban hành, bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn, phản ánh đúng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nâng cao tính khả thi và hiệu quả thực hiện.

<sup>1</sup> Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

<sup>2</sup> Điều 9 Hiến pháp 2013 nêu: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của

chính quyền nhân dân, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”

Như vậy, giám sát giúp điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện, còn phản biện góp phần hoàn thiện ngay từ khâu ban hành chính sách, tạo cơ chế phát huy dân chủ, củng cố đồng thuận xã hội và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Giám sát và phản biện xã hội không chỉ là kênh quan trọng để nhân dân tham gia quản lý xã hội, mà còn là cơ chế tăng cường dân chủ, củng cố niềm tin, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Đối với thành phố Thanh Hóa (trước đây) - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, hoạt động giám sát và phản biện xã hội trong những năm qua được triển khai đi vào thực tiễn, từng bước khẳng định vai trò quan trọng

của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố đều xây dựng kế hoạch giám sát, lựa chọn các chuyên đề phù hợp với tình hình thực tiễn và nguyện vọng của Nhân dân. Các lĩnh vực “nóng” như quản lý đất đai, trật tự xây dựng, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chính sách an sinh xã hội... đều được quan tâm giám sát. Giai đoạn 2019 - 2024, Ủy ban MTTQ thành phố đã chủ trì và phối hợp tổ chức 20 cuộc giám sát chuyên đề tại 78 đơn vị<sup>3</sup> ở các lĩnh vực như quản lý đất đai, trật tự xây dựng, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chính sách an sinh xã hội. Bằng việc tổ chức các đoàn kiểm tra, khảo sát thực địa, tiếp nhận phản ánh

3 - Năm 2020: Chủ trì 04 cuộc về: Giám sát việc hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19; giám sát về công tác quản lý nhà nước về An toàn VSTP; giám sát việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2018, 2019; giám sát về cải cách thủ tục hành chính tại Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Tài nguyên Môi trường và Phòng Nội vụ UBND thành phố.

- Năm 2021: Chủ trì 04 cuộc về: Giám sát về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; giám sát về công tác cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ đối với Đảng bộ các phường, xã; giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chủ tịch UBND các phường, xã năm 2021; giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

- Năm 2022: Chủ trì giám sát 03 cuộc tại 05 đơn vị: Giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 tại UBND thành phố; Giám sát việc thực hiện pháp luật về vệ sinh an toàn

thực phẩm tại phường Quảng Đông và Quảng Thành; Giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở (Khoản 4 Điều 5) của Pháp lệnh 34/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp tại phường Đông Cương và phường Nam Ngạn.

- Năm 2023: Chủ trì giám sát 04 nội dung tại 10 đơn vị, cụ thể: giám sát việc thực hiện Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá tại phường Ngọc Trạo và Quảng Thắng; giám sát công tác quản lý nhà nước về An toàn Vệ sinh thực phẩm trên địa bàn phường Long Anh và Tân Sơn; giám sát việc thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) tại 04 phường, xã: Đông Hương, Tào Xuyên, Quảng Đông, Đông Vinh; giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chủ tịch UBND phường Trường Thi và phường Quảng Phú.

của cử tri và Nhân dân, nhiều sai phạm, bất cập đã được kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý. Ở cấp cơ sở, vai trò của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng được phát huy. Trong giai đoạn này, Ban Thanh tra Nhân dân đã giám sát 196 cuộc, Ban giám sát đầu tư cộng đồng đã giám sát 186 công trình, dự án dân sinh; trở thành “tai mắt của dân” trong việc theo dõi các công trình phúc lợi, kiến nghị khắc phục nhiều sai sót về tiến độ, chất lượng vật liệu, cũng như tình trạng thi công gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo tính minh bạch trong thu - chi các loại quỹ vận động ở khu dân cư, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân vào chính quyền.

Công tác phản biện xã hội cũng đạt nhiều kết quả tích cực. Trước khi ban hành các chủ trương, chính sách quan trọng, nhất là các dự thảo nghị quyết HĐND, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đề án chỉnh trang đô thị, chính sách an sinh, phương án giá dịch vụ công, Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ thành phố, Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025... Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đều được tham gia góp ý. Các hội nghị phản biện được tổ chức công khai, dân chủ, có sự tham gia của cán bộ chuyên môn, trí thức, đại diện tầng lớp Nhân dân. Nhiều ý kiến phản biện đã đi thẳng vào những điểm còn hạn chế của dự thảo, đề xuất phương án thay thế hoặc điều chỉnh cụ

thể, giúp cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa, từ đó nâng cao chất lượng và tính khả thi của chính sách. Thống kê cho thấy, có tới 70% ý kiến phản biện được cơ quan soạn thảo tiếp thu toàn bộ hoặc một phần, góp phần làm cho văn bản ban hành sát thực tiễn hơn, được Nhân dân đồng thuận cao. Có thể khẳng định rằng, nhờ cơ chế phản biện, nhiều quyết sách lớn của thành phố trước đây đã nhận được sự đồng thuận xã hội cao ngay từ khâu chuẩn bị.

Thực tiễn triển khai đã mang lại những kết quả nổi bật. Trước hết, hoạt động giám sát và phản biện góp phần làm cho bộ máy chính quyền các cấp trở nên minh bạch, kỷ cương hơn, hạn chế tình trạng quan liêu, cửa quyền; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Đơn cử, nhờ giám sát cải cách thủ tục hành chính, thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa (trước đây) (Trung tâm phục vụ hành chính công hiện nay) đã rút ngắn so với trước đây. Thứ hai, nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, người có công, cứu trợ thiên tai được triển khai đúng đối tượng, đúng chế độ nhờ có sự giám sát chặt chẽ của Mặt trận và đoàn thể. Hoạt động giám sát đã giúp kịp thời chi trả trợ cấp cho các đối tượng chính sách, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn và các chương trình hỗ trợ sinh kế. Thứ ba, quyền làm chủ của Nhân dân ngày càng được mở rộng thông qua các kênh tiếp

xúc cử tri, đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo chính quyền với người dân, hay các ứng dụng công nghệ thông tin để phản ánh, kiến nghị. Những kết quả đó không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tăng cường sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

Dẫu vậy, công tác giám sát và phản biện xã hội ở thành phố Thanh Hóa trước đây vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Một số cuộc giám sát còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa chạm đến các vấn đề cốt lõi. Nhiều ý kiến phản biện còn dè dặt, nể nang, ngại va chạm nên tính sắc bén chưa cao, chưa tạo sức ép mạnh mẽ để chính quyền điều chỉnh chính sách. Cơ chế cung cấp thông tin phục vụ giám sát, phản biện còn hạn chế, nhiều tài liệu kỹ thuật, số liệu chuyên môn khó tiếp cận, dẫn đến việc kiến nghị đôi khi chưa thật sự thuyết phục. Một số kiến nghị sau giám sát chậm được phản hồi hoặc chưa được giải quyết dứt điểm, làm giảm hiệu quả và niềm tin vào hoạt động này. Ngoài ra, nguồn lực phục vụ công tác giám sát, phản biện còn eo hẹp; đội ngũ cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng phân tích chính sách, nghiên cứu xã hội học; hoạt động truyền thông về kết quả giám sát, phản biện chưa thường xuyên, chưa lan tỏa rộng rãi để Nhân dân thấy rõ tác động cụ thể.

Nguyên nhân của những hạn chế này có cả yếu tố khách quan và chủ quan. Một mặt, tính phức tạp, đa ngành của các vấn đề kinh tế - xã hội đòi hỏi kiến thức chuyên sâu, trong khi đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể chưa được trang bị đầy đủ. Mặt khác, ở một số cơ quan, đơn vị, văn hóa tiếp nhận phản biện còn chưa cầu thị, dẫn đến tình trạng chậm tiếp thu hoặc tiếp thu hình thức. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số để theo dõi, đánh giá sau giám sát chưa được triển khai đồng bộ, khiến cho hiệu quả giám sát bị hạn chế.

Có thể khẳng định rằng, công tác giám sát và phản biện xã hội của thành phố Thanh Hóa trong giai đoạn trước đây đã có bước tiến rõ rệt, góp phần thiết thực vào việc xây dựng chính quyền gần dân, vì dân. Song để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, đặc biệt khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đẩy mạnh chuyển đổi số, đòi hỏi hoạt động này phải được nâng lên tầm cao mới: chuyên nghiệp hơn, sâu sắc hơn, gắn với chuẩn mực pháp lý và chuẩn dữ liệu rõ ràng. Chỉ khi đó, giám sát và phản biện xã hội mới thật sự trở thành công cụ hiệu quả, góp phần xây dựng tỉnh Thanh Hóa phát triển văn minh, hiện đại, đồng thời củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

Phường Hạc Thành - đơn vị hành chính mới được hình thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 11 phường<sup>4</sup>. Sau khi thành lập, phường Hạc Thành có diện tích tự nhiên là 24,63 km<sup>2</sup> và quy mô dân số là 197.142 người. Phường có vị trí trung tâm, dân cư đông, tốc độ đô thị hóa nhanh - hoạt động giám sát và phản biện xã hội càng cần được đổi mới mạnh mẽ, trở thành công cụ quan trọng để củng cố niềm tin của Nhân dân, bảo đảm sự đồng thuận và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trước hết, định hướng chung trong giai đoạn tới là nâng cao tính chuyên nghiệp, khoa học và minh bạch trong toàn bộ quy trình giám sát, phản biện xã hội. Hoạt động này không chỉ dừng lại ở hình thức báo cáo hay hội nghị góp ý, mà cần gắn với thực tiễn đời sống, xuất phát từ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Mỗi kế hoạch giám sát, phản biện của MTTQ và các đoàn thể phải lựa chọn đúng trọng tâm, “chạm” đến những vấn đề mà cử tri và dư luận quan tâm như: quản lý đất đai, trật tự xây dựng, cải cách thủ tục hành chính, bảo vệ môi trường, chính sách an sinh xã hội, quản lý trật tự đô thị, phòng chống tệ nạn xã hội. Chỉ khi đó, giám sát và phản biện

mới thật sự tạo ra sức ép tích cực, góp phần làm cho chính quyền gần dân, vì dân.

Một định hướng quan trọng khác là phát huy vai trò của người dân và các tổ chức thành viên MTTQ. Thay vì chỉ trông chờ vào các đoàn giám sát định kỳ, cần mở rộng các kênh để người dân trực tiếp tham gia, thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, tổ dân phố, các tổ chức đoàn thể. Việc tăng cường dân chủ cơ sở sẽ tạo điều kiện để người dân được theo dõi, giám sát ngay từ đầu, phát hiện sai sót sớm, góp phần phòng ngừa tiêu cực, lãng phí.

Để đạt được những định hướng trên, trong thời gian tới, cần chú trọng thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể sau:

*Một là, phát huy tối đa vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, đồng thời tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội.*

Trước hết, Đảng ủy phường cần xác định công tác giám sát và phản biện xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đưa nội dung này vào nghị quyết hàng năm, gắn với công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy. Việc

4 Trường Thi, Phú Sơn, Điện Biên, Lam Sơn, Ba Đình, Ngọc Trạo, Đông Sơn, Đông Hương, Đông Hải, Đông Vệ và điều chỉnh diện tích tự nhiên là 1,85 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 14.892 người của phường Đông Thọ (khu vực từ đường Lý Thiên Bảo

đến sông Hạc về phía Nam); điều chỉnh diện tích tự nhiên là 0,44 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 1104 người của tổ dân phố Thăng Sơn, phường An Hưng (từ đường sắt Bắc - Nam về phía Đông; từ sông Nhà Lê về phía Đông Bắc và từ kênh Vinh về phía Bắc)

phân công cấp ủy viên phụ trách các chi bộ, khu dân cư phải đi đôi với trách nhiệm chỉ đạo, định hướng nội dung, tạo điều kiện về cơ chế, kinh phí và nhân lực cho MTTQ và các đoàn thể triển khai. Cùng với đó, cần xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các tổ chức thành viên, bảo đảm sự phân công rõ ràng nhưng gắn bó chặt chẽ, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

Để tăng tính hiệu quả, MTTQ phường cần làm tốt vai trò trung tâm đoàn kết, chủ động điều phối, lựa chọn nội dung giám sát, phản biện sát với thực tiễn và nhu cầu của Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện để từng đoàn thể phát huy thế mạnh riêng. Khi có sự phối hợp đồng bộ, phân công hợp lý, mỗi đoàn thể không chỉ phát huy được thế mạnh, tiếng nói của mình mà còn bổ sung cho nhau, hình thành sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, các đoàn giám sát, phản biện cần mời cấp ủy viên phụ trách lĩnh vực tham gia trực tiếp để vừa đảm bảo tính chính trị, vừa nâng cao tính khả thi trong chỉ đạo, giải quyết.

Quan trọng hơn, kết quả giám sát và phản biện phải được báo cáo trực tiếp với Đảng ủy, để cấp ủy kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các cơ quan chuyên môn tiếp thu, giải quyết kiến nghị. Khi vai trò lãnh đạo của cấp ủy được khẳng định, cơ chế phối hợp giữa MTTQ và đoàn thể được vận hành đồng

bộ, công tác giám sát và phản biện xã hội sẽ nâng cao chất lượng, đi vào thực chất, tạo động lực thúc đẩy xây dựng chính quyền minh bạch, dân chủ, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

*Hai là, cần chuẩn hóa quy trình và nội dung giám sát, phản biện theo hướng khoa học, cụ thể và minh bạch, coi đây là thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể.*

Chú trọng xây dựng quy trình năm bước rõ ràng. *Bước một*, lựa chọn nội dung và xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện. Căn cứ chương trình phối hợp, kiến nghị của Nhân dân, tổ chức thành viên và yêu cầu thực tiễn, MTTQ chủ trì hiệp thương lựa chọn nội dung, xác định hình thức và xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội hằng năm hoặc chuyên đề. *Bước hai*, chuẩn bị nội dung, đề cương và tổ chức lực lượng thực hiện. Xác định rõ mục tiêu, nội dung, phạm vi, đối tượng, phương pháp; mời các tổ chức thành viên, chuyên gia, nhà khoa học tham gia; chuẩn bị đề cương, tài liệu phục vụ giám sát hoặc phản biện. *Bước ba*, tổ chức thu thập thông tin, khảo sát và lấy ý kiến. Thực hiện nghiên cứu, khảo sát thực tế, thu thập tài liệu; tổ chức lấy ý kiến bằng nhiều hình thức (hội nghị, phiếu khảo sát, gửi xin ý kiến chuyên gia, đối tượng chịu tác động...) nhằm bảo đảm đầy đủ căn cứ thực tiễn và khoa học. *Bước bốn*, tổ chức giám sát

hoặc phản biện xã hội (hội nghị, đối thoại, làm việc trực tiếp). Tiến hành hoạt động giám sát hoặc phản biện theo kế hoạch; có thể tổ chức hội nghị, đối thoại trực tiếp với cơ quan liên quan, yêu cầu giải trình, làm rõ các nội dung còn ý kiến khác nhau. *Bước năm*, tổng hợp, ban hành kết luận và theo dõi, đôn đốc sau giám sát. Tập hợp, tổng hợp ý kiến, xây dựng văn bản giám sát hoặc phản biện gửi cơ quan có thẩm quyền; đồng thời theo dõi việc tiếp thu, trả lời, giải trình và thông tin lại cho Nhân dân.

Để quy trình này phát huy hiệu quả, mỗi bước đều cần được chuẩn hóa bằng tiêu chí và biểu mẫu. Việc chuẩn hóa này sẽ hạn chế tình trạng làm việc cảm tính, hình thức, đồng thời tạo sự thống nhất trong toàn hệ thống.

Đặc biệt, một nguyên tắc không thể thiếu là công khai, minh bạch kết quả giám sát và phản biện. Sau mỗi cuộc giám sát, kết luận và kiến nghị, cần được thông tin rộng rãi đến Nhân dân thông qua nhiều kênh khác nhau: bản tin phường, hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội chính thức của phường, hoặc niêm yết tại bảng tin tổ dân phố. Việc công khai này không chỉ để Nhân dân biết, mà quan trọng hơn là để Nhân dân giám sát ngược lại quá trình tiếp thu, thực hiện kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, từ đó bảo đảm tính trách nhiệm và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền.

*Ba là, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát và phản biện xã hội, coi đây là khâu đột phá quyết định chất lượng của hoạt động.*

Thực tế hiện nay, cán bộ MTTQ và đoàn thể ở phường đa số kiêm nhiệm, vừa đảm nhiệm công tác vận động quần chúng, vừa gánh thêm nhiệm vụ giám sát, phản biện, do đó không tránh khỏi những hạn chế về chuyên môn và thời gian. Chính vì vậy, trong giai đoạn tới cần có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo bài bản cho đội ngũ này. Trước hết là kỹ năng phân tích chính sách, giúp cán bộ không chỉ nắm nội dung văn bản mà còn có khả năng so sánh, đối chiếu với pháp luật, dự báo tác động xã hội, từ đó đưa ra những kiến nghị có cơ sở khoa học. Đồng thời, trong bối cảnh chuyển đổi số, cán bộ cần được trang bị khả năng sử dụng công cụ công nghệ số, từ phần mềm thu thập phản ánh trực tuyến, đến các ứng dụng phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo điện tử, thậm chí sử dụng trí tuệ nhân tạo để tổng hợp thông tin nhanh chóng, chính xác.

Song song với việc đào tạo, cần mạnh dạn huy động nguồn lực trí thức và chuyên gia tại chỗ để bổ sung tri thức chuyên sâu cho hoạt động phản biện. Trên địa bàn phường hiện có không ít cán bộ, đảng viên đã nghỉ hưu, luật sư, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kiểm toán viên, giáo viên, nhà nghiên

cứu - đây là nguồn lực quý giá cần được phát huy. Khi tham gia các hội nghị phản biện, họ sẽ mang đến góc nhìn chuyên môn, những phân tích sắc bén, những bằng chứng khoa học, từ đó làm tăng sức nặng và độ thuyết phục của ý kiến phản biện. Việc mời chuyên gia không chỉ nâng cao chất lượng nội dung, mà còn góp phần khẳng định tính khách quan, độc lập của hoạt động phản biện xã hội.

Như vậy, việc nâng cao năng lực cán bộ và huy động trí tuệ xã hội không chỉ giúp khắc phục hạn chế về chuyên môn, mà còn tạo dựng một cơ chế phối hợp “3 trong 1”: cán bộ MTTQ, đoàn thể làm nòng cốt; chuyên gia, trí thức làm lực lượng hỗ trợ; Nhân dân là chủ thể giám sát. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để công tác giám sát và phản biện xã hội bước sang giai đoạn mới, thực chất, khoa học và có chiều sâu hơn.

*Bốn là, chú trọng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong toàn bộ quy trình giám sát và phản biện xã hội, coi đây là một giải pháp đột phá để nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và kịp thời.*

Trong điều kiện chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, việc tận dụng công nghệ không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn bảo đảm tính khách quan, công khai trong việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi ý kiến của Nhân dân. Quan tâm xây dựng kênh tiếp nhận kiến nghị, phản ánh đa dạng

trên nền tảng số, như ứng dụng di động, nhóm mạng xã hội chính thức của phường, đường dây nóng có kết nối Zalo, Messenger, hoặc mục “góp ý, phản ánh” trên cổng thông tin điện tử. Thông qua đó, người dân có thể gửi kiến nghị, hình ảnh, video minh chứng ngay tại hiện trường, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng nắm bắt thực trạng và có cơ sở xử lý kịp thời. Điều này không chỉ tăng cường tính trực tiếp, giảm trung gian, mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền.

Ngoài ra, việc tích hợp trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong tương lai cũng là hướng đi cần tính tới. AI có thể giúp phân loại, tổng hợp hàng nghìn phản ánh của người dân theo nhóm chủ đề, xác định “điểm nóng” dư luận, từ đó giúp cấp ủy, chính quyền và MTTQ phường ưu tiên lựa chọn nội dung giám sát, phản biện. Như vậy, công tác giám sát sẽ ngày càng dựa trên bằng chứng số, tránh cảm tính, đồng thời nhanh nhạy hơn trong việc xử lý các vấn đề bức xúc tại địa phương.

Ứng dụng công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà còn là nền tảng để tái cấu trúc quy trình giám sát và phản biện xã hội theo hướng hiện đại, minh bạch và gần dân hơn. Khi mọi phản ánh của Nhân dân đều có thể được ghi nhận, lưu trữ, theo dõi và công khai trên môi trường số, niềm tin của người dân vào hiệu quả của giám

sát và phản biện xã hội chắc chắn sẽ được củng cố, qua đó tạo động lực để xây dựng một chính quyền đô thị hiện đại, minh bạch, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo.

*Năm là, để nâng cao hiệu quả, cần gắn chặt công tác giám sát và phản biện xã hội với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị.*

Thực tế cho thấy, nhiều kiến nghị giám sát chỉ dừng lại ở mức ghi nhận, phản hồi chung chung, hoặc chậm triển khai giải quyết, nguyên nhân chủ yếu là chưa ràng buộc trách nhiệm cụ thể đối với người lãnh đạo trực tiếp. Do đó, trong giai đoạn tới, cần thiết lập cơ chế rõ ràng: mọi kiến nghị sau giám sát, phản biện đều phải được phân công đến đúng người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết, kèm theo mốc thời gian thực hiện cụ thể. Kết quả xử lý kiến nghị cần được trả lời bằng văn bản và công khai rộng rãi để Nhân dân biết, giám sát và đánh giá.

Đồng thời, cần coi tỷ lệ tiếp thu và chất lượng tiếp thu kiến nghị như một chỉ số quan trọng trong đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên và cơ quan, đơn vị. Nếu cán bộ, đơn vị có tỷ lệ tiếp thu thấp, hoặc trả lời thiếu thuyết phục, chậm tiến độ, thì cần được xem xét nghiêm túc trong đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Ngược lại, những cán bộ, đơn vị có thái độ cầu thị,

phản hồi kịp thời, chất lượng cao, đem lại sự hài lòng cho Nhân dân thì cần được biểu dương, nhân rộng. Cách làm này không chỉ nâng cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, mà còn góp phần tạo ra sự chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương trong toàn bộ hệ thống chính trị ở cơ sở.

Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế theo dõi công khai, minh bạch để Nhân dân có thể giám sát ngược lại việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu, công khai trên bảng tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử phường, thể hiện rõ: nội dung kiến nghị, cơ quan chịu trách nhiệm, người đứng đầu phụ trách, thời hạn cam kết xử lý và kết quả cuối cùng. Điều này giúp tránh tình trạng né tránh, đùn đẩy, đồng thời buộc người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân.

Như vậy, khi gắn chặt công tác giám sát, phản biện xã hội với trách nhiệm của người đứng đầu và coi đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ, đảng viên, từ đó sẽ tạo ra được động lực mạnh mẽ để mọi kiến nghị của Nhân dân đều được giải quyết thấu đáo, kịp thời. Điều đó không chỉ củng cố niềm tin của Nhân dân, mà còn góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công tâm, trách nhiệm.

*Sáu là, để tạo hiệu ứng lan tỏa, công tác giám sát và phản biện xã hội cần được truyền thông một cách rộng rãi, công khai và minh bạch, coi đây là*

*cầu nối quan trọng giữa chính quyền với Nhân dân.*

Thực tế cho thấy, nhiều cuộc giám sát và phản biện chỉ dừng lại ở phạm vi nội bộ, kết quả ít được công bố, khiến người dân chưa cảm nhận rõ vai trò và giá trị của hoạt động này. Vì vậy, trong giai đoạn tới, mỗi kết luận giám sát, phản biện phải được thông tin với thông điệp ngắn gọn, dễ hiểu, sử dụng ngôn ngữ gần gũi, trực quan, để mọi tầng lớp Nhân dân đều có thể nắm bắt. Một nguyên tắc quan trọng là truyền thông theo cách “trước - sau”: nêu rõ thực trạng trước khi giám sát, kiến nghị đã được đưa ra, và kết quả sau khi được tiếp thu, điều chỉnh. Khi người dân thấy những thay đổi cụ thể, hữu hình từ chính ý kiến của mình, niềm tin và sự đồng thuận xã hội sẽ được củng cố bền vững.

Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa hình thức truyền thông: từ các phương tiện truyền thống như loa truyền thanh, bảng tin tổ dân phố, hội nghị khu dân cư, cho đến nền tảng số như website phường, fanpage mạng xã hội chính thức, nhóm Zalo cộng đồng. Những hình ảnh minh họa, video ngắn, infographic “trước - sau” sẽ giúp thông tin dễ lan tỏa, tạo sức hấp dẫn và tính thuyết phục cao hơn. Đồng thời, định kỳ, phát hành bản tin giám sát và phản biện xã hội của MTTQ phường, trong đó tổng hợp ngắn gọn các vấn đề nổi

bật, kết quả xử lý, để người dân có thể theo dõi một cách hệ thống.

Quan trọng hơn, truyền thông không chỉ dừng lại ở việc báo cáo kết quả, mà còn phải trở thành kênh vận động, khích lệ Nhân dân tiếp tục tham gia. Khi thông tin được lan tỏa rộng rãi, minh chứng rõ ràng, người dân sẽ nhận thức sâu sắc hơn về quyền và trách nhiệm của mình trong giám sát, phản biện, từ đó chủ động đóng góp nhiều ý kiến, phản ánh thiết thực hơn.

Truyền thông minh bạch và rộng khắp không chỉ giúp khẳng định hiệu quả của công tác giám sát và phản biện xã hội, mà còn biến hoạt động này thành một phong trào, một nét văn hóa chính trị ở cơ sở, nơi mỗi người dân phường đều cảm thấy mình được lắng nghe, được tôn trọng và có tiếng nói trong xây dựng chính quyền vì dân, gần dân.

Như vậy, giám sát và phản biện xã hội không chỉ là chức năng riêng của MTTQ và các đoàn thể, mà còn là cơ chế quan trọng để Nhân dân trực tiếp tham gia quản lý xã hội, góp phần xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân. Đây chính là thước đo của dân chủ cơ sở, là “kênh đối thoại hai chiều” giữa chính quyền và người dân, qua đó tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận và khối đại đoàn kết toàn dân. Khi được triển khai một cách bài bản, công khai, minh bạch và có sự đồng hành tích cực của Nhân dân, công tác giám sát và phản

biện xã hội sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới quản trị địa phương, góp phần xây dựng phường Hạc Thành trở thành một địa bàn phát triển bền vững, văn minh, hiện đại, nơi người dân thật sự thấy mình là chủ thể, là trung tâm của mọi chính sách và hành động của chính quyền.

“Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân thụ hưởng” - chính là kim chỉ nam để giám sát và phản biện xã hội ở phường Hạc Thành phát huy hiệu quả, vì Nhân dân và do Nhân dân.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.*

2. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.*

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.*

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chính phủ - Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (2017), *Nghị quyết liên tịch số*

*403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam.*

5. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Tài liệu hướng dẫn công tác giám sát và phản biện xã hội.*

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thanh Hóa (2019-2024), *Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận và hoạt động giám sát, phản biện xã hội hằng năm.*

7. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính.*

8. Các văn bản, báo cáo chuyên đề của cấp ủy, chính quyền và MTTQ các phường, xã trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2019-2024.

9. Một số tài liệu, bài viết nghiên cứu về giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.